



Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước



Quy trình điều tra chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh

Phân tích một số vụ việc điều tra chống trợ cấp (CTC) của Anh với Trung Quốc

Mục lục

- 3** Tổng quan về biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh
- 11** Phương pháp tính toán biên độ trợ cấp của Vương Quốc Anh
- 18** Quy trình điều tra chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh
- 26** Quy trình rà soát thuế chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh
- 34** Thực tiễn điều tra, áp dụng các biện pháp chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh (UK) với các nước và với Việt Nam
- 41** Phân tích một số vụ việc điều tra chống trợ cấp (CTC) của Anh với Trung Quốc
- 48** Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam cần làm gì khi đối mặt với vụ việc điều tra chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh
- 56** Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước



Tổng quan về biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh

Khái quát chung về biện pháp chống trợ cấp

Trong hệ thống các công cụ phòng vệ thương mại được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong thương mại quốc tế, biện pháp chống trợ cấp giữ vai trò đặc biệt quan trọng nhằm bảo đảm môi trường cạnh tranh công bằng giữa hàng hóa sản xuất trong nước và hàng hóa nhập khẩu. Về bản chất, biện pháp chống trợ cấp là công cụ pháp lý cho phép một quốc gia áp dụng thuế đối kháng hoặc các biện pháp tương đương đối với hàng hóa nhập khẩu được hưởng các khoản trợ cấp từ chính phủ hoặc cơ quan công quyền của nước xuất khẩu, trong trường hợp các khoản trợ cấp đó gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước của quốc gia nhập khẩu. Biện pháp này không nhằm cản trở thương mại hay bảo hộ cục đơan, mà hướng

tới việc khôi phục sự cân bằng cạnh tranh bị bóp méo do sự can thiệp của Nhà nước thông qua các chính sách trợ cấp không phù hợp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, vai trò của trợ cấp trong chính sách kinh tế của các quốc gia ngày càng trở nên phổ biến và đa dạng. Nhiều chính phủ sử dụng trợ cấp như một công cụ quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hỗ trợ phát triển các ngành công nghiệp non trẻ, bảo vệ các ngành sản xuất chiến lược, duy trì việc làm, khuyến khích đổi mới công nghệ hoặc đạt được các mục tiêu xã hội và môi trường. Tuy nhiên, khi các khoản trợ cấp này được sử dụng nhằm tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa xuất khẩu hoặc thay thế nhập khẩu, đặc biệt là trong trường hợp trợ cấp mang tính cụ thể và có tác động xuyên biên

giới, chúng có thể làm méo mó dòng chảy thương mại quốc tế, gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng và ảnh hưởng tiêu cực đến ngành sản xuất của các quốc gia nhập khẩu. Chính vì vậy, cộng đồng quốc tế, thông qua khuôn khổ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đã xây dựng một hệ thống quy tắc nhằm điều chỉnh việc sử dụng trợ cấp và cho phép các quốc gia thành viên áp dụng biện pháp chống trợ cấp trong những điều kiện nhất định.

Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng của WTO (SCM Agreement) là nền tảng pháp lý quốc tế quan trọng nhất điều chỉnh vấn đề này, trong đó quy định rõ khái niệm trợ cấp, phân loại trợ cấp, các loại trợ cấp bị cấm, trợ cấp có thể bị kiện, cũng như các điều kiện và trình tự áp dụng biện pháp chống trợ cấp. Theo đó, biện pháp chống trợ cấp chỉ được phép áp dụng



khi đáp ứng đồng thời ba điều kiện cơ bản, bao gồm: sự tồn tại của một khoản trợ cấp có thể bị đối kháng; ngành sản xuất nội địa của nước nhập khẩu chịu thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể; và có mối quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hàng hóa được trợ cấp nhập khẩu và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Các quy định này nhằm bảo đảm rằng biện pháp chống trợ cấp được sử dụng một cách thận trọng, minh bạch và phù hợp với luật pháp quốc tế, tránh việc lạm dụng để che đậy các biện pháp bảo hộ thương mại trá hình.

Đối với Vương quốc Anh, biện pháp chống trợ cấp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong bối cảnh quốc gia này tái định hình chính sách thương mại độc lập sau khi rời Liên minh châu Âu (Brexit). Trước đây, các biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm chống trợ cấp, được thực hiện trong khuôn khổ pháp lý chung của EU, với thẩm quyền điều tra và áp dụng biện pháp thuộc về các cơ quan của Liên minh. Sau Brexit, Vương quốc Anh phải tự xây dựng và vận hành một hệ thống phòng vệ thương mại riêng, vừa bảo đảm tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế trong khuôn khổ WTO, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ lợi ích kinh tế và ngành sản xuất trong nước trong điều kiện cạnh tranh toàn cầu ngày càng gay gắt. Trong bối cảnh đó, biện pháp chống trợ cấp được xem là một trong những công cụ quan trọng giúp Vương quốc Anh chủ động ứng phó với các hành vi cạnh tranh không công bằng từ bên ngoài, đồng thời củng cố niềm tin của doanh nghiệp trong nước vào khả năng bảo vệ hợp pháp của Nhà nước.

Bên cạnh vai trò bảo vệ ngành sản xuất nội địa, biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh còn gắn liền với mục tiêu xây dựng một môi trường thương mại minh bạch, dựa trên luật lệ và cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Việc áp dụng biện pháp này không chỉ xét đến lợi ích của ngành sản xuất bị thiệt hại mà còn cân nhắc tác động rộng hơn đối với người tiêu dùng, các ngành công nghiệp sử dụng đầu vào, chuỗi cung ứng và nền kinh tế nói chung. Cách tiếp cận này phản ánh quan điểm của Vương quốc Anh trong việc sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại một cách có chọn lọc, hợp lý và phù hợp với lợi ích kinh tế tổng thể, tránh những tác động tiêu cực không cần thiết đến thương mại và đầu tư.

Như vậy, có thể thấy rằng biện pháp chống trợ cấp không chỉ là một công cụ kỹ thuật mang tính pháp lý thuần túy mà còn là một bộ phận quan trọng trong chiến lược thương mại và công nghiệp của Vương quốc Anh.

Cơ sở pháp lý của biện pháp chống trợ cấp tại Vương quốc Anh

Cơ sở pháp lý của biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh được xây dựng trên sự kết hợp chặt chẽ giữa các cam kết pháp lý quốc tế mà quốc gia này là thành viên và hệ thống pháp luật nội địa được thiết lập, hoàn thiện trong giai đoạn hậu Brexit. Sự kết hợp này vừa bảo đảm việc tuân thủ các nguyên tắc và nghĩa vụ của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), vừa tạo cơ sở pháp lý vững chắc để Vương quốc Anh chủ động áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nhằm bảo vệ lợi ích chính đáng của ngành sản xuất trong nước trong bối

cạnh tranh toàn cầu ngày càng gia tăng.

Trên phương diện pháp lý quốc tế, Vương quốc Anh là thành viên chính thức của WTO và chịu sự ràng buộc đầy đủ bởi các hiệp định cốt lõi của tổ chức này, trong đó Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures – SCM Agreement) đóng vai trò trung tâm trong việc điều chỉnh việc sử dụng trợ cấp và áp dụng biện pháp chống trợ cấp. Hiệp định SCM quy định một cách hệ thống và chi tiết về khái niệm trợ cấp, các yếu tố cấu thành trợ cấp, phạm vi điều chỉnh, cũng như việc phân loại trợ cấp thành các nhóm khác nhau dựa trên mức độ và tính chất gây méo mó thương mại. Theo đó, các khoản trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp sử dụng hàng hóa nội địa thay thế hàng nhập khẩu bị coi là trợ cấp bị cấm, trong khi các khoản trợ cấp khác có thể bị kiện và bị áp dụng biện pháp đối kháng nếu gây thiệt hại cho ngành sản xuất của nước nhập khẩu. Hiệp định SCM cũng quy định chặt chẽ về các điều kiện áp dụng biện pháp chống trợ cấp, yêu cầu nước điều tra phải chứng minh đầy đủ sự tồn tại của trợ cấp, thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất trong nước và mối quan hệ nhân quả giữa hai yếu tố này, đồng thời tuân thủ các nguyên tắc về minh bạch, công bằng thủ tục và quyền tham gia của các bên liên quan trong suốt quá trình điều tra. Các quy định này tạo thành khuôn khổ pháp lý chung mang tính bắt buộc đối với Vương quốc Anh khi xây dựng và thực thi chính sách chống trợ cấp của mình.

Bên cạnh các quy định chung của WTO, việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp của Vương

quốc Anh còn chịu sự chi phối của các cam kết quốc tế song phương và đa phương khác mà quốc gia này tham gia, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Trong nhiều hiệp định, Vương quốc Anh cam kết duy trì và thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp với WTO, đồng thời tăng cường minh bạch, tham vấn và hợp tác giữa các bên trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp. Các cam kết này không làm hạn chế quyền áp dụng biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh, nhưng đặt ra những yêu cầu cao hơn về thủ tục, tính dự báo và khả năng giải trình trong quá trình điều tra và áp dụng biện pháp.

Trên phương diện pháp luật nội địa, nền tảng pháp lý quan trọng nhất điều chỉnh biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh là Đạo luật Thuế quan (Taxation (Cross-border Trade) Act) năm 2018, được ban hành trong bối cảnh chuẩn bị cho việc rời Liên minh châu Âu và chính thức có hiệu lực sau Brexit. Đạo luật này trao thẩm quyền cho Chính phủ Vương quốc Anh trong việc điều tra và áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm biện pháp chống trợ cấp, đối với hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Anh. Trên cơ sở Đạo luật Thuế quan, Chính phủ đã ban hành các quy định chi tiết và văn bản hướng dẫn nhằm cụ thể hóa các nguyên tắc, tiêu chí và thủ tục điều tra chống trợ cấp, bảo đảm sự phù hợp với các quy định của WTO đồng thời phản ánh các ưu tiên chính sách của quốc gia.

Một điểm nổi bật trong khuôn khổ pháp lý nội địa của Vương quốc Anh là việc thành lập Cơ quan Phòng vệ Thương mại (Trade Remedies Authority

– TRA), một cơ quan độc lập có chức năng tiếp nhận hồ sơ, tiến hành điều tra, phân tích và đưa ra khuyến nghị liên quan đến việc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có biện pháp chống trợ cấp. TRA hoạt động theo nguyên tắc độc lập, khách quan và dựa trên bằng chứng, nhằm bảo đảm rằng các quyết định điều tra không bị chi phối bởi các yếu tố chính trị ngắn hạn mà dựa trên các phân tích kinh tế – pháp lý toàn diện. Trong quá trình điều tra chống trợ cấp, TRA chịu trách nhiệm xác định sự tồn tại và mức độ trợ cấp, đánh giá thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, phân tích mối quan hệ nhân quả và xem xét tác động kinh tế tổng thể của việc áp dụng biện pháp đối kháng đối với nền kinh tế Vương quốc Anh.

Ngoài việc xác định các yếu tố cấu thành trợ cấp và thiệt hại, khuôn khổ pháp lý của Vương quốc Anh còn nhấn mạnh đến nguyên tắc cân nhắc lợi ích kinh tế tổng thể, thường được thể hiện thông qua bài kiểm tra lợi ích công cộng hoặc lợi ích kinh tế quốc gia. Theo nguyên tắc này, ngay cả khi đã chứng minh được sự tồn tại của trợ cấp và thiệt hại, việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp vẫn cần được xem xét trong mối tương quan với tác động của biện pháp đó đối với người tiêu dùng, các ngành công nghiệp hạ nguồn, cạnh tranh trên thị trường và mục tiêu phát triển kinh tế dài hạn của quốc gia. Đây được xem là một đặc điểm nổi bật trong cách tiếp cận của Vương quốc Anh, phản ánh sự thận trọng trong việc sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại nhằm tránh gây ra những hệ quả tiêu cực không mong muốn đối với nền kinh tế nói chung.

Có thể thấy rằng cơ sở pháp lý của biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh được xây dựng một cách tương đối toàn diện và chặt chẽ, kết hợp hài hòa giữa các nghĩa vụ quốc tế và nhu cầu bảo vệ lợi ích kinh tế trong nước. Hệ thống pháp luật này không chỉ tạo ra nền tảng vững chắc cho việc điều tra và áp dụng biện pháp chống trợ cấp một cách hợp pháp và minh bạch, mà còn góp phần khẳng định cam kết của Vương quốc Anh trong việc duy trì một hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ, đồng thời bảo vệ hiệu quả ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế.

Khái niệm và các yếu tố cấu thành trợ cấp theo pháp luật của Vương quốc Anh

Trong khuôn khổ pháp lý về chống trợ cấp của Vương quốc Anh, khái niệm “trợ cấp” được xác định và áp dụng nhất quán trên cơ sở các quy định của Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đồng thời được cụ thể hóa trong pháp luật nội địa nhằm bảo đảm tính rõ ràng và khả năng thực thi trong thực tiễn điều tra. Theo đó, một biện pháp hỗ trợ chỉ được coi là trợ cấp khi đồng thời thỏa mãn đầy đủ ba yếu tố cơ bản, bao gồm sự đóng góp tài chính của Nhà nước hoặc cơ quan công quyền, việc mang lại lợi ích cho doanh nghiệp hoặc ngành sản xuất được hưởng hỗ trợ và tính cụ thể của khoản hỗ trợ đó.

Trước hết, yếu tố đóng góp tài chính của Nhà nước được hiểu theo nghĩa rộng, không chỉ giới hạn ở việc cấp vốn trực tiếp mà còn bao gồm nhiều hình thức hỗ trợ khác như cho vay với lãi

suất ưu đãi, bảo lãnh tín dụng, miễn, giảm hoặc hoàn thuế, xóa nợ, cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ không theo giá thị trường, hoặc việc Nhà nước từ bỏ hoặc không thu các khoản thu ngân sách đáng lẽ phải thu; trong thực tiễn điều tra chống trợ cấp tại Vương quốc Anh, việc xác định sự tồn tại của đóng góp tài chính thường đòi hỏi phải phân tích chi tiết vai trò của các cơ quan công quyền, doanh nghiệp nhà nước hoặc các tổ chức được Nhà nước ủy quyền trong việc cung cấp hỗ trợ.

Tiếp theo, yếu tố lợi ích được xác định thông qua việc so sánh điều kiện mà doanh nghiệp nhận được khoản hỗ trợ với các điều kiện thông thường của thị trường, theo đó một khoản hỗ trợ được coi là mang lại lợi ích nếu doanh nghiệp nhận được lợi thế về chi phí, tài chính hoặc điều kiện kinh doanh tốt hơn so với những gì có thể đạt được trong điều kiện thị trường cạnh tranh bình thường; việc xác định lợi ích không phụ thuộc vào mục đích chính sách của khoản hỗ trợ mà dựa trên tác động thực tế của nó đối với doanh nghiệp được hưởng.

Cuối cùng, tính cụ thể là yếu tố then chốt nhằm phân biệt trợ cấp có thể bị đối kháng với các biện pháp chính sách chung của Nhà nước, theo đó một khoản hỗ trợ chỉ bị coi là trợ cấp nếu nó được giới hạn cho một hoặc một số doanh nghiệp, ngành sản xuất, nhóm doanh nghiệp hoặc khu vực địa lý nhất định, hoặc được trao trên cơ sở các tiêu chí mang tính phân biệt, trong khi các biện pháp hỗ trợ áp dụng rộng rãi, không phân biệt đối tượng, thường không bị coi là trợ cấp có thể bị đối kháng; trong thực tiễn áp dụng của Vương quốc Anh,

việc đánh giá tính cụ thể đòi hỏi phải xem xét cả hình thức pháp lý của chính sách hỗ trợ và cách thức triển khai trên thực tế, bao gồm việc phân tích mức độ tiếp cận của các doanh nghiệp khác nhau đối với khoản hỗ trợ đó. Bên cạnh việc xác định ba yếu tố cấu thành cơ bản, pháp luật của Vương quốc Anh còn phân biệt các loại trợ cấp dựa trên tính chất và mức độ gây méo mó thương mại, trong đó các khoản trợ cấp xuất khẩu hoặc trợ cấp gắn với điều kiện sử dụng hàng hóa nội địa thay thế hàng nhập khẩu được xem là có mức độ rủi ro cao và thường là đối tượng ưu tiên trong các cuộc điều tra chống trợ cấp. Việc xác định chính xác khái niệm và các yếu tố cấu thành trợ cấp có ý nghĩa then chốt trong toàn bộ quá trình điều tra chống trợ cấp của Vương quốc Anh, bởi đây là cơ sở pháp lý ban đầu để xem xét liệu một biện pháp hỗ trợ của nước xuất khẩu có thuộc phạm vi điều chỉnh của biện pháp đối kháng hay không, đồng thời quyết định phạm vi, đối tượng và mức độ áp dụng thuế chống trợ cấp trong trường hợp có đủ bằng chứng về thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

Điều kiện áp dụng biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh

Theo khuôn khổ pháp lý về phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh, việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu không được thực hiện một cách tùy tiện mà chỉ được tiến hành khi đáp ứng đầy đủ và đồng thời các điều kiện chặt chẽ về pháp lý và kinh tế, nhằm bảo đảm sự phù hợp với các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và tránh việc lạm dụng biện pháp

đối kháng như một hình thức bảo hộ thương mại trá hình.

Trước hết, điều kiện tiên quyết là phải chứng minh được sự tồn tại của một khoản trợ cấp có thể bị đối kháng theo đúng khái niệm và các yếu tố cấu thành đã được xác định, bao gồm sự đóng góp tài chính của Nhà nước hoặc cơ quan công quyền của nước xuất khẩu, việc mang lại lợi ích cho doanh nghiệp hoặc ngành sản xuất được hưởng hỗ trợ và tính cụ thể của khoản trợ cấp đó; trong thực tiễn điều tra, cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Anh phải tiến hành phân tích chi tiết từng chương trình hỗ trợ, đánh giá bản chất pháp lý và cách thức vận hành trên thực tế để xác định liệu khoản hỗ trợ đó có thuộc phạm vi điều chỉnh của biện pháp chống trợ cấp hay không.

Bên cạnh việc xác định sự tồn tại của trợ cấp, Vương quốc Anh còn phải chứng minh rằng ngành sản xuất nội địa của mình đang chịu thiệt hại đáng kể, bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể hoặc bị cản trở quá trình hình thành trong trường hợp ngành sản xuất mới được thiết lập; việc đánh giá thiệt hại được thực hiện trên cơ sở phân tích toàn diện và khách quan các chỉ tiêu kinh tế liên quan đến tình hình của ngành sản xuất trong nước, bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thị phần, giá bán, mức tồn kho, việc làm, tiền lương, năng suất lao động, khả năng huy động vốn và mức độ đầu tư, trong đó cơ quan điều tra phải xem xét xu hướng biến động của các chỉ tiêu này trong một giai đoạn đủ dài để phản ánh chính xác tác động của hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp. Một điều kiện quan trọng không kém là việc xác lập mối

quan hệ nhân quả trực tiếp giữa hàng hóa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, theo đó Vương quốc Anh phải chứng minh rằng chính hàng hóa được trợ cấp, thông qua khối lượng nhập khẩu gia tăng, giá bán thấp hoặc tác động cạnh tranh khác, là nguyên nhân chủ yếu gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa, đồng thời phải phân tích và loại trừ tác động của các yếu tố khác có thể gây thiệt hại như sự suy giảm chung của nhu cầu thị trường, thay đổi trong thị hiếu tiêu dùng, cạnh tranh từ hàng nhập khẩu không bị điều tra, tiến bộ công nghệ hoặc các yếu tố nội tại của ngành sản xuất trong nước.

Ngoài ba điều kiện cốt lõi nêu trên, khuôn khổ pháp lý của Vương quốc Anh còn đặt ra yêu cầu xem xét lợi ích kinh tế tổng thể của việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp, theo đó ngay cả khi đã xác định được sự tồn tại của trợ cấp, thiệt hại và mối quan hệ nhân quả, cơ quan điều tra vẫn cần đánh giá liệu việc áp dụng thuế chống trợ cấp có mang lại lợi ích chung cho nền kinh tế Vương quốc Anh hay không, trên cơ sở cân nhắc tác động của biện pháp này đối với người tiêu dùng, các ngành công nghiệp sử dụng đầu vào, cạnh tranh trên thị trường và các mục tiêu kinh tế – xã hội dài hạn của quốc gia. Cách tiếp cận này phản ánh quan điểm thận trọng của Vương quốc Anh trong việc sử dụng biện pháp chống trợ cấp, nhằm bảo đảm rằng công cụ phòng vệ thương mại này được áp dụng đúng mục đích, đúng đối tượng và trong phạm vi cần thiết để khôi phục sự công bằng trong cạnh tranh, đồng thời hạn chế tối đa những tác động tiêu cực không mong

muốn đối với thương mại và phát triển kinh tế.

Đặc điểm riêng của biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh hậu Brexit

Sau khi chính thức rời Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh đã xây dựng và vận hành một cơ chế phòng vệ thương mại độc lập, trong đó biện pháp chống trợ cấp mang những đặc điểm riêng biệt so với giai đoạn trước đây khi quốc gia này còn chịu sự điều chỉnh của khuôn khổ pháp lý chung của EU. Một trong những đặc điểm nổi bật nhất của chính sách chống trợ cấp hậu Brexit là mức độ chủ động và linh hoạt cao hơn trong việc thiết kế và áp dụng biện pháp, cho phép Vương quốc Anh điều chỉnh cách tiếp cận điều tra và ra quyết định phù hợp hơn với điều kiện kinh tế trong nước và các ưu tiên chính sách quốc gia. Thay vì phụ thuộc vào cơ chế ra quyết định tập thể của Liên minh châu Âu, Vương quốc Anh hiện nay có toàn quyền đánh giá sự tồn tại của trợ cấp, mức độ thiệt hại và nhu cầu áp dụng biện pháp đối kháng trên cơ sở lợi ích của riêng mình, qua đó rút ngắn thời gian xử lý vụ việc và tăng tính kịp thời trong bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

Bên cạnh đó, khuôn khổ pháp lý hậu Brexit của Vương quốc Anh đặc biệt nhấn mạnh nguyên tắc xem xét lợi ích kinh tế tổng thể, theo đó việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp không chỉ nhằm bảo vệ ngành sản xuất bị thiệt hại mà còn phải cân nhắc đầy đủ tác động đối với người tiêu dùng, các ngành công nghiệp hạ nguồn, chuỗi cung ứng và mức độ cạnh tranh trên thị trường nội địa, phản ánh cách tiếp cận cân bằng và thận trọng hơn trong việc

sử dụng các công cụ phòng vệ thương mại. Một đặc điểm đáng chú ý khác là vai trò trung tâm của Cơ quan Phòng vệ Thương mại Vương quốc Anh (Trade Remedies Authority – TRA) với tư cách là một cơ quan điều tra độc lập, hoạt động dựa trên các tiêu chí kỹ thuật và bằng chứng kinh tế – pháp lý, nhằm hạn chế sự can thiệp mang tính chính trị vào quá trình điều tra và bảo đảm tính minh bạch, khách quan trong việc đề xuất áp dụng biện pháp chống trợ cấp.

Ngoài ra, chính sách chống trợ cấp của Vương quốc Anh hậu Brexit còn cho thấy xu hướng tăng cường minh bạch và tham vấn với các bên liên quan, bao gồm nhà sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, doanh nghiệp xuất khẩu nước ngoài và chính phủ các nước liên quan, qua đó giúp các bên hiểu rõ hơn về quy trình điều tra, quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời nâng cao tính dự báo của chính sách phòng vệ thương mại. Trong thực tiễn, các đặc điểm này góp phần định hình một hệ thống chống trợ cấp mang tính độc lập, linh hoạt nhưng vẫn tuân thủ các nguyên tắc và nghĩa vụ của WTO, giúp Vương quốc Anh vừa bảo vệ hiệu quả ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng, vừa duy trì hình ảnh của một thị trường mở, minh bạch và dựa trên luật lệ trong thương mại quốc tế.

Thực tiễn áp dụng biện pháp chống trợ cấp tại Vương quốc Anh

Trong những năm gần đây, đặc biệt là kể từ khi Vương quốc Anh thiết lập hệ thống phòng vệ thương mại độc lập sau Brexit, việc áp dụng biện pháp chống

trợ cấp trong thực tiễn đã từng bước gia tăng cả về mức độ quan tâm lẫn phạm vi điều chỉnh, phản ánh nỗ lực của quốc gia này trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng trong thương mại quốc tế.

Trên thực tế, các vụ việc chống trợ cấp tại Vương quốc Anh chủ yếu tập trung vào các ngành công nghiệp cơ bản và có ý nghĩa chiến lược như thép, nhôm, hóa chất, vật liệu xây dựng và một số sản phẩm công nghiệp chế tạo, nơi mà tác động của trợ cấp nước ngoài được cho là có khả năng gây méo mó nghiêm trọng môi trường cạnh tranh và ảnh hưởng trực tiếp đến năng lực sản xuất nội địa. Trong quá trình điều tra, Cơ quan Phòng vệ Thương mại Vương quốc Anh (Trade Remedies Authority – TRA) đóng vai trò trung tâm trong việc thu thập, phân tích và đánh giá thông tin liên quan đến các chương trình trợ cấp của nước xuất khẩu, tình hình nhập khẩu hàng hóa bị điều tra và mức độ thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, thông qua việc

gửi bản câu hỏi, tiến hành thẩm tra tại chỗ và tổ chức các phiên tham vấn với các bên liên quan. Một đặc điểm đáng chú ý trong thực tiễn áp dụng là cách tiếp cận tương đối thận trọng và dựa trên bằng chứng của TRA, trong đó cơ quan này không chỉ xem xét sự tồn tại của trợ cấp và thiệt hại mà còn phân tích sâu mối quan hệ nhân quả cũng như tác động kinh tế tổng thể của việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp đối với nền kinh tế Vương quốc Anh, qua đó tránh việc áp dụng thuế đối kháng trong những trường hợp mà lợi ích bảo vệ ngành sản xuất không vượt trội so với các chi phí kinh tế – xã hội phát sinh.

Trong một số vụ việc, kết quả điều tra cho thấy dù có dấu hiệu tồn tại trợ cấp, việc áp dụng biện pháp chống trợ cấp vẫn không được khuyến nghị do không chứng minh được đầy đủ thiệt hại đáng kể hoặc mối quan hệ nhân quả rõ ràng, phản ánh tính minh bạch và khách quan của cơ chế điều tra. Đồng thời, trong các vụ việc mà biện pháp chống trợ cấp được áp dụng, mức thuế đối kháng thường được xác định trên

cơ sở mức trợ cấp thực tế được tính toán, nhằm bảo đảm rằng biện pháp áp dụng chỉ ở mức cần thiết để bù đắp tác động của trợ cấp chứ không vượt quá mức hợp lý. Thực tiễn áp dụng biện pháp chống trợ cấp tại Vương quốc Anh cho thấy xu hướng sử dụng công cụ này một cách có chọn lọc, tập trung vào những trường hợp có nguy cơ gây tổn hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước, đồng thời duy trì sự cân bằng giữa mục tiêu bảo vệ sản xuất nội địa và cam kết duy trì một môi trường thương mại mở, minh bạch và phù hợp với các nguyên tắc của WTO.

Tác động của biện pháp chống trợ cấp đối với thương mại quốc tế

Biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh vừa mang lại những tác động tích cực trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước sự cạnh tranh không công bằng từ hàng hóa nhập khẩu được hưởng các khoản hỗ trợ của chính phủ nước ngoài, vừa đặt ra không ít thách thức đối với các đối tác thương mại của quốc gia này. Thông qua việc áp dụng thuế



chống trợ cấp, Vương quốc Anh có thể góp phần khôi phục môi trường cạnh tranh bình đẳng, giúp các doanh nghiệp nội địa duy trì năng lực sản xuất, ổn định việc làm và tạo điều kiện cho đầu tư dài hạn trong các ngành công nghiệp có ý nghĩa chiến lược. Tuy nhiên, ở chiều ngược lại, các biện pháp này có thể làm gia tăng chi phí tiếp cận thị trường, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh của hàng hóa nhập khẩu và tác động đến dòng chảy thương mại song phương.

Đối với các nước xuất khẩu, đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển, các cuộc điều tra chống trợ cấp của Vương quốc Anh thường kéo theo yêu cầu cao về tuân thủ pháp luật thương mại quốc tế, đòi hỏi doanh nghiệp phải minh bạch hóa các khoản hỗ trợ nhận được từ Nhà nước, hoàn thiện hệ thống kế toán – tài chính và cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho cơ quan điều tra. Đồng thời, doanh nghiệp xuất khẩu cũng cần nâng cao nhận thức và năng lực ứng phó với các rủi ro phòng vệ thương mại, từ việc theo dõi sát các chính sách thương mại của thị trường nhập khẩu, phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý nhà nước, đến việc xây dựng chiến lược sản xuất – xuất khẩu bền vững, giảm phụ thuộc vào các hình thức trợ cấp dễ bị khiếu kiện. Trong bối cảnh đó, biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh không chỉ là công cụ bảo vệ ngành sản xuất trong nước mà còn trở thành yếu tố tác động mạnh mẽ đến cách thức các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu điều chỉnh chính sách phát triển và chiến lược hội nhập thương mại trong dài hạn.

8. Kết luận

Biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh là một cấu phần quan trọng trong hệ thống phòng vệ thương mại quốc gia, phản ánh nỗ lực của nước này trong việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước trước các hành vi cạnh tranh không công bằng phát sinh từ việc sử dụng trợ cấp của chính phủ nước ngoài, đồng thời duy trì cam kết đối với hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ. Trên cơ sở tuân thủ các quy định của Tổ chức Thương mại Thế giới và các cam kết quốc tế liên quan, Vương quốc Anh đã xây dựng một khuôn khổ pháp lý tương đối đầy đủ và chặt chẽ, với quy trình điều tra minh bạch, vai trò trung tâm của Cơ quan Phòng vệ Thương mại và cách tiếp cận thận trọng trong việc cân nhắc lợi ích kinh tế tổng thể khi áp dụng biện pháp đối kháng.

Trong bối cảnh hậu Brexit, biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh mang tính độc lập và linh hoạt hơn, cho phép quốc gia này chủ động ứng phó với những biến động của thương mại toàn cầu và bảo vệ các ngành sản xuất có ý nghĩa chiến lược, song cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về trách nhiệm giải trình, minh bạch và cân bằng lợi ích giữa các chủ thể trong nền kinh tế. Thực tiễn áp dụng cho thấy biện pháp chống trợ cấp vừa góp phần củng cố năng lực cạnh tranh của ngành sản xuất trong nước, vừa tạo ra những tác động nhất định đối với thương mại quốc tế và các đối tác xuất khẩu, đặc biệt là các nền kinh tế đang phát triển, khi phải đối mặt với chi phí tuân thủ gia tăng và rủi ro phòng vệ thương mại ngày càng rõ nét.

Đối với các quốc gia và doanh nghiệp xuất khẩu, trong đó có Việt Nam, việc hiểu rõ khuôn khổ pháp lý, điều kiện áp

dụng và xu hướng thực thi biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng chiến lược xuất khẩu bền vững, nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật và chủ động ứng phó với các thách thức phát sinh. Nhìn chung, biện pháp chống trợ cấp của Vương quốc Anh không chỉ là công cụ bảo vệ sản xuất trong nước mà còn là một yếu tố định hình môi trường thương mại và đầu tư trong dài hạn, đòi hỏi các bên liên quan phải tiếp cận một cách toàn diện, cân bằng và phù hợp với các nguyên tắc của hệ thống thương mại đa phương nhằm thúc đẩy thương mại công bằng và phát triển bền vững.



Phương pháp tính toán biên độ trợ cấp của Vương Quốc Anh

Giới thiệu

Việc điều tra trợ cấp và áp dụng biện pháp chống trợ cấp là một phần quan trọng trong hệ thống bảo hộ thương mại của Vương quốc Anh nhằm bảo vệ ngành công nghiệp trong nước khỏi thiệt hại do hàng nhập khẩu được hưởng trợ cấp không công bằng. Cơ quan Phòng vệ thương mại của Vương quốc Anh (TRA) chịu trách nhiệm giám sát, điều tra và đưa ra khuyến nghị khi có yêu cầu từ ngành trong nước. Bài viết này phân tích cách TRA tính **biên độ trợ cấp** - tức mức trợ cấp cần được bù đắp - theo hướng dẫn “Determining subsidies and countervailing duties”.

1. Cơ sở pháp lý

Việc xác định trợ cấp và tính toán biên độ trợ cấp (subsidy margin) trong các vụ việc điều tra chống trợ cấp tại Vương quốc Anh hiện được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản pháp lý được ban hành nhằm thiết lập khung pháp lý độc lập hậu Brexit.

Trước hết, nền tảng pháp lý cốt lõi là **Taxation (Cross-border Trade) Act 2018 (TCTA 2018)**, trong đó Phụ lục 4 quy định về hệ thống biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm điều tra trợ cấp và áp dụng thuế đối kháng. TCTA 2018 xác lập thẩm quyền pháp lý cho Cơ quan Biện pháp Phòng vệ Thương mại Vương quốc Anh (Trade Remedies Authority – TRA) trong việc tiến hành điều tra, đánh giá lợi ích trợ cấp, xác định thiệt hại và kiến nghị áp dụng biện pháp thuế đối kháng.

Bên cạnh đó, **Trade Remedies (Dumping and Subsidisation) (EU Exit) Regulations 2019** cụ thể hóa các quy định của TCTA 2018 ở cấp độ thủ tục, quy định chi tiết trình

tự, phương pháp và tiêu chí xác định trợ cấp, tính toán biên độ trợ cấp và biện pháp đối kháng. Văn bản này đồng thời quy định nghĩa vụ cung cấp thông tin, cách thức thẩm tra, tiêu chuẩn đánh giá bằng chứng và các yêu cầu về minh bạch hóa trong quá trình điều tra.

Hệ thống pháp luật nêu trên được xây dựng nhằm đảm bảo tính tương thích với các nghĩa vụ quốc tế mà Vương quốc Anh là thành viên. Đặc biệt, **Hiệp định về Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng (Agreement on Subsidies and Countervailing Measures – ASCM) của WTO và Điều XVI GATT 1994** tiếp tục là cơ sở tham chiếu quan trọng trong việc xác định phạm vi trợ cấp, đánh giá lợi ích và tính cụ thể của chính sách hỗ trợ. Vương quốc Anh duy trì cam kết tuân thủ các nguyên tắc cốt lõi của ASCM, bao gồm định nghĩa trợ cấp, tiêu chí xác định tính cụ thể (specificity), cơ chế giải quyết tranh chấp và cách thức áp dụng biện pháp đối kháng.

Như vậy, khung pháp lý về xác định và tính toán biên độ trợ cấp tại Vương quốc Anh được hình thành trên cơ sở kết hợp quy định pháp luật nội địa hậu Brexit với tiêu chuẩn quốc tế theo WTO. Việc kết hợp này cho phép Vương quốc Anh thực hiện điều tra trợ cấp một cách độc lập, đồng thời đảm bảo tính phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo cơ sở pháp lý rõ ràng và minh bạch cho các bên liên quan trong các vụ việc phòng vệ thương mại.

Khái niệm trợ cấp và tiêu chí xác định trợ cấp có thể bị đối kháng giữ vai trò trung tâm trong quá trình điều tra và áp dụng biện pháp thuế đối kháng tại Vương quốc Anh. Các tiêu

chí này được hình thành trên cơ sở hài hòa giữa pháp luật nội địa và chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là Hiệp định về Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng (ASCM) của WTO.

2. Định nghĩa trợ cấp và trợ cấp có thể đối kháng

2.1. Khái niệm trợ cấp

Theo hướng dẫn của TRA và phù hợp với các chuẩn mực của WTO, một biện pháp được coi là trợ cấp khi đồng thời đáp ứng hai điều kiện cấu thành:

(i) Sự tổn tại của một đóng góp tài chính (financial contribution)

Đóng góp tài chính được xác định khi chính phủ hoặc cơ quan công quyền nước ngoài thực hiện một trong các hành vi sau:

Cung cấp trực tiếp các khoản chuyển giao tài chính, bao gồm tài trợ (grant), cho vay (loan), bảo lãnh khoản vay (loan guarantee);

Miễn hoặc giảm các khoản thu phải nộp, như miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế;

Cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc quyền sử dụng tài sản với chi phí thấp hơn mức thông thường;

Mua hàng hóa hoặc dịch vụ với giá cao hơn mức thị trường;

Chuyển giao các khoản đầu tư hoặc nguồn vốn thông qua các phương tiện gián tiếp như doanh nghiệp nhà nước hoặc tổ chức được nhà nước chỉ định thực hiện.

(ii) Lợi ích được trao cho người thụ hưởng (benefit conferred)

Lợi ích được xác định khi người thụ hưởng nhận được lợi thế kinh tế vượt trội so với điều kiện thị trường thông thường. Việc đánh giá lợi ích dựa trên

so sánh giữa chi phí thực tế mà người thụ hưởng phải chịu và chi phí mà họ sẽ phải trả trong điều kiện thị trường cạnh tranh.

Như vậy, một chương trình hỗ trợ chỉ được coi là trợ cấp khi có sự tham gia của chủ thể công quyền và tạo ra lợi thế kinh tế cho doanh nghiệp thụ hưởng. Các hỗ trợ thuần túy do tổ chức tư nhân cung cấp nhưng không có chỉ định của nhà nước không được xem là trợ cấp theo nghĩa pháp lý.

3.2. Trợ cấp có thể bị đối kháng (countervailable subsidy)

Để một trợ cấp được coi là có thể bị đối kháng – qua đó trở thành đối tượng của biện pháp thuế đối kháng – cần đáp ứng thêm tiêu chí về **tính cụ thể (specificity)** bên cạnh hai yếu tố cấu thành của trợ cấp nêu trên.

(i) Tính cụ thể (specificity)

Một chương trình trợ cấp được xem là cụ thể khi:

Chỉ dành cho một hoặc một nhóm doanh nghiệp, ngành nghề nhất định;

Chỉ áp dụng cho một vùng địa lý xác định;

Trợ cấp gắn với các điều kiện hoạt động cụ thể, ví dụ yêu cầu xuất khẩu (export contingency) hoặc ưu tiên sử dụng hàng hóa nội địa thay thế nhập khẩu.

Tính cụ thể là tiêu chí nhằm phân biệt giữa các biện pháp hỗ trợ kinh tế phổ quát – thường được thiết kế để khuyến khích phát triển chung – và các hỗ trợ có mục tiêu nhắm đến các thực thể nhất định, tạo ra sự lệch lạc trong cạnh tranh quốc tế.

(ii) Các nhóm trợ cấp bị đối kháng

Về mặt phân loại, trợ cấp có thể bị đối kháng bao gồm:

Trợ cấp gắn với điều kiện xuất khẩu;

Trợ cấp gắn với việc ưu tiên sử dụng hàng hóa nội địa;

Các trợ cấp cụ thể cho ngành, doanh nghiệp hoặc địa phương nhất định.

Trong khi đó, các trợ cấp phi cụ thể – tức được áp dụng chung cho toàn nền kinh tế mà không nhằm vào chủ thể nhất định – không bị coi là đối tượng của biện pháp đối kháng.

3. Quy trình xác định trợ cấp được hưởng

Quy trình xác định trợ cấp được hưởng nhằm xác định liệu một biện pháp hỗ trợ có phải là trợ cấp, liệu trợ cấp đó có thể bị đối kháng, và xác định mức lợi ích mà người thụ hưởng hoặc hàng hóa nhập khẩu đã nhận. Quá trình này do TRAThực hiện theo các bước sau.

3.1. Xác định sự tồn tại của trợ cấp

Bước đầu tiên là xác định liệu có tồn tại **đóng góp tài chính** từ một cơ quan nước ngoài hay không. Cơ quan nước ngoài được hiểu là chính phủ hoặc cơ quan công quyền của một quốc gia hay vùng lãnh thổ ngoài Vương quốc Anh.

Việc xác định đóng góp tài chính có thể thông qua các hình thức như:

Chuyển giao trực tiếp hoặc cam kết chuyển giao tài sản hoặc quỹ;

Miễn hoặc giảm các khoản phải nộp, chẳng hạn miễn thuế hoặc hoàn thuế;

Cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc quyền sử dụng tài sản với chi phí thấp hơn mức thông thường;

Mua hàng hóa hoặc dịch vụ với giá cao hơn mức thị trường;

Chuyển giao nguồn lực thông qua cơ chế gián tiếp như các doanh nghiệp nhà nước hoặc tổ chức được chỉ định.

Sau khi xác minh sự tồn tại của đóng góp tài chính, TRA đánh giá xem người thụ hưởng có nhận được **lợi ích** từ đóng góp đó hay không. Lợi ích được hiểu là việc người thụ hưởng nhận được lợi thế kinh tế vượt quá điều kiện thị trường thông thường.

3.2. Đánh giá mức lợi ích và truyền tải đến hàng nhập khẩu

Sau khi xác định trợ cấp tồn tại, TRA xem xét liệu lợi ích từ trợ cấp có được truyền sang người sản xuất hoặc hàng hóa nhập khẩu hay không. Việc truyền tải lợi ích có thể xảy ra dưới dạng giảm chi phí sản xuất, giá bán thấp hơn hoặc cải thiện vị thế cạnh tranh.

Việc xác định lợi ích đối với từng loại công cụ trợ cấp gồm:

Khoản tài trợ (grant): lợi ích được tính dựa trên tổng số tiền trợ cấp, sau khi trừ đi các điều chỉnh phù hợp;

Miễn hoặc giảm thuế: lợi ích bằng số thuế đáng lẽ phải nộp trừ đi số thuế thực tế nộp, sau khi điều chỉnh;

Khoản vay ưu đãi: lợi ích được tính bằng chênh lệch chi phí vay theo giá thị trường và chi phí vay được hỗ trợ, sau khi trừ các khoản phí liên quan;

Bảo lãnh khoản vay: lợi ích là chênh lệch giữa chi phí vay nếu không có bảo lãnh và chi phí vay khi có bảo lãnh, sau khi trừ phí bảo lãnh;

Nhượng quyền sử dụng đất hoặc tài sản với ưu đãi: lợi ích bằng chênh lệch giữa giá thị

trường ước tính và giá thực tế mà người thụ hưởng trả để sử dụng hoặc sở hữu tài sản.

3.3. Phân bổ trợ cấp cho hàng hóa nhập khẩu

Khi lợi ích đã được xác định, TRA tiếp tục xác định phần trợ cấp có thể được phân bổ cho hàng hóa nhập khẩu vào Vương quốc Anh. Điều này liên quan đến việc xác định số lượng hoặc giá trị hàng hóa nhập khẩu trong giai đoạn điều tra và ước tính mức trợ cấp trên mỗi đơn vị hoặc mỗi giá trị hàng hóa đó.

Việc phân bổ này được TRA thực hiện dựa trên mối liên kết giữa trợ cấp và hàng hóa, có thể thông qua:

Trợ cấp gắn với một loại hàng hóa cụ thể;

Trợ cấp gắn với xuất khẩu một loại hàng hóa;

Trợ cấp gắn với bán hàng vào một thị trường nhất định.

3.4. Giai đoạn điều tra và điều chỉnh

TRA chỉ tính phần lợi ích trợ cấp liên quan đến **giai đoạn điều tra**, thường là 12 tháng trước thời điểm khởi xướng điều tra.

Nếu trợ cấp được ban hành trước giai đoạn điều tra nhưng lợi ích vẫn kéo dài đến trong giai đoạn, chỉ phần lợi ích thuộc giai đoạn điều tra được tính. Nếu lợi ích không phát sinh trong giai đoạn điều tra, phần trợ cấp tương ứng có thể không được tính.

TRA cũng có thể thực hiện các điều chỉnh kỹ thuật trong quá trình này, bao gồm trừ các khoản phí hoặc chi phí liên quan, và sử dụng các chuẩn tham chiếu phù hợp trên thị trường (benchmarking) nhằm phản ánh chính xác lợi ích thực tế.

4. Tính toán biên độ trợ cấp (Subsidy Margin)

Việc tính toán biên độ trợ cấp nhằm xác định mức lợi ích thực tế mà trợ cấp đem lại đối với hàng hóa nhập khẩu trong giai đoạn điều tra. Đây là cơ sở để TRA cân nhắc và kiến nghị mức thuế đối kháng tương ứng. Quá trình này bao gồm việc xác định lợi ích được hưởng, phân bổ lợi ích theo thời gian, và phân bổ lợi ích cho hàng hóa liên quan.

4.1. Xác định tổng mức lợi ích được hưởng

Việc xác định tổng mức lợi ích được hưởng (total benefit conferred) là bước đầu tiên và trọng tâm trong quá trình tính toán biên độ trợ cấp. Mục tiêu của bước này là đo lường phần **lợi ích kinh tế ròng** mà người thụ hưởng nhận được thông qua trợ cấp, bằng cách so sánh các điều kiện hỗ trợ nhận được với **điều kiện thị trường thông thường**.

TRA áp dụng nguyên tắc chung:

Lợi ích = chi phí theo điều kiện thị trường – chi phí thực tế mà người thụ hưởng phải trả (đã điều chỉnh theo đặc thù từng loại trợ cấp)

Quá trình xác định được thực hiện theo các nhóm công cụ trợ cấp chủ yếu như sau:

(a) Trợ cấp tài chính trực tiếp (Grants)

Đối với khoản trợ cấp tài chính trực tiếp, lợi ích được xác định dựa trên giá trị danh nghĩa mà người thụ hưởng nhận được.

Nếu khoản hỗ trợ không yêu cầu hoàn trả và không kèm chi phí tài chính khác, lợi ích bằng **100% giá trị trợ cấp**.

Trong trường hợp trợ cấp gắn với nghĩa vụ tài chính (ví dụ: phải chi trả phí thẩm định, chi phí quản lý), TRA sẽ **khấu**

trừ các chi phí liên quan để xác định lợi ích ròng.

Công thức cơ bản:

Lợi ích = Giá trị khoản trợ cấp – các khoản điều chỉnh hợp lý

(b) Miễn/giảm thuế hoặc hoàn thuế (Tax exemptions/reductions)

Lợi ích xác định bằng chênh lệch giữa mức thuế mà doanh nghiệp **lẽ ra phải nộp** theo quy định thông thường và số thuế **thực tế phải nộp** khi được hưởng chính sách ưu đãi.

Công thức:

Lợi ích = Thuế phải nộp theo điều kiện thông thường – Thuế thực tế đã nộp

Nếu chính sách ưu đãi chỉ áp dụng trong phạm vi cụ thể (ngành, vùng địa lý), lợi ích được tính riêng đối với đối tượng thụ hưởng.

(c) Khoản vay ưu đãi (Preferential loans)

TRA xác định lợi ích dựa trên chênh lệch giữa chi phí vốn theo lãi suất thị trường và chi phí thực tế phải chịu đối với khoản vay ưu đãi.

Quy trình gồm:

Xác định lãi suất chuẩn (benchmark) → lãi suất thị trường đối với khoản vay tương đương (kỳ hạn – loại tiền – mức rủi ro).

So sánh với lãi suất thực tế người thụ hưởng trả.

Lợi ích = chênh lệch lãi suất × dư nợ khoản vay (điều chỉnh theo các phí liên quan).

Công thức:

Lợi ích = (Lãi suất thị trường – lãi suất ưu đãi) × Dư nợ – phí điều chỉnh



(d) Bảo lãnh khoản vay (Loan guarantees)

Nếu người thụ hưởng nhận được khoản vay có sự bảo lãnh của cơ quan công quyền, TRA xác định lợi ích bằng cách:

So sánh chi phí vay khi **không có bảo lãnh** (bao gồm phí bảo hiểm rủi ro cao hơn) và

Chi phí vay **khi có bảo lãnh**.

Công thức:

Lợi ích = Chi phí vay không có bảo lãnh – (Chi phí vay khi có bảo lãnh + phí bảo lãnh)

Nếu việc bảo lãnh cho phép doanh nghiệp tiếp cận khoản vay mà bình thường họ không đủ điều kiện để vay, TRA có thể đánh giá lợi ích ở mức cao hơn dựa trên điều kiện thị trường phản ứng với mức rủi ro này.

(e) Cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc quyền sử dụng tài sản với giá ưu đãi

Nếu chính phủ cung cấp hàng hóa/dịch vụ hoặc quyền sử dụng tài sản (như đất đai) với giá thấp hơn mức thị trường hợp lý, lợi ích sẽ là phần chênh lệch giữa:

giá trị thị trường (benchmark thị trường)

và

giá thực tế phải trả

Công thức:

Lợi ích = Giá thị trường – Giá thực trả

TRA có thể áp dụng phương pháp định giá phù hợp: so sánh giao dịch tương đương, thẩm định giá, hoặc các mô hình chuẩn mực để xác định giá thị trường.

(f) Mua hàng hóa, dịch vụ với giá cao hơn thị trường

Nếu chính phủ mua sản phẩm hoặc dịch vụ từ doanh nghiệp với mức giá cao hơn giá

trị thị trường, lợi ích được xác định bằng:

Lợi ích = Giá thực nhận – Giá thị trường

(g) Điều chỉnh kỹ thuật (Adjustments)

TRA có thể thực hiện các điều chỉnh để đảm bảo việc lượng hóa lợi ích phản ánh đúng thực tế kinh tế, bao gồm:

Khấu trừ chi phí cần thiết liên quan đến khoản trợ cấp

Điều chỉnh theo thời gian

Điều chỉnh theo tỷ giá/công cụ tài chính

Điều này nhằm bảo đảm rằng chỉ phần lợi ích thực tế được tính vào biên độ trợ cấp.

(h) Ngưỡng tối thiểu

Nếu lợi ích trợ cấp đối với một doanh nghiệp nhỏ hơn một ngưỡng nhất định (thường là **dưới 1%** giá trị hàng hóa liên quan), TRA có thể coi mức lợi

ích đó **không đáng kể** và không tính vào biên độ trợ cấp.

4.2. Phân bổ lợi ích theo thời gian

Sau khi xác định tổng mức lợi ích, TRA tiếp tục phân bổ lợi ích theo thời gian để xác định phần lợi ích thuộc **giai đoạn điều tra**.

Nếu lợi ích phát sinh hoàn toàn trong giai đoạn điều tra, toàn bộ sẽ được tính.

Nếu trợ cấp được nhận trước giai đoạn điều tra nhưng vẫn mang lại lợi ích trong giai đoạn, phần lợi ích tương ứng sẽ được phân bổ theo thời gian.

Đối với các trợ cấp có tác động dài hạn (chẳng hạn dùng để đầu tư tài sản cố định), lợi ích có thể được phân bổ theo phương pháp khấu hao hoặc các phương pháp phân bổ hợp lý khác, nhằm phản ánh mức hưởng lợi trong giai đoạn điều tra.

Việc phân bổ theo thời gian bảo đảm chỉ những lợi ích có liên hệ thực tế với giai đoạn điều tra được xem xét trong quá trình tính biên độ trợ cấp.

4.3. Phân bổ lợi ích cho hàng hóa liên quan

TRA xác định và phân bổ lợi ích được hưởng cho lượng hàng hóa nhập khẩu bị điều tra. Mục tiêu là xác định mức trợ cấp trên mỗi đơn vị hàng hóa hoặc trên cơ sở giá trị, làm căn cứ để xác định biên độ trợ cấp.

Việc phân bổ được thực hiện dựa trên mối liên hệ giữa trợ cấp và hàng hóa, gồm:

Trợ cấp gắn với sản xuất một loại hàng hóa cụ thể;

Trợ cấp gắn với xuất khẩu loại hàng hóa đó;

Trợ cấp gắn với lượng hàng hóa bán ra thị trường cụ thể (trong đó có Vương quốc Anh).

Sau khi xác định được lượng hàng hóa có liên quan, lợi ích sẽ được phân bổ cho lượng hàng hóa đó theo phương pháp phù hợp, nhằm phản ánh chính xác mức trợ cấp trên hàng hóa bị điều tra.

4.4. Xác định biên độ trợ cấp

Sau khi xác định được tổng mức lợi ích trợ cấp và tiến hành phân bổ theo thời gian cũng như theo hàng hóa liên quan, bước tiếp theo là lượng hóa **biên độ trợ cấp** – tức mức trợ cấp gắn với hàng hóa được xuất khẩu vào Vương quốc Anh trong giai đoạn điều tra. Biên độ trợ cấp là giá trị then chốt để TRA xem xét áp dụng thuế đối kháng.

Về nguyên tắc, **biên độ trợ cấp phản ánh lợi ích trợ cấp được phân bổ trên mỗi đơn vị hoặc trên tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu** trong giai đoạn điều tra.

(a) Khái niệm và mục đích

Biên độ trợ cấp (subsidy margin) được định nghĩa là **mức trợ cấp có thể xác định được đối với hàng hóa thuộc phạm vi điều tra**, được lượng hóa dưới dạng:

Giá trị tuyệt đối trên mỗi đơn vị hàng hóa, hoặc

Tỷ lệ phần trăm trên giá trị hàng hóa.

Mục đích của việc xác định biên độ trợ cấp là cung cấp cơ sở định lượng cho việc đánh giá tác động của trợ cấp lên hàng hóa nhập khẩu và hỗ trợ quyết định về mức thuế đối kháng tương ứng.

(b) Phương pháp xác định biên độ trợ cấp

Sau khi xác định tổng lợi ích trợ cấp được phân bổ cho hàng hóa trong giai đoạn điều tra, biên độ trợ cấp được tính theo công thức chung:

Biên độ trợ cấp = Tổng lợi ích trợ cấp được phân bổ cho hàng hóa liên quan / Khối lượng hoặc giá trị hàng hóa liên quan

Phương pháp biểu đạt có thể là:



Tỷ lệ phần trăm (%) → khi so sánh với giá trị CIF/FOB của hàng hóa;

Giá trị tuyệt đối / đơn vị → khi thích hợp hơn theo tính chất sản phẩm.

TRA lựa chọn cách biểu đạt phù hợp với đặc tính của sản phẩm và dữ liệu đối chứng.

(c) Phân loại đối tượng áp dụng biên độ trợ cấp

Biên độ trợ cấp có thể được xác định theo từng nhóm đối tượng, theo nguyên tắc phân hóa, bao gồm:

Nhà sản xuất/nhà xuất khẩu được chọn làm mẫu (sampled exporters/producers)

TRA tính toán biên độ riêng cho từng đơn vị dựa trên dữ liệu đã được thẩm tra.

Nhà sản xuất/nhà xuất khẩu hợp tác nhưng không nằm trong nhóm mẫu

TRA áp dụng mức biên độ trung bình có trọng số (weighted average) của các doanh nghiệp trong mẫu, nhằm phản ánh mức hưởng lợi thực tế trong điều tra.

Nhà sản xuất/nhà xuất khẩu không hợp tác

TRA có thể áp dụng mức biên độ riêng theo phương pháp suy luận dựa trên dữ liệu thực tế sẵn có (facts available).

Mức biên độ thường bằng hoặc cao hơn mức bình quân của nhóm hợp tác nhằm tránh tạo động lực cho việc không hợp tác.

(d) Nguyên tắc áp dụng “mức thuế thấp hơn” (Lesser Duty Rule)

Mặc dù biên độ trợ cấp là cơ sở quan trọng để xác định thuế đối kháng, mức thuế cuối cùng TRA kiến nghị **không nhất thiết bằng biên độ trợ cấp**.

TRA áp dụng nguyên tắc **mức thuế thấp hơn**, theo đó:

Thuế đối kháng đề xuất = Mức thấp hơn giữa (biên độ trợ cấp) và (biên độ gây thiệt hại)

Biên độ trợ cấp (Subsidy margin): phản ánh lợi ích mà hàng hóa nhập khẩu được hưởng.

Biên độ gây thiệt hại (Injury margin): phản ánh mức độ thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước.

Cơ chế này nhằm đảm bảo biện pháp áp dụng chỉ ở mức cần thiết để loại bỏ thiệt hại, đồng thời tránh gây ra tác động thương mại vượt mức cần thiết.

(e) Kết quả và ý nghĩa

Việc xác định biên độ trợ cấp giúp:

Lượng hóa lợi ích trợ cấp gắn với hàng hóa nhập khẩu;

Cung cấp cơ sở kỹ thuật cho TRA trong việc kiến nghị biện pháp thuế đối kháng;

Phân hóa nghĩa vụ thuế theo từng nhóm đối tượng, đảm bảo công bằng và minh bạch;

Hỗ trợ TRA thực thi nguyên tắc mức thuế thấp hơn nhằm cân bằng giữa bảo hộ và ổn định thương mại.

Kết quả xác định biên độ trợ cấp là **đầu ra trọng yếu** của quá trình điều tra và là nền tảng trong quyết định cuối cùng về đề xuất áp dụng biện pháp đối kháng.

4.5. Mối liên hệ với đánh giá thiệt hại

Biên độ trợ cấp là một trong hai yếu tố chính được TRA xem xét khi đưa ra khuyến nghị về biện pháp thuế đối kháng. TRA sẽ so sánh biên độ trợ cấp với **biên độ gây thiệt hại** đối với ngành sản xuất trong nước.

Theo nguyên tắc “mức thuế thấp hơn”, mức thuế đối kháng được kiến nghị sẽ là mức thấp hơn trong hai mức:

Biên độ trợ cấp, hoặc

Biên độ gây thiệt hại.

Cơ chế này nhằm bảo đảm tính cân bằng giữa việc bảo vệ ngành sản xuất trong nước và tránh gây tổn hại không cần thiết đến thương mại.



Quy trình điều tra chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh

Giới thiệu

Cơ chế điều tra chống trợ cấp (Countervailing Investigations – CTC) tại Vương quốc Anh được vận hành bởi **Cơ quan Biện pháp Phòng vệ Thương mại (Trade Remedies Authority – TRA)**, thiết chế độc lập chịu trách nhiệm xem xét và xử lý các hành vi trợ cấp không công bằng từ nước ngoài đối với hàng hóa nhập khẩu vào thị trường Anh. Hệ thống này được thiết lập trong bối cảnh Vương quốc Anh rời Liên minh châu Âu, nhằm xây dựng một khuôn khổ pháp lý riêng để bảo vệ ngành sản xuất nội địa và đảm bảo môi trường thương mại công bằng.

Mục tiêu trọng tâm của cơ chế CTC là nhận diện và xử lý các biện pháp hỗ trợ từ chính phủ nước ngoài gây ra lợi thế cạnh tranh không chính đáng cho hàng hóa nhập khẩu, dẫn đến thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước. Quá trình điều tra nhằm đánh giá hai nhóm yếu tố chính:

(1) **sự tồn tại và mức độ hưởng lợi từ trợ cấp**, và

(2) **tác động của hàng nhập khẩu được trợ cấp đối với ngành sản xuất trong nước**, bao gồm xem xét mối quan hệ nhân quả giữa trợ cấp và thiệt hại.

Khung pháp lý của cơ chế CTC chủ yếu được đặt trong **Taxation (Cross-border Trade) Act 2018** và các quy định hướng dẫn có liên quan. Dù đã tách khỏi hệ thống của EU, quy trình điều tra của Anh vẫn duy trì sự tương thích cốt lõi với các cam kết quốc tế, đặc biệt là **Hiệp định về Trợ cấp và Biện pháp đối kháng (ASCM) của Tổ chức Thương mại Thế giới – WTO**. Điều này thể hiện qua việc Vương quốc

Anh tiếp tục tuân thủ các nguyên tắc như: định nghĩa trợ cấp, tính cụ thể (specificity), xác định lợi ích, quy tắc mức thuế thấp hơn (lesser-duty rule), và nguyên tắc minh bạch.

Bên cạnh việc đánh giá sự tồn tại trợ cấp và mức độ thiệt hại, TRA còn thực hiện **bài kiểm tra Lợi ích Kinh tế Quốc gia (Economic Interest Test – EIT)**. Đây là yêu cầu đặc thù trong hệ thống pháp luật Anh nhằm đảm bảo rằng biện pháp đối kháng sẽ không gây tác động bất lợi đến lợi ích kinh tế rộng hơn của quốc gia. EIT buộc cơ quan điều tra phải cân nhắc tác động của biện pháp đối kháng lên nhà sản xuất trong nước, người tiêu dùng, nhà nhập khẩu, chuỗi cung ứng và cạnh tranh thị trường, từ đó hướng đến một quyết định có tính cân bằng cao hơn.

Quy trình điều tra chống trợ cấp do TRA tiến hành được thiết kế theo hướng **minh bạch, dựa trên chứng cứ, và có sự tham gia của các bên liên quan**. Tất cả tài liệu điều tra được phân loại và lưu trữ trong hồ sơ công khai nhằm đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của các bên. Đồng thời, các bên liên quan có cơ hội tham gia, cung cấp dữ liệu, và đóng góp ý kiến trong các giai đoạn quan trọng của điều tra.

Tổng thể, cơ chế điều tra chống trợ cấp của Vương quốc Anh thể hiện nỗ lực cân bằng giữa bảo hộ ngành sản xuất nội địa, tôn trọng cam kết quốc tế, và gìn giữ một môi trường thương mại minh bạch và hiệu quả. Đây là công cụ quan trọng nhằm bảo đảm rằng cạnh tranh thương mại được duy trì công bằng, đồng thời góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững cho Vương quốc Anh trong bối

cảnh hội nhập và biến động toàn cầu.

I. Khởi xướng điều tra

Giai đoạn khởi xướng là bước mở đầu quan trọng của quy trình điều tra chống trợ cấp tại Vương quốc Anh, nhằm xác định xem có đủ căn cứ pháp lý và thực tiễn để tiến hành một cuộc điều tra toàn diện hay không. Giai đoạn này diễn ra theo trình tự chặt chẽ, bao gồm tiếp nhận hồ sơ yêu cầu, đánh giá tính đầy đủ và hợp lệ của thông tin, và ra quyết định chính thức khởi xướng.

1. Nộp hồ sơ yêu cầu điều tra

Hồ sơ yêu cầu điều tra có thể được nộp bởi:

Ngành sản xuất nội địa Vương quốc Anh (hoặc đại diện hợp lệ của ngành), hoặc

Bộ trưởng phụ trách thương mại trong các trường hợp đặc biệt.

Theo quy định, đơn yêu cầu phải cung cấp các thông tin cơ bản như:

Danh mục và mô tả hàng hóa bị cáo buộc được trợ cấp;

Bảng chứng sơ bộ về sự tồn tại của trợ cấp;

Bảng chứng sơ bộ về thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể đối với ngành sản xuất nội địa;

Mối quan hệ nhân quả giữa trợ cấp và thiệt hại.

Ngoài ra, hồ sơ phải chứng minh rằng người nộp đơn đại diện cho một tỷ lệ đáng kể trong ngành sản xuất nội địa (major proportion of domestic production), theo yêu cầu đại diện tối thiểu do TRA áp dụng.

2. Đánh giá hồ sơ (Application Assessment)



Sau khi tiếp nhận đơn, TRA tiến hành đánh giá tính đầy đủ (completeness) và hợp lệ (standing) của hồ sơ. Việc đánh giá này nhằm xác nhận rằng đã có đủ thông tin ban đầu để xem xét khả năng tiến hành điều tra.

TRA xem xét các yếu tố chính sau:

Đơn có cung cấp bằng chứng ban đầu về sự tồn tại trợ cấp hay không;

Bằng chứng thiệt hại có đủ mức độ để xem xét;

Có mối liên hệ hợp lý giữa nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại;

Yêu cầu có đáp ứng điều kiện đại diện ngành hay không.

Trong quá trình này, TRA có thể yêu cầu người nộp đơn bổ sung dữ liệu nếu cần thiết. Nếu hồ sơ thiếu thông tin quan trọng, TRA có thể từ chối xem xét.

3. Quyết định khởi xướng

Sau khi hoàn tất việc đánh giá hồ sơ, TRA đưa ra quyết định khởi xướng hoặc từ chối điều tra.

Nếu yêu cầu được chấp nhận, TRA ra **quyết định khởi xướng điều tra**.

Nếu bị từ chối, TRA sẽ thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do và cung cấp hướng dẫn để người nộp đơn có thể nộp lại hồ sơ nếu muốn.

Thời hạn xem xét hồ sơ để ra quyết định khởi xướng được quy định trong khung thời gian pháp lý nhằm bảo đảm tính minh bạch và hiệu quả.

4. Công bố Thông báo khởi xướng (Notice of Initiation)

Khi quyết định điều tra được đưa ra, TRA công bố **Thông báo khởi xướng** trên trang thông tin chính thức và gửi thông báo tới:

Chính quyền nước xuất khẩu;

Các nhà sản xuất/xuất khẩu liên quan;

Các nhà nhập khẩu tại Anh;
Các doanh nghiệp sản xuất nội địa và các bên quan tâm khác.

Nội dung thông báo bao gồm:

Mô tả hàng hóa và phạm vi sản phẩm điều tra;

Giai đoạn điều tra;

Thời hạn đăng ký với cơ quan điều tra;

Quy trình nộp thông tin và tham gia vụ việc.

Thông báo khởi xướng đánh dấu việc chính thức bắt đầu quy trình điều tra toàn diện, mở đường cho các bước tiếp theo về thu thập thông tin, thẩm tra và phân tích.

II. Xác định bên liên quan

Sau khi TRA ra quyết định khởi xướng điều tra, bước tiếp theo là xác định các bên liên quan nhằm bảo đảm quá trình

điều tra diễn ra minh bạch, toàn diện và tạo điều kiện cho các bên có quyền và nghĩa vụ liên quan tham gia cung cấp thông tin hoặc ý kiến. Giai đoạn này bao gồm việc đăng ký tham gia điều tra, phân loại các đối tượng tham gia và thiết lập hồ sơ công khai.

1. Đăng ký tham gia điều tra

TRA yêu cầu các tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan trong vụ việc tiến hành đăng ký để được công nhận là các bên tham gia điều tra. Quy trình đăng ký được quy định trong Thông báo khởi xướng và thường gồm:

Điền mẫu đăng ký theo quy định;

Cung cấp thông tin cơ bản về tổ chức, vai trò trong chuỗi cung ứng và mức độ liên quan tới hàng hóa đang bị điều tra.

Đăng ký kịp thời là điều kiện cần thiết để các bên nhận được bảng câu hỏi, thông báo chính thức và có cơ hội tham gia đầy đủ vào quá trình điều tra.

2. Phân loại đối tượng tham gia

TRA phân chia các đối tượng tham gia điều tra thành hai nhóm chính:

(a) Interested Parties (Bên quan tâm)

Bao gồm:

Các nhà sản xuất trong nước của Vương quốc Anh (UK producers);

Các nhà nhập khẩu hàng hóa bị điều tra vào Anh;

Các nhà sản xuất/xuất khẩu tại nước bị điều tra;

Chính phủ của nước bị điều tra;

Các tổ chức, hiệp hội đại diện cho các nhóm kể trên.

Interested Parties có đầy đủ quyền tham gia vào quá trình điều tra, bao gồm nhận tài liệu, cung cấp thông tin, tham dự phiên điều trần và gửi ý kiến phản hồi.

(b) Contributors (Bên đóng góp thông tin)

Contributors là các đối tượng có thể cung cấp dữ liệu hoặc ý kiến cho TRA nhưng không có đầy đủ các quyền của Interested Parties. Nhóm này có thể bao gồm:

Người tiêu dùng;

Các doanh nghiệp trong chuỗi cung ứng;

Các tổ chức nghiên cứu chuyên ngành.

Dù không có quyền đầy đủ như Interested Parties, Contributors vẫn đóng vai trò hỗ trợ bằng việc cung cấp dữ liệu phục vụ phân tích.

3. Xác định ngành sản xuất nội địa

Trong quá trình xác định các bên liên quan, TRA đồng thời xác minh ngành sản xuất nội địa của Vương quốc Anh (UK industry) đối với sản phẩm bị điều tra. Việc xác định này giúp:

Đánh giá điều kiện đại diện ngành trong khâu khởi xướng;

Làm cơ sở đánh giá thiệt hại và mối quan hệ nhân quả trong các giai đoạn tiếp theo.

Xác định ngành sản xuất nội địa thường dựa trên:

Số lượng nhà sản xuất tại Anh;

Quy mô và tỷ trọng sản xuất;

Mức độ cạnh tranh và thị phần so với hàng nhập khẩu.

4. Thiết lập hồ sơ công khai (Public File) và hồ sơ mật

TRA duy trì hai hệ thống lưu trữ hồ sơ nhằm đảm bảo tính minh bạch và bảo mật:

Hồ sơ công khai (Public File): chứa các tài liệu không mật liên quan đến vụ việc, được công bố để các bên có thể tiếp cận.

Hồ sơ mật (Confidential File): lưu trữ thông tin mật do các bên cung cấp, bao gồm dữ liệu nhạy cảm về tài chính, kỹ thuật hoặc kinh doanh.

Việc phân loại tài liệu giữa hồ sơ công khai và hồ sơ mật cho phép TRA vừa bảo đảm tính minh bạch trong điều tra, vừa bảo vệ bí mật kinh doanh của các bên. Các tài liệu mật nếu được sử dụng thường phải đi kèm bản tóm tắt không mật để các bên có thể hiểu được nội dung trọng yếu mà không làm lộ thông tin nhạy cảm.

III. Thu thập và đánh giá thông tin

Sau khi xác định các bên liên quan, TRA tiến hành giai đoạn thu thập và thẩm tra thông tin nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu đầy đủ, đáng tin cậy để phân tích sự tồn tại trợ cấp, mức độ thiệt hại và quan hệ nhân quả. Đây là giai đoạn kỹ thuật trọng tâm, yêu cầu các bên cung cấp dữ liệu toàn diện, minh bạch và phù hợp với tiêu chuẩn chứng cứ của TRA.

1. Gửi bảng câu hỏi (Questionnaires)

Ngay sau khi điều tra được khởi xướng, TRA gửi bảng câu hỏi điều tra chính thức đến các nhóm đối tượng chủ yếu, bao gồm:

Chính phủ của nước bị điều tra;

Các nhà sản xuất/xuất khẩu của nước bị điều tra;

Các nhà nhập khẩu tại Vương quốc Anh;

Ngành sản xuất nội địa có liên quan.

Bảng câu hỏi yêu cầu các bên cung cấp thông tin chi tiết về:

Cơ chế trợ cấp và chính sách hỗ trợ (đối với chính phủ);

Hoạt động sản xuất, giá thành, hoạt động xuất khẩu và lợi ích trợ cấp (đối với doanh nghiệp);

Thông tin nhập khẩu, giá giao dịch và thị trường (đối với nhà nhập khẩu).

Các đối tượng nhận bảng câu hỏi có trách nhiệm trả lời đầy đủ, kịp thời và cung cấp chứng từ hỗ trợ. TRA có thể từ chối xem xét hoặc coi là không hợp tác nếu câu trả lời không đầy đủ hoặc không được cung cấp đúng hạn.

2. Lấy mẫu (Sampling)

Trong trường hợp có quá nhiều nhà sản xuất/xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu, TRA áp dụng phương pháp lấy mẫu để đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong điều tra.

Tiêu chí lấy mẫu có thể bao gồm:

Tỷ trọng lớn nhất trong tổng lượng xuất khẩu;

Đại diện hợp lý cho các nhóm doanh nghiệp trong ngành;

Khả năng cung cấp dữ liệu đầy đủ và kịp thời.

Các doanh nghiệp được chọn mẫu phải tham gia đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin. Doanh nghiệp hợp tác nhưng không được chọn mẫu có thể được áp dụng biên độ trợ cấp bình quân có trọng số từ nhóm mẫu.

3. Xác minh thông tin (Verification)

TRA tiến hành xác minh dữ liệu để đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của thông tin đã cung cấp. Việc xác minh có thể diễn ra thông qua:

Kiểm tra chứng từ kế toán, hóa đơn, sổ sách bán hàng, báo cáo tài chính;

Thẩm tra dữ liệu chi phí, giá, điều kiện tín dụng, hoặc chương trình trợ cấp;

Làm việc trực tiếp tại cơ sở sản xuất hoặc thông qua kiểm tra điện tử.

Xác minh thông tin là khâu bắt buộc nhằm bảo đảm tính chính xác, đồng nhất và đầy đủ của dữ liệu, giúp TRA tránh sai lệch do báo cáo thiếu hoặc sai.

4. Tổ chức các phiên điều trần và tham vấn

TRA có thể tổ chức phiên điều trần để:

Lắng nghe ý kiến từ các bên liên quan;

Thảo luận các vấn đề kỹ thuật phát sinh từ dữ liệu;

Làm rõ các luận điểm phản biện.

Các phiên làm việc này tạo cơ hội cho các bên trình bày lập luận, cung cấp thông tin bổ sung, hoặc làm rõ dữ liệu chưa đầy đủ.

5. Đánh giá và quản lý dữ liệu

Toàn bộ thông tin TRA thu thập được phân loại và quản lý thông qua:

Hồ sơ mật (confidential file): lưu trữ dữ liệu nhạy cảm như cấu trúc chi phí, giá bán, dữ liệu tài chính;

Hồ sơ công khai (public file): lưu trữ thông tin không mật, tóm tắt dữ liệu cần thiết để các bên tham gia tiếp cận.

TRA yêu cầu các bên gửi bản tóm tắt không mật tương ứng khi nộp tài liệu mật, nhằm bảo đảm tính minh bạch và quyền tiếp cận thông tin của các bên còn lại.

IV. Các bước tiếp theo trong điều tra chống trợ cấp

Sau khi xác định sự tồn tại của trợ cấp có thể bị đối kháng, quy trình điều tra chuyển sang các nội dung tiếp theo nhằm:

(1) ước lượng quy mô hỗ trợ thông qua việc tính toán biên độ trợ cấp;

(2) đánh giá thiệt hại và quan hệ nhân quả; và

(3) thực hiện bài kiểm tra lợi ích kinh tế quốc gia (Economic Interest Test – EIT). Các phần này được trình bày tóm lược dưới đây.

1. Tính toán biên độ trợ cấp

Với các chương trình được xác định là trợ cấp đối kháng, TRA tiến hành định lượng lợi ích theo các bước chính:

(a) Xác định tổng lợi ích

TRA xác định tổng mức lợi ích mà doanh nghiệp nhận được từ từng chương trình trợ cấp đủ điều kiện.

(b) Phân bổ lợi ích theo thời gian

Tùy vào bản chất và thời hạn của chương trình trợ cấp (ví dụ: khoản vay, hỗ trợ đầu tư, miễn thuế...), lợi ích được phân bổ cho một hoặc nhiều kỳ điều tra.

(c) Phân bổ cho hàng hóa liên quan

Lợi ích được phân bổ cho các sản phẩm thuộc phạm vi điều tra, thường dựa trên sản lượng, doanh thu, hoặc giá trị gia tăng liên quan.

(d) Tính biên độ trợ cấp

Biên độ trợ cấp được tính theo giá trị tuyệt đối hoặc trên từng đơn vị sản phẩm, làm căn cứ xác định mức thuế đối kháng tiềm năng.

(e) Phân loại đối tượng áp dụng



Doanh nghiệp mẫu: được tính toán trực tiếp dựa trên số liệu đã kiểm chứng

Doanh nghiệp hợp tác (không thuộc mẫu): có thể nhận mức thuế bình quân gia quyền

Doanh nghiệp không hợp tác: có thể áp dụng mức thuế dựa trên dữ liệu có sẵn (facts available), thường cao hơn

2. Đánh giá thiệt hại và quan hệ nhân quả

TRA đánh giá xem liệu ngành sản xuất trong nước có phải chịu thiệt hại đáng kể bởi nhập khẩu được trợ cấp hay không. Phân tích bao gồm:

(a) Thiệt hại vật chất

Các chỉ tiêu thường được xem xét:

- Sản lượng
- Doanh số
- Lợi nhuận
- Thị phần
- Mức độ sử dụng công suất
- Tồn kho
- Lao động & năng suất

(b) Đánh giá nhập khẩu được trợ cấp

TRA xem xét sự gia tăng nhập khẩu được trợ cấp và tác động của chúng đến thị trường nội địa.

(c) Quan hệ nhân quả

TRA đánh giá liệu thiệt hại nêu trên có phải do nhập khẩu được trợ cấp gây ra, hay do các yếu tố khác (nhu cầu giảm, thay đổi công nghệ, khủng hoảng...)

– nhằm đảm bảo kết luận khách quan.

3. Bài kiểm tra Lợi ích Kinh tế Quốc gia (Economic Interest Test – EIT)

EIT là bước đặc thù trong cơ chế của Vương quốc Anh. Mặc dù tồn tại trợ cấp và thiệt hại, TRA chỉ khuyến nghị áp dụng biện pháp đối kháng nếu biện pháp này **phù hợp với lợi ích kinh tế quốc gia**.

TRA đánh giá từng nhóm lợi ích:

Ngành sản xuất nội địa → Có được bảo vệ hợp lý hay không

Nhà nhập khẩu → Chi phí và hoạt động thương mại có bị ảnh hưởng bất lợi quá mức không

Người tiêu dùng → Giá cả và sự sẵn có của sản phẩm

Cạnh tranh – chuỗi cung ứng → Ảnh hưởng đến cấu trúc thị trường, tính cạnh tranh và tính bền vững của chuỗi cung ứng

Cuối cùng, TRA **cân nhắc lợi ích tổng thể** để quyết định có khuyến nghị áp dụng thuế đối kháng hay không.

V. Kết luận sơ bộ (Statement of Essential Facts – SEF)

Sau khi hoàn tất phân tích kỹ thuật về trợ cấp, thiệt hại và lợi ích kinh tế quốc gia, TRA ban hành **Kết luận sơ bộ**, gọi là **Statement of Essential Facts (SEF)**. Đây là một bước thủ tục quan trọng nhằm bảo đảm tính minh bạch và quyền tham gia đầy đủ của các bên liên quan trước khi TRA đưa ra kết luận cuối cùng.

SEF bao gồm phần tóm lược tất cả các thông tin, dữ liệu và lập luận cốt lõi mà TRA dự định dựa vào để ra quyết định cuối cùng. Nội dung SEF thường được trình bày một cách có hệ thống, phản ánh:

kết quả phân tích về sự tồn tại của trợ cấp;

biên độ trợ cấp sơ bộ;

đánh giá thiệt hại và quan hệ nhân quả;

kết quả kiểm tra lợi ích kinh tế quốc gia (EIT);

ý định áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp đối kháng.

1. Công bố SEF

SEF được công bố đến các bên liên quan thông qua hồ sơ công khai và gửi trực tiếp cho các bên đã đăng ký tham gia điều tra. Việc công bố được thực hiện trong khung thời gian quy định,

bảo đảm các bên có đủ thời gian phân tích và phản hồi.

Nội dung SEF không phải là quyết định cuối cùng, nhưng có vai trò định hướng kết luận cuối cùng. SEF thể hiện quan điểm sơ bộ của TRA dựa trên dữ liệu đã thu thập và phân tích tại thời điểm công bố.

2. Tham vấn và phản hồi từ các bên liên quan

Sau khi SEF được ban hành, các bên liên quan có quyền gửi ý kiến phản hồi trong thời hạn quy định. Các ý kiến có thể bao gồm:

Trình bày lập luận phản biện về phân tích trợ cấp;

Đề xuất điều chỉnh trong tính toán biên độ trợ cấp;

Cung cấp bằng chứng bổ sung;

Phân tích bổ sung về mối quan hệ nhân quả hoặc lợi ích kinh tế quốc gia.

TRA có trách nhiệm xem xét các ý kiến này trước khi ra quyết định cuối cùng. Quá trình tham vấn đảm bảo rằng kết luận cuối cùng được đưa ra dựa trên đánh giá toàn diện và khách quan nhất.

3. Vai trò của SEF

SEF đóng vai trò:

Bảo đảm minh bạch trong quá trình điều tra;

Tạo cơ hội cho các bên liên quan bảo vệ quyền lợi của mình;

Giúp TRA đánh giá lại các phân tích dựa trên thông tin phản hồi;

Là nền tảng để xây dựng kết luận cuối cùng.

Thông qua SEF, các bên liên quan có thể nhận diện rõ lập luận của TRA và có cơ sở chuẩn bị phản hồi phù hợp. Điều này đặc biệt quan trọng đối với doanh nghiệp bị điều tra và chính phủ nước xuất khẩu.

VI. Kết luận cuối cùng & khuyến nghị biện pháp đối kháng

Sau khi hoàn tất giai đoạn tham vấn đối với **Kết luận sơ bộ (SEF)** và xem xét các ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, TRA tiếp tục hoàn thiện đánh giá và ban hành **kết luận cuối cùng**. Đây là quyết định mang tính định hướng cụ thể về việc có áp dụng biện pháp đối kháng hay không, mức thuế áp dụng, và đối tượng bị áp dụng.

1. Kết luận cuối cùng

Trong kết luận cuối cùng, TRA xem xét toàn bộ các yếu tố cốt lõi đã được phân tích trong quá trình điều tra, bao gồm:

Sự tồn tại của trợ cấp có thể bị đối kháng

TRA khẳng định liệu các chương trình trợ cấp của chính phủ nước xuất khẩu có đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về:

Đóng góp tài chính;

Lợi ích được hưởng;

Tính cụ thể.

Mức trợ cấp được hưởng (biên độ trợ cấp)

TRA xác định biên độ trợ cấp cuối cùng dựa trên dữ liệu đã xác minh và điều chỉnh sau khi xem xét phản hồi từ các bên.

Đánh giá thiệt hại và quan hệ nhân quả

TRA đánh giá liệu ngành sản xuất nội địa có phải chịu thiệt hại đáng kể hoặc bị đe dọa gây thiệt hại bởi nhập khẩu được trợ cấp, và liệu thiệt hại đó có quan hệ nhân quả trực tiếp với trợ cấp.

Kết quả bài kiểm tra lợi ích kinh tế quốc gia (EIT)

TRA xem xét liệu việc áp dụng biện pháp đối kháng có phù hợp với lợi ích chung của nền kinh tế hay không, xét đến

lợi ích của ngành sản xuất, người tiêu dùng, nhà nhập khẩu và các yếu tố cạnh tranh.

Chỉ khi **tất cả các điều kiện trên được đáp ứng**, TRA mới đưa ra khuyến nghị áp dụng biện pháp đối kháng.

2. Khuyến nghị biện pháp đối kháng

Dựa trên kết luận cuối cùng, TRA có thể đưa ra khuyến nghị áp dụng thuế đối kháng nhằm trung hòa lợi ích trợ cấp và khôi phục môi trường cạnh tranh công bằng trên thị trường nội địa.

Khuyến nghị bao gồm các nội dung chính:

(a) Hình thức biện pháp

Hình thức phổ biến nhất là **thuế đối kháng (countervailing duties)**, được áp dụng ở mức tương đương với biên độ trợ cấp đã xác định, có thể theo nguyên tắc thuế thấp hơn (lesser duty rule) nếu điều này đủ để loại bỏ thiệt hại.

(b) Mức thuế áp dụng

Mức thuế đối kháng được xác định riêng cho:

Doanh nghiệp cụ thể (doanh nghiệp mẫu);

Nhóm doanh nghiệp hợp tác (mức bình quân có trọng số);

Doanh nghiệp không hợp tác (mức dựa trên dữ liệu có sẵn).

(c) Thời hạn áp dụng

Thuế đối kháng thường được áp dụng trong một thời hạn nhất định, có thể được rà soát định kỳ hoặc chấm dứt theo cơ chế đánh giá lại (review, reassessment hoặc sunset review).

3. Quyết định của Bộ trưởng

Sau khi TRA hoàn thiện báo cáo kết luận cuối cùng và khuyến nghị biện pháp đối kháng, báo cáo này được trình lên **Bộ trưởng**

phụ trách thương mại quốc tế. Bộ trưởng là người có thẩm quyền ra quyết định cuối cùng về việc:

chấp thuận hoặc từ chối khuyến nghị;

quyết định áp dụng biện pháp đối kháng;

điều chỉnh phạm vi hoặc mức thuế.

Việc trao quyền quyết định cuối cùng cho Bộ trưởng phản ánh cách tiếp cận kết hợp giữa đánh giá kỹ thuật độc lập và cân nhắc chính sách vĩ mô trong hệ thống pháp lý của Vương quốc Anh.

4. Công bố quyết định

Sau khi quyết định được ban hành, thông tin sẽ được công bố công khai, bao gồm:

Mức thuế đối kháng chính thức;

Các đối tượng bị áp thuế;

Thời hạn hiệu lực;

Hướng dẫn thi hành.

Thông tin này cũng được cập nhật vào hồ sơ công khai (public file), đảm bảo tính minh bạch và cho phép các bên liên quan theo dõi việc thực thi.

VII. Rà soát, gia hạn, chấm dứt biện pháp

Sau khi biện pháp đối kháng được áp dụng, TRA và Bộ trưởng có thẩm quyền tiến hành các thủ tục nhằm bảo đảm rằng biện pháp tiếp tục phù hợp với điều kiện thị trường và mục tiêu bảo vệ ngành sản xuất nội địa. Các thủ tục cốt lõi gồm:

1. Rà soát

TRA có thể tiến hành rà soát theo yêu cầu của các bên liên quan hoặc chủ động thực hiện khi có dấu hiệu cho thấy điều kiện áp dụng biện

pháp đã thay đổi đáng kể. Các hình thức rà soát chính gồm:

Rà soát định kỳ / interim review: xem xét sự thay đổi về trợ cấp, biên độ trợ cấp, thị trường hoặc tình hình thiệt hại.

Circumvention review: đánh giá hành vi lẩn tránh thuế đối kháng.

Kết quả rà soát có thể dẫn đến: duy trì, sửa đổi hoặc chấm dứt biện pháp.

2. Gia hạn biện pháp

Biện pháp đối kháng thường có thời hạn nhất định. Trước khi biện pháp hết hiệu lực, TRA có thể rà soát để đánh giá nguy cơ tái diễn trợ cấp hoặc thiệt hại. Nếu nguy cơ này đáng kể, TRA có thể khuyến nghị gia hạn biện pháp.

Quyết định gia hạn cuối cùng thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng.

3. Chấm dứt biện pháp

Biện pháp đối kháng sẽ chấm dứt khi:

Không còn trợ cấp, hoặc trợ cấp không còn gây thiệt hại;

Biên độ trợ cấp hoặc thiệt hại trở nên không đáng kể;

Kết quả rà soát cho thấy không còn cần thiết tiếp tục áp dụng;

Hết thời hạn áp dụng và không được gia hạn.

TRA có trách nhiệm công bố quyết định chấm dứt và các hướng dẫn triển khai.



Quy trình rà soát thuế chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh

1. Thuế CTC là gì? Rà soát thuế CTC là gì?

1.1. Khái niệm thuế CTC

Thuế chống trợ cấp (Countervailing Duty – CVD hay CTC) là một công cụ pháp lý quan trọng trong lĩnh vực phòng vệ thương mại, được các quốc gia áp dụng nhằm bảo vệ ngành sản xuất nội địa khỏi tác động tiêu cực của các khoản trợ cấp mà nước xuất khẩu cung cấp cho doanh nghiệp của họ. Bản chất của thuế CTC là bù đắp lợi thế cạnh tranh không công bằng mà doanh nghiệp nước ngoài có được nhờ vào các khoản trợ cấp từ chính phủ, từ đó đảm bảo rằng sản phẩm nhập khẩu không gây thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa.

(i) Các dạng trợ cấp dẫn đến thuế CTC

Trợ cấp có thể được cung cấp dưới nhiều hình thức, và khi bị phát hiện có ảnh hưởng bất lợi đến thị trường nội địa, sẽ là cơ sở để áp dụng thuế CTC:

Trợ cấp trực tiếp bằng tiền mặt: Ví dụ như hỗ trợ chi phí nguyên liệu, chi phí xuất khẩu, trợ cấp đầu tư.

Ưu đãi thuế: Giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm thuế xuất nhập khẩu cho hàng hóa xuất khẩu.

Hỗ trợ tín dụng hoặc vay ưu đãi: Doanh nghiệp xuất khẩu được vay vốn với lãi suất thấp hơn thị trường, giúp giảm chi phí sản xuất.

Hỗ trợ cơ sở hạ tầng hoặc đất đai: Các ưu đãi về đất, nhà xưởng, hoặc hạ tầng kỹ thuật do chính phủ cung cấp, làm giảm chi phí sản xuất.

(ii) Nguyên lý áp dụng thuế CTC

Thuế CTC được tính dựa trên mức trợ cấp cụ thể mà doanh nghiệp nước ngoài nhận được. Khi hàng hóa nhập khẩu được bán ra ở nước nhập khẩu với giá thấp hơn hoặc tạo ra thiệt hại cho ngành sản xuất nội địa, cơ quan chức năng sẽ áp dụng mức thuế tương đương với khoản trợ cấp nhận được, nhằm:

Cân bằng lợi thế cạnh tranh giữa sản phẩm nhập khẩu và sản phẩm trong nước.

Bảo vệ ngành sản xuất nội địa khỏi những thiệt hại do nhập khẩu được trợ cấp gây ra.

Đảm bảo công bằng thương mại và tuân thủ các cam kết quốc tế về thương mại, đặc biệt trong khuôn khổ WTO.

(iii) Cơ sở pháp lý và điều kiện áp dụng

Theo quy định của WTO: Các nước thành viên được phép áp dụng thuế CTC nhưng phải tuân thủ các nguyên tắc minh bạch, không phân biệt đối xử và có quy trình điều tra rõ ràng.

Điều kiện áp dụng thuế CTC:

Hàng hóa nhập khẩu được hưởng trợ cấp từ chính phủ nước xuất khẩu.

Trợ cấp này gây ra **thiệt hại hoặc nguy cơ thiệt hại đáng kể** cho ngành sản xuất nội địa.

Quá trình áp dụng thuế phải minh bạch, có cơ hội cho các bên liên quan phản biện và bảo vệ quyền lợi.

(iv) Vai trò và ý nghĩa

Thuế CTC không chỉ là công cụ bảo vệ ngành sản xuất trong nước, mà còn có vai trò thúc đẩy thương mại công bằng, giảm tình trạng “bán phá giá có trợ cấp” và đảm bảo rằng các sản phẩm nhập khẩu tuân thủ

các chuẩn mực quốc tế. Đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, việc nắm vững cơ chế CTC giúp chuẩn bị hồ sơ, dữ liệu minh bạch và ứng phó kịp thời khi đối mặt với các vụ việc tại thị trường nước ngoài, từ đó giảm thiểu rủi ro pháp lý và kinh tế.

1.2. Khái niệm và mục đích của rà soát thuế CTC

Rà soát thuế chống trợ cấp (CTC) là một quy trình pháp lý do cơ quan chức năng của nước nhập khẩu tiến hành nhằm đánh giá lại mức thuế CTC đã áp dụng đối với một mặt hàng nhập khẩu cụ thể. Mục tiêu của rà soát là xác định xem mức thuế hiện hành có còn phù hợp với thực tế trợ cấp từ nước xuất khẩu hay không, đồng thời đảm bảo rằng việc áp dụng thuế không quá mức hoặc không còn cần thiết. Rà soát thuế CTC thường được thực hiện theo định kỳ, theo yêu cầu của doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng, hoặc theo chỉ đạo từ cơ quan nhà nước để điều chỉnh chính sách thương mại.

(i) Khái niệm

Rà soát thuế CTC định kỳ (Periodic Review): Đây là các cuộc rà soát được thực hiện theo chu kỳ nhất định, nhằm xác nhận mức thuế hiện hành vẫn phản ánh đúng mức trợ cấp và tình hình thị trường hiện tại.

Rà soát thuế CTC theo yêu cầu (Sunset/Administrative Review): Doanh nghiệp hoặc hiệp hội có thể yêu cầu rà soát khi cho rằng mức thuế hiện hành không còn phù hợp với điều kiện kinh doanh thực tế hoặc mức trợ cấp đã thay đổi.

Quá trình rà soát bao gồm việc thu thập và phân tích dữ liệu từ doanh nghiệp xuất khẩu, xác minh mức trợ cấp, đánh giá tác động lên ngành sản xuất nội địa,

và quyết định điều chỉnh, duy trì hoặc bãi bỏ thuế CTC.

(ii) Mục đích

Rà soát thuế CTC phục vụ nhiều mục đích quan trọng:

Đảm bảo tính công bằng và chính xác trong áp dụng thuế:

Mức thuế CTC phải phản ánh đúng khoản trợ cấp thực tế mà doanh nghiệp nước ngoài nhận được.

Tránh việc áp dụng thuế quá mức, gây bất lợi không cần thiết cho hoạt động thương mại, đồng thời đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ngành sản xuất nội địa.

Cập nhật dữ liệu và tình hình thị trường:

Các cuộc rà soát giúp cơ quan chức năng nắm bắt được biến động trợ cấp, giá cả, khối lượng nhập khẩu và tác động lên ngành sản xuất nội địa.

Từ đó, các quyết định áp thuế CTC được đưa ra trên cơ sở dữ liệu chính xác và minh bạch.

Hỗ trợ doanh nghiệp và cơ quan quản lý hoạch định chính sách:

Doanh nghiệp xuất khẩu có cơ hội phản biện, cung cấp bằng chứng và dữ liệu để chứng minh mức thuế cần điều chỉnh.

Cơ quan quản lý có cơ sở để **tối ưu hóa chính sách phòng vệ thương mại**, tránh gây áp lực quá mức lên xuất khẩu và đồng thời bảo vệ ngành nội địa.

Tăng cường uy tín quốc gia và tuân thủ các cam kết quốc tế:

Việc rà soát minh bạch, dựa trên quy trình pháp lý rõ ràng, giúp nâng cao uy tín của quốc gia trong thương mại quốc tế, phù hợp với các cam kết WTO và hiệp định thương mại song phương/đa phương.

2. Cơ sở pháp lý rà soát thuế CTC của Vương quốc Anh?

Sau Brexit, Vương quốc Anh không còn áp dụng trực tiếp các quy định về phòng vệ thương mại của Liên minh châu Âu mà phải **thiết lập một hệ thống pháp luật riêng, tự chủ và độc lập**. Việc này đặc biệt quan trọng đối với các công cụ phòng vệ thương mại, trong đó có **thuế chống trợ cấp (CTC)**, nhằm **bảo vệ ngành sản xuất nội địa trước những tác động cạnh tranh không lành mạnh từ hàng hóa nhập khẩu**.

Hệ thống pháp luật về phòng vệ thương mại hậu Brexit của Anh được xây dựng dựa trên ba trụ cột cơ bản:

a. Trade Remedies Regulations 2019

Văn bản này được ban hành trước thời điểm Brexit, nhằm **sao chép phần lớn các quy định của EU về phòng vệ thương mại vào hệ thống pháp luật quốc gia**, đảm bảo không xuất hiện “khoảng trống pháp lý” trong quá trình chuyển đổi.

Các điểm chính của Trade Remedies Regulations 2019 bao gồm:

Nguyên tắc và điều kiện để khởi xướng điều tra chống trợ cấp và áp dụng thuế CTC.

Quy định chi tiết về các loại rà soát, bao gồm rà soát định kỳ và rà soát theo yêu cầu của doanh nghiệp hoặc hiệp hội ngành hàng.

Tiêu chí đánh giá lợi ích công cộng và kinh tế, nhằm cân bằng lợi ích giữa ngành sản xuất nội địa, doanh nghiệp nhập khẩu, người tiêu dùng và toàn bộ nền kinh tế trước khi quyết định áp dụng hoặc duy trì biện pháp CTC.

b. Trade Act 2021

Đây là **đạo luật khung về thương mại quốc tế hậu Brexit**, được xem là nền tảng pháp lý cao nhất cho hệ thống phòng vệ thương mại của Anh, bao gồm thuế CTC.

Vai trò chính của Trade Act 2021:

Thiết lập cơ chế vận hành toàn bộ hệ thống phòng vệ thương mại của Anh.

Trao quyền pháp lý cho Trade Remedies Authority (TRA) – cơ quan độc lập thực hiện điều tra và rà soát.

Xác định quyền quyết định cuối cùng thuộc về Bộ trưởng Thương mại quốc tế, người có thể chấp thuận, từ chối hoặc yêu cầu xem xét lại khuyến nghị từ TRA, đặc biệt trong trường hợp liên quan đến lợi ích công cộng.

Quy định cơ chế chuyển đổi (transition) các biện pháp CTC từ thời Anh còn là thành viên EU sang hệ thống pháp luật mới, đảm bảo tính liên tục và ổn định trong thực thi.

c. Trade Remedies Authority (TRA)

TRA là cơ quan phòng vệ thương mại được thành lập năm 2021, hoạt động **độc lập với Bộ Thương mại quốc tế** nhưng phối hợp chặt chẽ để đưa ra quyết định cuối cùng về thuế CTC.

Chức năng chính của TRA bao gồm:

Điều tra và rà soát: tiếp nhận đơn từ doanh nghiệp hoặc ngành sản xuất, thu thập chứng cứ, tổ chức tham vấn và lập báo cáo chi tiết.

Khuyến nghị chính sách: dựa trên kết quả điều tra, TRA đề xuất duy trì, điều chỉnh hoặc bãi bỏ thuế CTC.

Đảm bảo minh bạch: tất cả quy trình điều tra và rà soát đều



công khai, giúp doanh nghiệp và cộng đồng quốc tế có thể tin tưởng vào tính khách quan của hệ thống.

TRA vận hành dựa trên **nguyên tắc khách quan và dựa trên bằng chứng (evidence-based)**, đóng vai trò như “trọng tài kỹ thuật” trước khi Bộ trưởng Thương mại quốc tế đưa ra quyết định chính thức.

3. Các hình thức rà soát thuế CTC của Vương quốc Anh - Quy trình điều tra với từng loại rà soát

Các biện pháp chống trợ cấp có thể phải chịu một số loại rà soát khác nhau trong quá trình áp dụng:

- Rà soát tạm thời
- Rà soát hết hạn
- Rà soát nhà xuất khẩu mới
- Rà soát hấp thụ
- Rà soát lách luật
- Rà soát phạm vi
- Rà soát sớm

3.1. Rà soát tạm thời (Interim Review)

Mục đích

Rà soát tạm thời được tiến hành nhằm xác định liệu một

biện pháp chống trợ cấp hoặc chống trợ cấp hiện hành có cần được điều chỉnh hoặc bãi bỏ do hoàn cảnh thay đổi hay không.

Ví dụ: doanh nghiệp hoặc bên liên quan có thể đề nghị tiến hành rà soát tạm thời nếu cho rằng biện pháp hiện tại **không còn đủ để bù đắp thiệt hại** do hàng hóa bán phá giá hoặc được trợ cấp gây ra, hoặc ngược lại, **không còn cần thiết** để bảo vệ ngành sản xuất trong nước.

Khởi xướng

Rà soát tạm thời có thể được khởi xướng theo yêu cầu của một bên liên quan (hoặc thay mặt bên liên quan), hoặc do **TRA** chủ động thực hiện.

Trường hợp do doanh nghiệp hoặc bên liên quan nộp đơn, việc rà soát chỉ có thể bắt đầu **sau ít nhất một năm** kể từ khi biện pháp được áp dụng hoặc được sửa đổi gần nhất.

Hồ sơ yêu cầu phải cung cấp bằng chứng cho thấy kể từ khi áp dụng biện pháp, đã có sự **thay đổi mang tính lâu dài** về hoàn cảnh, dẫn đến một trong các tình huống sau:

Việc tiếp tục áp dụng biện pháp **không còn cần thiết** để bù đắp cho hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp.

Ngành sản xuất nội địa sẽ **không còn chịu hoặc khó có khả năng chịu thiệt hại** nếu biện pháp được bãi bỏ hoặc điều chỉnh.

Biện pháp hiện hành **không đủ để khắc phục** thiệt hại do hàng hóa bán phá giá hoặc được trợ cấp gây ra.

Phân tích

Khi tiến hành rà soát tạm thời, TRA sẽ xem xét một loạt yếu tố, bao gồm:

Liệu các điều kiện liên quan đến hàng hóa bán phá giá hoặc được trợ cấp **có thay đổi đáng kể** hay không.

Liệu tình trạng thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước **có sự thay đổi căn bản** kể từ khi áp dụng biện pháp.

Liệu biện pháp hiện hành **có còn cần thiết hoặc đủ hiệu lực** để ngăn ngừa, bù đắp thiệt hại hay không; và nếu cần điều chỉnh thì mức thuế chống trợ cấp hoặc chống trợ cấp nên thay đổi đến mức nào.

TRA phải đánh giá cả **tác động hiện tại và tương lai** của biện pháp. Nếu thấy rằng biện pháp không còn phù hợp, TRA sẽ xem xét lại biên độ bán phá giá hoặc mức trợ cấp, đồng thời xác định mức điều chỉnh cần thiết để bảo đảm bù đắp thiệt hại.

Kết quả

Một cuộc rà soát tạm thời có thể dẫn đến ba kết quả:

Biện pháp được giữ nguyên, không thay đổi.

Biện pháp được sửa đổi về **mức độ, hình thức và/hoặc thời hạn áp dụng**.

Biện pháp bị bãi bỏ hoàn toàn.

3.2. Rà soát hết hạn (Expiry Review)

Khái niệm

Rà soát hết hạn nhằm xác định liệu một biện pháp chống trợ cấp hoặc đối kháng đang có hiệu lực có cần được gia hạn (và nếu có, ở mức độ nào) hay để biện pháp đó chấm dứt hiệu lực. Đây là cơ chế bảo đảm rằng các biện pháp phòng vệ thương mại chỉ được duy trì khi thực sự cần thiết để ngăn chặn nguy cơ tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp và thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

Khởi xướng

Rà soát hết hạn có thể được yêu cầu bởi hoặc thay mặt cho ngành sản xuất trong nước tại Vương quốc Anh, hoặc do Cơ quan Biện pháp Thương mại (TRA) tự khởi xướng trong các trường hợp đặc biệt.

Trước khi một biện pháp CTC hoặc đối kháng hết hiệu lực, TRA sẽ thông báo cho các bên liên quan và cho phép họ đủ thời gian nộp đơn đề nghị rà soát.

Đơn xin phải được nộp tối thiểu 3 tháng và tối đa 12 tháng trước thời điểm biện pháp hết hiệu lực.

Đơn cần cung cấp bằng chứng chứng minh rằng:

Việc bán phá giá hoặc trợ cấp đối với hàng hóa bị rà soát có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn nếu biện pháp hết hiệu lực; và

Thiệt hại đối với ngành công nghiệp trong nước có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn nếu biện pháp hết hiệu lực.

Trong thời gian rà soát, biện pháp hiện hành vẫn tiếp tục áp dụng cho đến khi TRA hoàn tất phân tích và Bộ trưởng đưa ra quyết định cuối cùng dựa trên khuyến nghị của TRA.

Phân tích

Khi tiến hành rà soát hết hạn, TRA sẽ đánh giá:

Liệu hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp đối với hàng hóa bị rà soát có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn;

Liệu ngành công nghiệp trong nước đã được loại bỏ hoặc giảm thiểu thiệt hại nhờ biện pháp hiện hành, và nguy cơ thiệt hại sẽ quay trở lại nếu biện pháp hết hiệu lực;

Hoàn cảnh tại quốc gia xuất khẩu hoặc của nhà xuất khẩu, bao gồm năng lực sản xuất, nhu cầu thị trường, chính sách trợ cấp, và các yếu tố thương mại khác có thể dẫn đến việc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp.

TRA phải xem xét cả **tác động hiện tại** của biện pháp và **triển vọng tương lai** để đưa ra kết luận hợp lý. Nếu thấy cần thiết, TRA có thể đánh giá lại biên độ phá giá hoặc mức trợ cấp để xác định mức độ bảo hộ phù hợp.

Kết quả

Kết quả rà soát hết hạn có thể là:

Biện pháp hết hiệu lực;

Biện pháp được gia hạn với cùng mức độ, nhưng thời hạn không quá 5 năm;

Biện pháp được gia hạn với mức độ điều chỉnh (tăng hoặc giảm), nhưng thời hạn không quá 5 năm.

3.3. Rà soát nhà xuất khẩu mới (New Exporter Review)

Khái niệm

Rà soát đối với nhà xuất khẩu mới nhằm xác định xem có cần thay đổi mức thuế chống trợ cấp hoặc thuế đối kháng trong trường hợp xuất hiện một nhà xuất khẩu mới đối với mặt hàng đang bị áp dụng biện pháp hay không. Cơ chế này bảo đảm sự công bằng, tránh việc áp dụng biện pháp một cách cứng nhắc cho cả những nhà xuất khẩu không tham gia vào cuộc điều tra ban đầu.

Khởi xướng

Rà soát nhà xuất khẩu mới có thể được khởi xướng sau khi TRA nhận được đơn từ một nhà xuất khẩu mới hoặc đại diện hợp pháp của họ.

Đơn đăng ký phải cung cấp bằng chứng chứng minh:

Người nộp đơn **không có quan hệ liên kết** với bất kỳ nhà xuất khẩu nước ngoài nào đã bị áp dụng biện pháp trong cuộc điều tra ban đầu;

Người nộp đơn **không xuất khẩu** hàng hóa bị rà soát sang Vương quốc Anh trong giai đoạn điều tra làm cơ sở cho biện pháp hiện hành;

Người nộp đơn hiện đang xuất khẩu hàng hóa bị rà soát sang Vương quốc Anh, hoặc đã

có hợp đồng ràng buộc phải xuất khẩu với số lượng đáng kể.

Nếu đơn liên quan đến **biện pháp chuyển tiếp** (tức các biện pháp EU chuyển sang hệ thống của Anh sau Brexit), đơn còn phải chứng minh rằng người nộp đơn hoặc nhà xuất khẩu liên quan **không xuất khẩu hàng hóa sang EU** trong thời kỳ điều tra gốc.

Khi một rà soát nhà xuất khẩu mới được khởi xướng đối với biện pháp chống trợ cấp, Bộ trưởng Ngoại giao sẽ ra thông báo tạm dừng thu thuế CTC đối với hàng nhập khẩu từ đơn vị nộp đơn cho đến khi có kết quả rà soát.

Phân tích

Trong quá trình rà soát, TRA sẽ:

Xác minh tính hợp lệ của bằng chứng do đơn vị nộp đơn cung cấp để kết luận họ có đáp ứng tiêu chí là “nhà xuất khẩu mới” hay không;

Có thể yêu cầu bổ sung dữ liệu nhằm tính toán một **mức thuế riêng** cho nhà xuất khẩu mới. Tuy nhiên, nếu trong cuộc điều tra ban đầu (hoặc đợt rà soát tiếp theo) đã áp dụng mức thuế “hợp tác không lấy mẫu” cho các nhà xuất khẩu không được chọn mẫu, thì sẽ không tính riêng cho nhà xuất khẩu mới.

Kết quả

Các khả năng sau có thể xảy ra:

Không công nhận là nhà xuất khẩu mới → Mức thuế hiện đang áp dụng sẽ tiếp tục áp dụng cho nhà xuất khẩu nộp đơn. Nếu việc áp thuế từng tạm dừng trong thời gian rà soát, mức thuế này sẽ được khôi phục và có hiệu lực hồi tố từ ngày khởi xướng rà soát.

Công nhận là nhà xuất khẩu mới:

Nếu trong cuộc điều tra ban đầu có áp dụng phương pháp lấy mẫu, hàng hóa của nhà xuất khẩu nộp đơn sẽ chịu mức thuế “hợp tác không lấy mẫu”;

Nếu trong cuộc điều tra ban đầu không áp dụng phương pháp lấy mẫu, TRA có thể tính toán một **mức thuế riêng** cho nhà xuất khẩu mới.

Không xác định được mức thuế riêng → TRA có thể khuyến nghị không thay đổi biện pháp, ngay cả khi đơn vị nộp đơn được công nhận là nhà xuất khẩu mới và trong cuộc điều tra ban đầu không áp dụng phương pháp lấy mẫu.

3.4. Rà soát lần tránh (Circumvention Reviews)

Khái niệm

Rà soát lách luật nhằm điều tra xem liệu một công ty hoặc bên liên quan có đang thực hiện các hoạt động nhằm **né tránh biện pháp chống trợ cấp hoặc chống trợ cấp hiện hành** hay không. Mục tiêu là bảo đảm hiệu lực thực tế của biện pháp, ngăn chặn hành vi lợi dụng kẽ hở để làm suy yếu tác dụng bảo hộ ngành sản xuất trong nước.

Khởi xướng

Rà soát lách luật có thể được yêu cầu bởi (hoặc thay mặt cho) một bên liên quan, hoặc được TRA tự khởi xướng.

Đơn yêu cầu phải kèm theo **bằng chứng chi tiết** về hành vi bị cáo buộc, bao gồm:

- cách thức lách luật diễn ra;
- các bên có liên quan;

ảnh hưởng của hành vi đối với hiệu quả của biện pháp ban đầu.

Hành vi lách luật có thể được xác định khi:

Có sự thay đổi trong xu hướng thương mại giữa (i) một quốc gia thứ ba không bị áp dụng biện pháp và Vương quốc Anh, hoặc (ii) giữa các công ty riêng lẻ tại nước xuất khẩu bị áp dụng biện pháp và Vương quốc Anh;

Sự thay đổi xu hướng thương mại không có lý do kinh tế chính đáng ngoài việc **né tránh biện pháp**;

Hành vi này gây **thiệt hại cho ngành công nghiệp Vương quốc Anh**, hoặc làm suy yếu hiệu lực của biện pháp hiện hành liên quan đến khối lượng và giá cả hàng nhập khẩu;

Hoặc hàng hóa đang bị xem xét vẫn tồn tại hành vi bán phá giá/trợ cấp, mang lại lợi ích bất hợp pháp cho đối tượng bị rà soát.

Phân tích

Trong quá trình rà soát, TRA sẽ xem xét nhiều yếu tố, bao gồm:

Bản chất của mối quan hệ giữa các bên trong chuỗi xuất khẩu;

Thời điểm và hoàn cảnh của sự thay đổi xu hướng thương mại;

Đặc điểm cụ thể của sự thay đổi này (ví dụ: chuyển hướng dòng thương mại qua nước thứ ba, thay đổi danh nghĩa nhà xuất khẩu).

Kết quả

Rà soát lách luật có thể dẫn đến một trong các kết quả:

Giữ nguyên biện pháp hiện hành, không thay đổi;

Điều chỉnh biện pháp, ví dụ: mở rộng hoặc thay đổi phạm vi áp dụng.

Nếu có điều chỉnh, thay đổi có thể áp dụng cho:

Một phần hoặc toàn bộ hàng hóa thuộc diện rà soát;

Hàng hóa xuất khẩu từ một nước thứ ba có liên quan;

Một số nhà xuất khẩu cụ thể, trong trường hợp mô hình xuất khẩu và kênh phân phối được tổ chức lại nhằm né tránh biện pháp, dẫn tới việc áp dụng các mức thuế CTC hoặc thuế đối kháng khác nhau.

3.5. Rà soát hấp thụ (Absorption Review)

Khái niệm

Rà soát hấp thụ nhằm xác định xem liệu biện pháp chống trợ cấp hiện hành có bị “hấp thụ” hay không, tức là **mức thuế đã áp dụng không đạt được hiệu lực mong muốn**. Tình huống này xảy ra khi (i) giá xuất khẩu của hàng hóa bị rà soát giảm xuống sau giai đoạn điều tra ban đầu, hoặc (ii) giá bán lại của hàng hóa đó tại thị trường Vương quốc Anh không tăng đủ để phản ánh tác động của biện pháp chống trợ cấp.

Khởi xướng

Rà soát hấp thụ có thể được yêu cầu bởi (hoặc thay mặt cho) một bên liên quan, hoặc được TRA tự khởi xướng.

Đơn yêu cầu phải kèm theo **bằng chứng đầy đủ**, chứng minh rằng:

Giá xuất khẩu của hàng hóa bị rà soát **đã giảm** kể từ sau kỳ điều tra ban đầu; hoặc

Giá bán lại hàng hóa bị rà soát tại thị trường Vương quốc Anh **không tăng đủ** kể từ khi biện pháp được áp dụng.

Phân tích

Khi tiến hành rà soát hấp thụ, TRA sẽ xem xét:

Giá xuất khẩu, giá bán lại và giá bán sau cùng của hàng hóa bị rà soát;

Mức độ mà thuế chống trợ cấp đã tác động (hoặc không tác động) đến sự biến động giá bán lại và giá bán sau đó;

Các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến giá, ví dụ: biến động chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển, hoặc chính sách định giá của nhà xuất khẩu/nhà nhập khẩu.

Kết quả

Các kết quả có thể xảy ra của rà soát hấp thụ là:

Giữ nguyên biện pháp, không thay đổi; hoặc

Điều chỉnh thuế suất đối với một phần hoặc toàn bộ hàng hóa bị rà soát.

Nếu có sự điều chỉnh, mức thuế mới sẽ được thiết kế để bảo đảm rằng biện pháp chống trợ cấp phát huy hiệu quả mong muốn, qua đó khôi phục sự bảo vệ cho ngành sản xuất nội địa.

Như vậy, rà soát hấp thụ là một công cụ bổ sung để **ngăn ngừa tình trạng thuế CTC mất tác dụng trong thực tế**, do doanh nghiệp xuất khẩu tìm cách bù trừ hoặc giữ nguyên lợi thế cạnh tranh bằng cách hạ giá hoặc hạn chế mức tăng giá tại thị trường nhập khẩu.

3.6. Rà soát phạm vi

Khái niệm

Rà soát phạm vi (scope review) là một thủ tục nhằm xác định xem phạm vi áp dụng của một biện pháp chống trợ cấp hoặc chống trợ cấp có cần được điều chỉnh hay không. Mục tiêu chính là đảm bảo biện pháp này chỉ áp dụng cho đúng loại hàng hóa bị điều tra và không vô tình mở rộng hoặc thu hẹp đối tượng chịu thuế một cách không phù hợp.

Trong một số trường hợp, cần phải bổ sung thêm hàng hóa mới vào phạm vi để tránh lách luật; trong những trường hợp khác, cần loại bỏ một số hàng hóa ra khỏi phạm vi vì chúng thực sự không liên quan đến hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp.

Khởi xướng

Việc rà soát phạm vi có thể được **khởi xướng bởi một bên liên quan** (ví dụ: ngành sản xuất trong nước, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu) hoặc **do TRA tự khởi xướng**.

Nếu đơn xin được nộp bởi hoặc thay mặt cho bên bị điều tra, thủ tục chỉ có thể tiến hành **sau ít nhất một năm** kể từ ngày biện pháp được áp dụng hoặc được sửa đổi lần gần nhất.

Đơn yêu cầu phải bao gồm **bằng chứng đầy đủ** để chứng minh rằng:

Hàng hóa hoặc mô tả hàng hóa hiện hành không còn phù hợp, cần được thay đổi.

Những thay đổi được đề xuất không đủ cơ sở để mở hãn một cuộc điều tra chống trợ cấp hoặc chống trợ cấp mới.

Các yếu tố xem xét khi quyết định có khởi xướng rà soát hay không TRA sẽ phân tích nhiều yếu tố trước khi quyết định:

Liệu hàng hóa thuộc đơn yêu cầu **đã có thể nằm trong phạm vi điều tra ban đầu** nếu thông tin đó đã sẵn có vào thời điểm mở điều tra trước đây.

Mối quan hệ giữa hàng hóa trong đơn yêu cầu với các hàng hóa tương tự trên thị trường nội địa Vương quốc Anh (ví dụ: khả năng thay thế trong tiêu dùng hoặc sản xuất).

Tác động dự kiến của việc thay đổi phạm vi đối với hiệu quả và tính công bằng của biện pháp.

Nguyên nhân gây **tổn hại đến lợi ích của các bên liên quan** (doanh nghiệp sản xuất trong nước, nhà nhập khẩu, người tiêu dùng, v.v.).

Khả năng giải quyết vấn đề thông qua **quy tắc hải quan** mà không cần sửa đổi phạm vi.

Bất kỳ yếu tố nào khác mà TRA cho là có liên quan.

Phân tích

Khi tiến hành rà soát, TRA thường phân tích sự khác biệt và tương đồng giữa:

Hàng hóa thuộc diện đơn yêu cầu,

Hàng hóa hiện nằm trong phạm vi biện pháp,

Và các hàng hóa tương tự được sản xuất, tiêu thụ trên thị trường nội địa Vương quốc Anh.

Các tiêu chí so sánh bao gồm (nhưng không giới hạn):

Đặc tính hóa học, vật lý và kỹ thuật.

Quy trình và công nghệ sản xuất.

Mục đích sử dụng cuối cùng.

Mức độ có thể thay thế (interchangeability).

Ngoài ra, TRA sẽ đánh giá:

Liệu các hàng hóa trong đơn đã được tính đến trong **biên độ phá giá, mức trợ cấp hoặc mức thiệt hại** khi tiến hành điều tra ban đầu hoặc trong các rà soát trước đó.

Liệu ngành sản xuất trong nước có sản xuất và bán ra các hàng hóa tương tự hay không.

Tính khả thi về mặt **hải quan và thuế quan** nếu phạm vi được điều chỉnh.

Kết quả

Một cuộc rà soát phạm vi có thể dẫn đến:

Duy trì nguyên trạng – mô tả hàng hóa áp dụng biện pháp không thay đổi.

Sửa đổi phạm vi – mô tả hàng hóa được mở rộng hoặc thu hẹp, để đảm bảo tính chính xác và hiệu quả của biện pháp.

3.7. Rà soát sớm (Early Review)

Khái niệm

Rà soát sớm (early review) là một thủ tục đặc biệt, cho phép xem xét lại tính hợp lý và cần thiết của biện pháp chống trợ cấp hoặc chống trợ cấp **trong một khoảng thời gian rất ngắn sau khi biện pháp được áp dụng, thay đổi, gia hạn hoặc đình chỉ**. Mục đích chính của rà soát sớm là để đảm bảo rằng quyết định áp dụng biện pháp là chính xác, minh bạch và phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt khi có thông tin mới hoặc tình huống đặc biệt mà quá trình điều tra ban đầu chưa tính đến.

Khởi xướng

Quyền khởi xướng rà soát sớm thuộc về **Bộ trưởng** (Secretary of State).

Yêu cầu phải được đưa ra **trong vòng 60 ngày** kể từ ngày biện pháp chính thức được áp dụng, thay đổi, gia hạn hoặc đình chỉ. Sau thời hạn này, không thể yêu cầu rà soát sớm nữa.

Bộ trưởng chỉ có thể yêu cầu nếu tồn tại ít nhất một trong các căn cứ sau:

Có **thông tin mới, quan trọng** chưa được TRA xem xét trong quá trình điều tra hoặc rà soát liên quan.

TRA đã **mắc sai sót trong khuyến nghị** dẫn đến quyết định áp dụng biện pháp.

Có **trường hợp ngoại lệ** khác đủ để biện minh cho việc xem xét lại.

Trước khi ra quyết định yêu cầu, Bộ trưởng phải **tham khảo ý kiến với TRA** để bảo đảm rằng yêu cầu là hợp lý và có căn cứ.

Phân tích

Khi tiến hành rà soát sớm, TRA sẽ tập trung phân tích các vấn đề cụ thể được Bộ trưởng nêu trong yêu cầu. Tùy theo căn cứ, nội dung phân tích có thể khác nhau, bao gồm:

Xem xét lại thông tin mới: kiểm tra liệu dữ liệu mới có ảnh hưởng đáng kể đến kết luận ban đầu hay không.

Đánh giá lỗi trong khuyến nghị: nếu phát hiện sai sót trong tính toán biên độ phá giá, trợ cấp, hoặc trong đánh giá thiệt hại, TRA phải xác định mức độ ảnh hưởng của lỗi đó.

Đánh giá các trường hợp ngoại lệ: ví dụ, sự thay đổi đột ngột về thị trường, chính sách thương mại, hoặc các yếu tố bất khả kháng có thể khiến biện pháp trở nên không phù hợp.

Kết quả

Kết quả của một cuộc rà soát sớm có thể bao gồm:

Duy trì biện pháp – biện pháp tiếp tục được áp dụng như hiện tại nếu không có lý do thay đổi.

Thay đổi biện pháp – điều chỉnh về phạm vi, mức thuế, hoặc hình thức áp dụng để phản ánh thông tin mới hoặc sửa chữa sai sót.

Hủy bỏ biện pháp – nếu xác định rằng biện pháp không còn phù hợp, thiếu cơ sở, hoặc không cần thiết.



Thực tiễn điều tra, áp dụng các biện pháp chống trợ cấp (CTC) của Vương Quốc Anh (UK) với các nước và với Việt Nam

I. ANH RỜI EU VÀ CƠ CHẾ CHUYỂN TIẾP CÁC BIỆN PHÁP THUẾ CHỐNG TRỢ CẤP (CTC)

1. Anh rời EU

Ngày 30 tháng 1 năm 2020, Vương quốc Anh chính thức rời Liên minh châu Âu (EU), khép lại hơn bốn thập kỷ hợp tác sâu rộng về kinh tế, chính trị và pháp luật với các nước châu Âu. Sự kiện này, được gọi là **Brexit**, đánh dấu bước ngoặt trong chính sách thương mại và pháp luật quốc tế của Anh, đồng thời đặt ra câu hỏi quan trọng: “**Anh sẽ xử lý như thế nào với các biện pháp chống trợ cấp (CTC) mà EU đã áp dụng trước đó?**”.

Quá trình Brexit được khởi động từ năm 2016 sau khi người dân Anh tiến hành **trung cầu dân ý** về việc rời EU. Ngay sau đó, Chính phủ Anh và EU bắt đầu các vòng đàm phán phức tạp để thống nhất lộ trình chia tay, trong đó bao gồm cả việc **thiết lập giai đoạn thực thi (implementation period)** nhằm đảm bảo chuyển tiếp suôn sẻ. Giai đoạn thực thi ban đầu dự kiến bắt đầu từ **29/03/2019** (thời điểm Anh rời EU) và kéo dài đến **31/12/2020**. Trong giai đoạn này:

Các quy định pháp luật và biện pháp phòng vệ thương mại của EU vẫn tiếp tục có hiệu lực tại Anh, bao gồm các biện pháp mới về thuế chống trợ cấp (CTC) được EU khởi xướng và áp dụng trong thời gian này.

Giai đoạn thực thi này tạo điều kiện để Anh **xây dựng hệ thống pháp luật và cơ quan quản lý độc lập**, đồng thời tiến hành rà soát các biện pháp EU đã áp dụng nhằm quyết định duy trì, điều chỉnh hay bãi bỏ khi Anh vận hành chính sách thương mại riêng.

2. Thành lập cơ quan và hệ thống pháp luật độc lập

Ngay từ năm 2016, **Thủ tướng Anh lúc đó là bà Theresa May** đã thành lập **Bộ Thương mại Quốc tế (Department for International Trade – DIT)**. Bộ này có hai nhiệm vụ trọng tâm:

Đàm phán và mở rộng các hiệp định thương mại song phương và đa phương với các đối tác ngoài EU, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu và nhập khẩu của Anh sau Brexit.

Xây dựng hệ thống phòng vệ thương mại độc lập, bao gồm việc rà soát, phân tích và báo cáo lên Bộ trưởng Thương mại quốc tế các biện pháp chống trợ cấp mà EU đã áp dụng, nhằm quyết định biện pháp nào nên tiếp tục duy trì, điều chỉnh hay bãi bỏ.

Để chuẩn bị cho việc rà soát các biện pháp CTC, vào **28/11/2017**, DIT đã phát động một **“Lời kêu gọi bằng chứng” (Call for Evidence)**. Thông qua văn bản này, DIT mời:

Ngành sản xuất nội địa cung cấp dữ liệu sản xuất, kinh doanh và quan điểm về việc duy trì các biện pháp CTC.

Người tiêu dùng và các ngành công nghiệp hạ nguồn nêu nhận định về tác động của các biện pháp đối với giá cả, nguồn cung và chuỗi giá trị.

Thời gian phản hồi ban đầu kéo dài đến **30/03/2018**, với mục tiêu thu thập thông tin đầy đủ để đánh giá hiệu quả và mức độ cần thiết của các biện pháp CTC.

3. Giai đoạn thu thập dữ liệu và đánh giá sơ bộ

Trong quá trình rà soát, DIT áp dụng các nguyên tắc sau:

Đối với ngành sản xuất nội địa: Các nhà sản xuất xác định xem sản phẩm của họ có nằm

trong phạm vi áp thuế CTC của EU hay không, đồng thời cung cấp số liệu về sản lượng, doanh thu, chi phí sản xuất, và đưa ra quan điểm về việc duy trì hay bãi bỏ biện pháp khi Anh vận hành chính sách thương mại độc lập.

Đối với các bên liên quan khác: Người tiêu dùng và các ngành công nghiệp hạ nguồn cung cấp thông tin bổ sung để giúp DIT đánh giá tác động kinh tế và xã hội tổng thể.

Các dữ liệu thu thập được được phân tích dựa trên **ba tiêu chí chính:**

Có đơn đề nghị duy trì biện pháp từ các doanh nghiệp sản xuất tại Anh sản xuất sản phẩm đang chịu thuế CTC.

Mức độ ủng hộ từ các doanh nghiệp cùng ngành đạt tỷ lệ tối thiểu, theo nguyên tắc tương tự Điều 5.4 Hiệp định Chống trợ cấp WTO.

Thị phần của các nhà sản xuất nội địa vượt ngưỡng tối thiểu (ít nhất 1%).

4. Kết luận sơ bộ và giai đoạn rà soát chuyển tiếp

Sau khi kết thúc đợt thu thập dữ liệu đầu tiên, vào **24/07/2018**, DIT công bố **kết luận sơ bộ**. Để đảm bảo công bằng và minh bạch, DIT mở **đợt hai của Call for Evidence**, kéo dài thêm một tháng, kết thúc vào **24/08/2018**.

Kết quả: DIT nhận được **tổng cộng 89 phản hồi**, trong đó:

52 phản hồi từ các nhà sản xuất,

37 phản hồi từ các bên liên quan khác.

Sau khi phân tích, DIT xác định **44 biện pháp đáp ứng tiêu chí duy trì**, trong đó có **11 biện pháp CTC**. Những biện pháp này được giữ lại khi Anh vận hành chính sách thương mại độc lập,

nhưng **Trade Remedies Authority (TRA)** – cơ quan phòng vệ thương mại mới thành lập – sẽ tiến hành **rà soát chuyển tiếp (transitional review)** để xác định mức thuế hợp lý dựa trên điều kiện thị trường Anh. Các biện pháp không đáp ứng tiêu chí sẽ **chấm dứt ngay khi Anh bắt đầu thực hiện chính sách thương mại độc lập.**

5. Các biện pháp được đưa vào danh sách chuyển đổi (transitioned measures)

Danh sách các biện pháp còn tiếp tục được duy trì sau khi Anh tách khỏi EU và sau khi được DIT đánh giá như sau:

Tên sản phẩm bị điều tra	Mã vụ việc	Nước bị áp thuế
Biodiesel	AS644	Argentina
Biodiesel	AS532	USA (extended to Canada)
Biodiesel	AS650	Indonesia
Electric bicycles	AS646	China
Glass fibre products (certain filament) (GFP)	AS603	China
Glass fibre reinforcements (glass fibres products)	AS657	Egypt
Hot-rolled flat products of iron, non-alloy or other alloy steel	AS634	China
Polyethylene terephthalate	AS426	India
Rainbow trout	AS606	Turkey
Stainless steel bars and rods	AS556	India
Tyres	AS641	China

Tất cả các biện pháp nêu trên được gọi chung là các biện pháp chuyển tiếp (transitioned measures). Các biện pháp này sẽ giữ nguyên mức thuế mà EU đã áp dụng cho tới khi Trade Remedies Authority – Cơ quan Phòng vệ thương mại của Anh tiến hành rà soát chuyển đổi (transition reviews) và đưa ra kết luận cuối cùng về việc có tiếp tục duy trì biện pháp và mức duy trì như thế nào, sau khi Anh vận hành chính sách thương mại độc lập.

Các biện pháp còn lại sẽ tự động chấm dứt vào thời điểm Anh vận hành chính sách thương mại độc lập.

II. ANH RÀ SOÁT CÁC BIỆN PHÁP CTC CHUYỂN ĐỔI TỪ EU

1. Quy định pháp luật

Đánh giá chuyển đổi do TRA thực hiện dựa trên dữ liệu thị trường Vương quốc Anh nhằm xem xét liệu một biện pháp chuyển đổi của

Vương quốc Anh có nên tiếp tục duy trì, điều chỉnh hay chấm dứt hay không.

Việc đánh giá chuyển đổi sẽ xem xét liệu:

Việc tiếp tục áp dụng thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng có còn cần thiết và đủ để bù đắp cho hành vi bán phá giá hoặc việc nhập khẩu hàng hóa được trợ cấp vào Vương quốc Anh hay không;

Việc chấm dứt áp dụng thuế chống bán phá giá hoặc thuế đối kháng có thể gây thiệt hại cho ngành sản xuất liên quan tại Vương quốc Anh hay không (về cơ bản là toàn bộ hoặc phần lớn các nhà sản xuất trong nước sản xuất cùng loại hàng hóa hoặc hàng hóa tương tự).

Việc đánh giá chuyển đổi được thực hiện theo quy định tại Điều 99A(1) của **Quy định chống bán phá giá và trợ cấp** của Vương quốc Anh. Các quy định liên quan đến rà soát trong khuôn khổ WTO cũng được cân nhắc, bao gồm các loại rà soát như rà soát tạm thời (interim review) và rà soát hết hạn (expiry review).

2. Quy trình đánh giá chuyển đổi

2.1. Chuẩn bị khởi xướng

Trước khi chính thức khởi xướng một cuộc đánh giá chuyển đổi, TRA cần thực hiện các bước chuẩn bị bao gồm:

Xác định ngành công nghiệp trong nước có liên quan, bao gồm các nhà sản xuất nội địa chịu ảnh hưởng từ biện pháp thuế hiện hành;

Xem xét dữ liệu và bằng chứng hiện có, bao gồm dữ liệu nhập khẩu, thông tin công khai từ các biện pháp EU trước đó, và bất kỳ tài liệu nào được chia sẻ từ Ủy ban Châu Âu;

Xác định các bên liên quan chính, bao gồm nhà sản xuất trong nước, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu, cơ quan chính phủ nước ngoài và các bên có lợi ích kinh tế;

Cân nhắc lấy mẫu nếu ngành sản xuất hoặc số lượng nhà nhập khẩu/xuất khẩu lớn;

Chuẩn bị các tài liệu cần thiết như thông báo khởi xướng, thư mời tham gia, mốc thời gian xử lý, câu hỏi khảo sát và hồ sơ công khai.

2.2. Khởi xướng đánh giá chuyển đổi

TRA sẽ công bố **Thông báo khởi xướng** (Notice of Initiation), thông báo tới tất cả các bên liên quan, bao gồm chính phủ các nước xuất khẩu, và công bố rộng rãi thông tin qua trang web chính thức.

2.3. Thu thập và phân tích thông tin

Gửi **bảng câu hỏi** tới các bên liên quan (nhà sản xuất nội địa, nhà nhập khẩu, nhà xuất khẩu) để thu thập dữ liệu định lượng và định tính;

Phân tích các yếu tố bao gồm:

Sự tiếp diễn hoặc tái diễn hành vi bán phá giá hoặc trợ cấp;

Nguyên nhân gây thiệt hại hoặc tiếp diễn thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước nếu biện pháp bị chấm dứt;

Mức độ cần thiết của biện pháp để loại bỏ ảnh hưởng gây hại.

2.4. Xác định trợ cấp và mức trợ cấp

TRA cần đánh giá sự tồn tại của trợ cấp trong giai đoạn phân tích rà soát và, nếu có thể, tính toán mức độ trợ cấp.

Việc xác định rằng không có hàng nhập khẩu được trợ cấp tại thời điểm rà soát là chưa đủ để kết luận rằng biện pháp đối kháng nên chấm dứt, cho đến khi TRA hoàn tất việc đánh giá khả năng nhập khẩu được trợ cấp trong tương lai.

Dựa vào mức trợ cấp đã được tính toán (kết hợp với biên độ thiệt hại), có thể cân nhắc việc điều chỉnh mức thuế như một phần của quá trình đánh giá trợ cấp.

2.5. Xác định sự cần thiết của biện pháp đối kháng

Tiếp theo, TRA cần xem xét liệu việc nhập khẩu hàng hóa đang bị trợ cấp có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn nếu biện pháp đối kháng không còn được áp dụng cho các hàng hóa đó hay không.

Đây là yêu cầu theo quy định tại Điều 99A(1)(a) của Quy định về bán phá giá và trợ cấp.

Các yếu tố có thể được xem xét bao gồm:

Việc hàng nhập khẩu được trợ cấp có tiếp tục diễn ra trong khi các biện pháp vẫn đang được áp dụng hay không.

Các chương trình trợ cấp có còn hiệu lực, hoặc có khả năng tiếp tục được áp dụng, kể cả trong trường hợp hiện tại không còn nhập khẩu.

Đặc điểm của các mặt hàng tương tự được xuất khẩu sang thị trường thứ ba – nếu những mặt hàng này đang được trợ cấp hoặc chịu biện pháp đối kháng, điều đó có thể cho thấy khả năng cao hàng hóa được trợ cấp sẽ tiếp tục nhập khẩu vào Vương quốc Anh nếu biện pháp được gỡ bỏ.

Các yếu tố khác có thể liên quan đến việc đánh giá khả năng hàng nhập khẩu được trợ cấp sẽ

tiếp tục hoặc tái diễn nếu biện pháp bị chấm dứt.

Nếu sau khi đánh giá, TRA xác định rằng khả năng hàng nhập khẩu được trợ cấp tiếp tục hoặc tái diễn là thấp, thì cơ quan này nên đề xuất hủy bỏ các biện pháp đối kháng.

2.6. Đánh giá thiệt hại

TRA cần xác định liệu việc gỡ bỏ biện pháp chống bán phá giá hoặc đối kháng có dẫn đến thiệt hại cho ngành công nghiệp nội địa của Vương quốc Anh hay không (tức là liệu thiệt hại có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn nếu thuế bị gỡ bỏ).

Đây là yêu cầu theo quy định tại Điều 99A(1)(b) của Quy định về bán phá giá và trợ cấp.

Quá trình đánh giá có thể mở rộng phạm vi thời gian phân tích ra ngoài giai đoạn rà soát chính thức.

Khi đánh giá khả năng tiếp tục hoặc tái diễn của thiệt hại, các yếu tố sau có thể được xem xét:

Tình hình hiện tại của ngành công nghiệp Anh: Đánh giá xem ngành có đang chịu thiệt hại đáng kể hay đang ở trạng thái dễ bị tổn thương.

Nguyên nhân gây thiệt hại khác: Cần phân tích kỹ các yếu tố khác có thể gây ra thiệt hại để tránh sai sót trong việc quy kết nguyên nhân cho hàng nhập khẩu bị trợ cấp hoặc bán phá giá.

Giá bán phá giá hoặc bán dưới giá: So sánh giá của ngành công nghiệp trong nước với giá hàng nhập khẩu bị bán phá giá hoặc được trợ cấp. Nếu không có hàng nhập khẩu bị bán phá giá, có thể so sánh với giá trị thông thường để xác định tình trạng bán phá giá.

Điều kiện thị trường trong và ngoài nước: Phân tích các yếu tố hiện tại và dự kiến tại thị trường Vương quốc Anh như nhu cầu, nguồn cung, giá cả, thị hiếu người tiêu dùng, thay đổi công nghệ hoặc sự đa dạng hóa của sản phẩm.

Các yếu tố khác: Bất kỳ yếu tố bổ sung nào có thể có ảnh hưởng đến khả năng thiệt hại tiếp tục hoặc tái diễn nếu biện pháp được dỡ bỏ.

Nếu kết luận cho thấy thiệt hại khó có khả năng tiếp tục hoặc tái diễn, TRA nên đưa ra khuyến nghị chấm dứt các biện pháp đối kháng hoặc chống bán phá giá.

2.8. Biên độ thiệt hại

Khi có thể, TRA nên tính toán mức giá bán dự kiến tại thị trường Anh cho các sản phẩm tương tự do ngành công nghiệp nội địa sản xuất trong điều kiện không có hàng nhập khẩu bị bán phá giá hoặc trợ cấp. Từ đó xác định biên độ thiệt hại.

Dựa trên biên độ thiệt hại đã tính toán (kết hợp với biên độ bán phá giá hoặc mức trợ cấp), có thể cân nhắc điều chỉnh mức thuế đang áp dụng.

2.9. Tham vấn và kiểm tra

Thực hiện kiểm tra tại chỗ (nếu cần) để xác minh dữ liệu do các bên cung cấp;

Tham vấn với các bên liên quan, bao gồm tổ chức phiên điều trần nếu có yêu cầu;

Xem xét liệu có cần tiến hành **Bài kiểm tra Lợi ích Kinh tế (Economic Interest Test)** để đánh giá tác động toàn diện đến nền kinh tế Vương quốc Anh.

2.10. Kết luận và khuyến nghị

TRA sẽ đưa ra **kết luận sơ bộ**, sau đó là **kết luận cuối cùng** về việc nên:

Duy trì biện pháp hiện hành;

Điều chỉnh (ví dụ: thay đổi mức thuế);

Chấm dứt biện pháp nếu không còn cần thiết.

Khuyến nghị được trình lên **Bộ trưởng phụ trách thương mại quốc tế**, người sẽ đưa ra quyết định cuối cùng.

2.11. Công bố kết quả

TRA sẽ công bố **Báo cáo cuối cùng** cùng với các tài liệu liên quan trên trang web chính thức. Các bên liên quan sẽ được thông báo về quyết định cuối cùng và thời điểm áp dụng (nếu có thay đổi).

3. Tương tác với các yêu cầu rà soát khác

Trong thời gian đánh giá chuyển đổi, nếu TRA nhận được đơn yêu cầu tiến hành rà soát tạm thời hoặc rà soát hết hạn, cơ quan có thể từ chối khởi xướng các cuộc rà soát đó nếu nội dung yêu cầu đã được hoặc sẽ được xem xét trong khuôn khổ cuộc đánh giá chuyển đổi. Trong những trường hợp như vậy, TRA sẽ tư vấn và giải thích rõ ràng cho bên nộp đơn để tránh trùng lặp hoặc xử lý không hiệu quả.

4. Các vụ việc CTC và soát chuyển đổi mà TRA đã tiến hành

Các vụ việc đã kết thúc: 09 vụ, trải đều ở nhiều nhóm sản phẩm (thép cán nóng, thép tấm nặng, dây thép, nhôm, gạch men, sản phẩm đúc gang, xe đạp điện, lốp xe tải – xe buýt, biodiesel...). Kết quả các rà soát này giúp điều chỉnh lại mức thuế cho phù hợp với điều kiện thị trường và nhu cầu bảo hộ thực sự của ngành nội địa.

Các vụ việc đang rà soát: 05 vụ, gồm ammonium nitrate, bàn ủi, đồ gốm sứ nhà bếp, nhôm lá, xe đạp và linh kiện xe đạp. Đây đa phần là sản phẩm truyền thống trong danh mục EU từng áp dụng, nhưng Anh muốn có thêm thời gian để cân nhắc vì liên quan đến lợi ích của các ngành sử dụng hạ nguồn.

Có thể thấy, quá trình rà soát này khá công phu, thể hiện rõ sự **thận trọng và bài bản** của Anh trong giai đoạn đầu vận hành cơ chế PVTM độc lập. Anh vừa duy trì được tính liên tục từ EU, vừa có cơ hội điều chỉnh chính sách cho phù hợp hơn với lợi ích quốc gia riêng.

4.1. Các vụ việc đã kết thúc điều tra

Mã vụ việc	Sản phẩm	Nước bị điều tra	Ngày khởi xướng	Ngày kết luận
TS0055	Organic Coated Steel	China	15/04/2024	16/07/2025
TS0044	Biodiesel from Argentina	Argentina	05/10/2023	22/04/2025
TS0038	Electric bicycles	China	22/05/2023	06/02/2025
TS0036	Bus and Lorry Tyres	China	03/05/2023	31/07/2025

TS0023	Stainless steel bars and rods from India	India	21/06/2022	15/06/2023
TS0018	Hot-rolled Flat and Coil Products from China	China	05/04/2022	29/08/2023
TS0009	Continuous Glass Fibre	China	29/01/2021	29/01/2025
TS0005	Biodiesel from United States and Canada	United States of America / Canada	11/08/2020	29/01/2025
TS0002	Rainbow Trout from Turkey	Turkey	04/03/2020	10/06/2025

4.2. Các vụ việc đang rà soát

Mã vụ việc	Sản phẩm	Nước bị điều tra	Ngày khởi xướng	
TS0069	Continuous Glass Fibre from Egypt	Egypt	18/03/2025	27/08/2025
TS0065	Biodiesel	Indonesia	06/12/2024	09/07/2025
TS0060	PET	India	10/07/2024	19/06/2025

III. CÁC VỤ VIỆC CTC ANH KHỞI XƯƠNG ĐIỀU TRA MỚI SAU KHI RỜI EU

Khác với rà soát chuyển đổi (dựa trên “tài sản” EU để lại), các **điều tra mới** phản ánh năng lực và cách tiếp cận độc lập của UK.

Đã kết thúc: 2 vụ, gồm cáp quang đơn mode từ Trung Quốc, và Bảng thép từ Thổ Nhĩ Kỳ. Đây đều là sản phẩm có giá trị cao, ảnh hưởng trực tiếp đến công nghiệp cơ khí, viễn thông và hóa chất của Anh.

Đang điều tra: 2 vụ, nhiên liệu HVO từ Mỹ và máy đào từ Trung Quốc.

Tuy số lượng chưa nhiều, nhưng các lựa chọn cho thấy Anh ưu tiên **ngành vật liệu cơ bản, công nghiệp năng lượng và sản phẩm chiến lược**. Đây là khác biệt quan trọng so với EU vốn khởi xướng nhiều vụ trải đều trên hàng hóa tiêu dùng, sản phẩm gốm sứ, giày dép, v.v.

IV. ĐÁNH GIÁ

1. So với các vụ việc chống trợ cấp (CTC) của EU





EU là một trong những khu vực khởi xướng nhiều vụ điều tra CTC nhất thế giới, với phạm vi rộng trải từ thép, hóa chất, nông thủy sản đến hàng tiêu dùng.

Quy mô và mức độ chi tiết trong điều tra của EU thường lớn hơn, do thị trường EU có sức hấp dẫn toàn cầu và tác động thương mại rộng.

Trong khi đó, Anh kế thừa một phần “tài sản” này sau Brexit nhưng lại lựa chọn tiếp cận thận trọng hơn: chỉ duy trì 11 biện pháp CTC chuyển tiếp và tiến hành rà soát rất kỹ lưỡng, tập trung vào các sản phẩm cơ bản và chiến lược (thép, biodiesel, sợi thủy tinh, xe đạp điện...).

Như vậy, so với EU, hệ thống CTC của Anh **ít vụ việc hơn, tập trung hơn, và thiên về lợi ích công nghiệp cốt lõi** thay vì dàn trải.

2. So với các vụ việc chống bán phá giá (CBPG) của Anh

Về cơ chế: cả CTC và CBPG đều do **Trade Remedies Authority (TRA)** tiến hành, cùng quy trình khởi xướng – rà

soát – đánh giá thiệt hại. Điểm khác biệt là điều tra CTC phải phân tích chi tiết các chương trình trợ cấp của nước xuất khẩu, trong khi CBPG chủ yếu tập trung vào chênh lệch giá và hành vi bán phá giá.

Về thực tiễn: số lượng vụ CBPG Anh tiến hành nhiều hơn so với CTC, thể hiện rõ vai trò của CBPG như công cụ phòng vệ thương mại chủ lực. CTC chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, mang tính “hỗ trợ bổ sung” trong bộ công cụ.

Về phạm vi sản phẩm: các vụ CBPG của Anh bao phủ rộng hơn (thép, nhôm, xi măng, gốm sứ...), còn CTC thường tập trung vào những sản phẩm vốn đã gắn liền với trợ cấp cao trong thương mại toàn cầu (biodiesel, thép, sợi thủy tinh).

3. Nhận xét chung

Hệ thống phòng vệ thương mại độc lập của Anh sau Brexit thể hiện sự thận trọng và có trọng tâm, không mở rộng điều tra tràn lan mà ưu tiên bảo vệ

ngành công nghiệp cơ bản và các sản phẩm chiến lược.

So với EU, cách tiếp cận của Anh mang tính **tinh gọn và linh hoạt hơn**, nhưng cũng đồng nghĩa với việc phạm vi bảo hộ hẹp hơn.

So với CBPG, biện pháp CTC của Anh mới ở giai đoạn khởi đầu, quy mô còn hạn chế. Tuy nhiên, điều này cho thấy xu hướng Anh sẽ sử dụng CTC như **công cụ bổ sung** nhằm xử lý những trường hợp mà trợ cấp của nước xuất khẩu gây bóp méo cạnh tranh nghiêm trọng.



Phân tích một số vụ việc điều tra chống trợ cấp (CTC) của Anh với Trung Quốc

1. Các biện pháp chuyển tiếp từ EU sau khi Anh rời EU

Ngày **30 tháng 1 năm 2020**, Vương quốc Anh chính thức rời Liên minh châu Âu (EU), khép lại hơn bốn thập kỷ hợp tác sâu rộng về kinh tế, chính trị và pháp luật với các nước châu Âu. Sự kiện này, được gọi là **Brexit**, đánh dấu bước ngoặt trong chính sách thương mại và pháp luật quốc tế của Anh.

Sau sự kiện này, Anh đã tiến hành rà soát, phân tích đánh giá và quyết định duy trì một số biện pháp chống trợ cấp mà EU đã duy trì trước đó, đồng thời tiến hành rà soát lại để đánh giá mức thuế phù hợp cho thị trường Anh. Trong số 11 biện pháp được Anh tiếp tục duy trì, có tới gần 50% (5/11) là các vụ việc với thị trường Trung Quốc. Tất cả các vụ việc này đều đã kết thúc rà soát và ra kết luận điều chỉnh.

1.1. Vụ việc CTC với sợi thủy tinh (Glass Fibre)

- Ngày khởi xướng: 29/01/2021

- Sản phẩm bị điều tra: 7019 11 00 00; 7019 12 00 22; 7019 12 00 25; 7019 12 00 26; 7019 12 00 39; 7019 31 00 00.

- Mã vụ việc: TS0009

- Ngày ra kết luận: 31/01/2023

Có bằng chứng rõ ràng rằng Trung Quốc tiếp tục áp dụng **chính sách trợ cấp** đối với sản phẩm này.

Nếu bỏ thuế, khả năng thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước là cao.

Biện pháp đối kháng (countervailing duties) vẫn cần thiết, nhưng có điều chỉnh về mức thuế.

TRA khuyến nghị duy trì biện pháp với mức điều chỉnh

phù hợp hơn với điều kiện thị trường UK.

+ Điều chỉnh phạm vi sản phẩm bị áp thuế, gồm: 7019 14 00 10, 7019 14 00 90, 7019 15 00 10, 7019 15 00 90;

+ Mức thuế được giữ nguyên không đổi ở mức 4,9% – 10,3%.

- Ý nghĩa:

Đây là một trong những **vụ CTC tiêu biểu đầu tiên của UK với Trung Quốc** sau Brexit.

Thể hiện cách tiếp cận thận trọng: duy trì biện pháp để bảo vệ ngành công nghiệp cơ bản (xây dựng, năng lượng, sản xuất vật liệu).

Đồng thời, UK khẳng định sẽ **không bỏ trống khoảng bảo hộ** đối với các ngành chiến lược để bị ảnh hưởng bởi hàng nhập khẩu được trợ cấp từ Trung Quốc.

- Biện pháp dự kiến hết hiệu lực vào 29/01/2026, trừ khi có một bên liên quan đề nghị rà soát.

1.2. Vụ việc CTC với Sản phẩm cuộn và cán nóng (Hot Rolled Flat and Coil (HRC))

- Ngày khởi xướng: 05/04/2022

- Sản phẩm bị điều tra: 7208100000; 7208250000; 7208260000; 7208270000; 7208360000; 7208370010; 7208370090; 7208380010; 7208380090; 7208390010; 7208390090; 7208400010; 7208400090; 7208521000; 7208529900; 7208531000; 7208539000; 7208540000; 7211130000; 7211140010; 7211140090; 7211190010; 7211190090; 7225191090; 7225309000; 7225406090; 7225409000; 7226191090; 7226191091; 7226191095; 7226919100; 7226919900.

- Mã vụ việc: TS0018

- Ngày ra kết luận: 29/08/2023

TRA xác định có bằng chứng mạnh mẽ về việc Trung Quốc vẫn trợ cấp cho ngành thép.

Nếu bỏ thuế, sẽ gây **nguy cơ lớn thiệt hại** cho ngành sản xuất thép UK.

Do đó, TRA **khuyến nghị duy trì thuế trợ cấp**. Mức thuế giữ nguyên ở mức 4,6% - 35,9%.

- Ý nghĩa:

Đây là một trong những vụ điều tra CTC quan trọng nhất của UK, liên quan trực tiếp tới **ngành thép chiến lược**.

Cách tiếp cận của UK thể hiện sự cân bằng: vừa bảo vệ ngành công nghiệp cơ bản, vừa tránh áp mức thuế quá cao gây chi phí cho ngành hạ nguồn (xây dựng, cơ khí, sản xuất).

Kết luận này gửi tín hiệu rằng Anh sẽ **không “nhẹ tay” với Trung Quốc**, nhưng cũng **thực dụng hơn so với EU** khi cân nhắc lợi ích kinh tế rộng hơn.

- Biện pháp dự kiến hết hiệu lực vào 07/04/2027, trừ khi có một bên liên quan đề nghị rà soát.

1.3. Vụ việc CTC với lốp dùng cho xe bus và xe tải (Bus and Lorry Tyres)

- Ngày khởi xướng: 05/04/2022

- Sản phẩm bị điều tra: 40 11 20 90 00; 40 12 12 00 10

- Mã vụ việc: TS0036

- Ngày ra kết luận: 31/07/2025

TRA xác định có bằng chứng mạnh mẽ về việc Trung Quốc vẫn trợ cấp cho ngành thép.

Nếu bỏ thuế, sẽ gây **nguy cơ lớn thiệt hại** cho ngành sản xuất thép UK.

Do đó, TRA **khuyến nghị duy trì thuế trợ cấp**. Tuy nhiên, đã có sự điều chỉnh, theo đó, mức thuế trợ cấp với bị đơn bắt buộc giảm xuống còn 0%, nhưng lại tăng lên với tất cả các doanh nghiệp còn lại từ 47,936% lên 51,08%.

- Biện pháp dự kiến hết hiệu lực vào 12/11/2028, trừ khi có một bên liên quan đề nghị rà soát.

1.4. Vụ việc CTC với xe đạp điện (Electric Bicycles)

- Ngày khởi xướng: 22/05/2023

- Sản phẩm bị điều tra: 8711 60 10 00; 8711 60 90 10

- Mã vụ việc: TS0038

- Ngày ra kết luận: 06/02/2025: Khác với các vụ việc trước, vụ việc này, TRA đã đề nghị dỡ bỏ biện pháp, do không đáp ứng tiêu chí về Lợi ích kinh tế. Theo quy định, khi tiến hành rà soát một biện pháp, TRA sẽ đánh giá về Lợi ích Kinh tế để đánh giá tác động toàn diện đến nền kinh tế Anh. Trong vụ việc này, TRA xác định việc tiếp tục duy trì biện pháp không đáp ứng các tiêu chí rà soát về Lợi ích kinh tế.

- Thời điểm lệnh dỡ bỏ có hiệu lực: từ 19/01/2024

1.5. Vụ việc CTC với thép mạ màu (Organic Coated Steel)

- Ngày khởi xướng: 15/04/2024

- Sản phẩm bị điều tra: 72 10 70 80 11; 72 10 70 80 91; 72 12 40 80 01; 72 12 40 80 21; 72 12 40 80 91; 72 25 99 00 11; 72 25 99 00 91; 72 26 99 70 11; 72 26 99 70 91

- Mã vụ việc: TS0055

- Ngày ra kết luận: 16/07/2025

TRA xác định có bằng chứng mạnh mẽ về việc Trung Quốc vẫn trợ cấp cho ngành thép.

Nếu bỏ thuế, sẽ gây **nguy cơ lớn thiệt hại** cho ngành sản xuất thép UK.

Do đó, TRA **khuyến nghị duy trì thuế trợ cấp**. Mức thuế giữ nguyên ở mức 13,7% - 44,7%.

- Hiệu lực của biện pháp kéo dài tới 04/05/2029, trừ khi có một bên liên quan đề nghị rà soát.

1.5. Đánh giá chung

- **Duy trì là chủ đạo**: Ngoại trừ vụ xe đạp điện (Electric Bicycles – TS0038), tất cả các vụ còn lại (Glass Fibre, Hot Rolled Steel, Bus & Lorry Tyres, Organic Coated Steel) đều được TRA khuyến nghị duy trì thuế đối kháng. Điều này phản ánh **Trung Quốc là đối tượng trọng tâm trong chính sách PVTM của Anh**.

- **Điều chỉnh linh hoạt mức thuế**: Trong hầu hết các vụ, mức thuế được giữ nguyên hoặc điều chỉnh vừa phải, phù hợp hơn với thực tiễn thị trường Anh. Có vụ điều chỉnh theo hướng giảm (TS0009 – Glass Fibre, TS0018 – HRFC), có vụ lại tăng mạnh với phần lớn doanh nghiệp (TS0036 – Tyres).

- **Áp dụng Economic Interest Test (EIT)**: Đây là điểm mới thể hiện sự khác biệt so với EU. UK không chỉ cân nhắc yếu tố “trợ cấp” và “thiệt hại” mà còn xem xét **lợi ích kinh tế tổng thể**. Vì vậy, dù Trung Quốc bị xác định trợ cấp, TRA vẫn có thể dỡ bỏ biện pháp nếu EIT không đạt (ví dụ: TS0038 – Electric Bicycles).

- **Thời hạn áp dụng dài và ổn định**: Các biện pháp được duy trì thường có hiệu lực 4–5 năm, trừ

khi có yêu cầu rà soát. Điều này tạo ra **sự ổn định chính sách** cho cả ngành sản xuất trong nước lẫn các bên nhập khẩu.

2. Các biện pháp CTC Anh khởi xướng điều tra mới

Số lượng vụ việc CTC do Anh khởi xướng điều tra mới tương đối hạn chế, chỉ có 02 vụ với Trung Quốc, trong đó cả 02 vụ việc đều đã điều tra và ra kết luận cuối cùng. Bài viết sẽ đi sâu phân tích các vụ việc này, để thấy xu hướng và cách thức Anh sẽ tiến hành các vụ việc điều tra CTC trong tương lai, từ đó rút ra được một số bài học cho Việt Nam.

2.1. Vụ việc điều tra CTC với cáp quang đơn (Optical fibre cables) – đã kết thúc

(i) **Thông tin chung vụ việc**

- Mã vụ việc: AS0022

- Sản phẩm bị điều tra: Optical fibre cables

- Mã HS: 8544700010

- Ngày khởi xướng: 26/04/2022

- Giai đoạn điều tra trợ cấp: 01/01/2021-31/12/2021.

- Giai đoạn điều tra thiệt hại: 01/01/2018 – 31/12/2021.

- Nguyên đơn: chỉ có 01 nhà sản xuất của Anh đứng tên trong đơn kiện; tuy nhiên, nhà sản xuất này đáp ứng đủ tiêu chí tối thiểu 25% tổng lượng sản xuất sản phẩm tương tự bị điều tra của Anh và đơn kiện này không bị phản đối bởi các nhà sản xuất khác.

- Tham vấn với Chính phủ Trung Quốc:

+ Trước khi khởi xướng điều tra vụ việc, TRA đã mời Chính phủ Trung Quốc tiến hành tham vấn. Chính phủ Trung Quốc sau đó đã xin hoãn tham vấn để có

thêm thời gian chuẩn bị. Tuy nhiên, TRA vẫn quyết định khởi xướng vụ việc, và bảo lưu quyền của Chính phủ Trung Quốc có thể tham vấn với TRA vào bất kỳ giai đoạn nào của vụ việc.

+ Tháng 06/2022, TRA đã liên lạc với Chính phủ Trung Quốc một lần nữa, để báo rằng việc tham vấn vẫn đang bỏ ngõ. Chính phủ Trung Quốc lúc đầu chấp nhận, nhưng sau đó không triển khai các hoạt động tiếp theo để tiến hành tham vấn.

+ Trước khi ban hành bản báo cáo điều tra (SEF), ngày 16/06/2023, TRA một lần nữa đề nghị Chính phủ Trung Quốc tiến hành tham vấn, thông qua Luật sư đại diện của Chính phủ là Hãng luật VVGB. Do vụ việc đã đi vào giai đoạn cuối, nên TRA nhấn mạnh, bất cứ yêu cầu tham vấn nào phải được gửi trước ngày 18/7/2023. VVGB đã cố gắng liên lạc vào ngày 11/8/2023, sau đó nói chuyện với TRA vào 15/8/2023. Hai bên thống nhất rằng vì đã quá muộn, nên sẽ không tiến hành tham vấn nữa.

- Bị đơn bắt buộc: Tập đoàn SDG

(ii) Kết luận điều tra

Ngày ban hành: 23/10/2023

Các chương trình trợ cấp bị điều tra gồm có:

- Chuyển quỹ dưới dạng tài trợ

- Thuế ưu đãi (thu nhập của nhà nước đã bị bỏ qua hoặc không thu) dưới dạng:

+ ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

+ giảm trừ thuế cho nghiên cứu và phát triển

+ khấu hao nhanh cho thiết bị và máy móc

- Các khoản vay:

+ Các khoản vay từ các ngân hàng có vốn sở hữu của nhà nước

+ Các khoản vay dựa trên xuất khẩu

+ Các ưu đãi tín dụng

- Ưu đãi tài chính thông qua trái phiếu

- Cung cấp hàng hóa thấp hơn giá trị thông thường:

+ Quyền sử dụng đất

+ Nguyên vật liệu thô

+ Năng lượng

Các chương trình trợ cấp bị kết luận có tồn tại trợ cấp và kết luận với từng chương trình như sau:

- Chương trình cấp vốn:

+ TRA xác định có **sự đóng góp tài chính** từ một cơ quan nước ngoài dưới hình thức các khoản tài trợ dành cho các nhà sản xuất cấp quang (OFC) tại Trung Quốc. Các khoản hỗ trợ tài chính này là **chuyển giao trực tiếp**, không kèm theo bất kỳ nghĩa vụ hoàn trả hay điều kiện ràng buộc cụ thể nào, và mang lại lợi ích cho Tập đoàn SDG. Do đó, TRA kết luận rằng các khoản tài trợ này cấu thành **một khoản trợ cấp** theo Điều 3(3), Phụ lục 4 của Đạo luật.

Hơn nữa, TRA nhận thấy các khoản trợ cấp này mang tính **cụ thể**, vì chúng hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động kinh doanh thường nhật của các nhà sản xuất OFC. Chúng được cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, những khoản tài trợ này được xác định là **các khoản trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng**, theo Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

+ Biên độ trợ cấp: 0,2678%

- Chương trình thuế ưu đãi:

+ TRA xác định rằng có sự đóng góp tài chính từ một cơ quan nước ngoài thông qua **chương trình thuế thu nhập doanh nghiệp** mà các nhà sản xuất cấp quang (OFC) tại Trung Quốc được hưởng, và chương trình này mang lại lợi ích trực tiếp cho họ. Do đó, TRA kết luận rằng đây là **một khoản trợ cấp** theo Điều 3(3), Phụ lục 4 của Đạo luật.

TRAnhận thấy việc áp dụng mức thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi 15% dành cho các doanh nghiệp công nghệ cao (HNTE) là **một khoản trợ cấp mang tính đặc thù**. Lợi ích từ khoản trợ cấp đặc thù này hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thường ngày của các nhà sản xuất OFC, và được cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc sản xuất, chế tạo, xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, chương trình thuế thu nhập doanh nghiệp này được xác định là **một khoản trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng**, theo Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

Tuy nhiên, TRA **không tìm thấy bằng chứng** cho thấy việc khấu trừ thuế đối với chi phí R&D là một khoản trợ cấp mang tính đặc thù.

+ Biên độ trợ cấp: 0,5045%

- Ưu đãi tài chính:

+ TRA xác định rằng đã có sự đóng góp tài chính từ một cơ quan nước ngoài dưới hình thức **các khoản vay và hạn mức tín dụng ưu đãi** dành cho các nhà sản xuất cấp quang (OFC) tại Trung Quốc. Các điều khoản ưu đãi đi kèm với những khoản vay và hạn mức tín dụng này mang lại lợi ích rõ ràng cho người thụ hưởng. Do đó, TRA kết luận rằng đây là **một khoản trợ cấp**, theo



Điều 3(3), Phụ lục 4 của Đạo luật.

TRA cũng nhận thấy các khoản trợ cấp này mang tính **cụ thể**, bởi chúng trực tiếp hỗ trợ cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thường nhật của các nhà sản xuất OFC, và được cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, các khoản vay và hạn mức tín dụng ưu đãi này được xác định là **các khoản trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng**, theo Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

+ Biên độ trợ cấp với các khoản vay: 9,0646%

+ Biên độ trợ cấp với các khoản phí tín dụng: 0,1173%

- Quyền sử dụng đất:

+ TRA đã xem xét các tài liệu do Nhóm SDG đệ trình, các dẫn chiếu từ các bên liên quan và bên đóng góp, cũng như các văn bản pháp lý và chính sách mà TRA tự thu thập độc lập. Trên cơ sở đó, TRA kết luận rằng các nhà sản xuất cấp quang (OFC) tại Trung Quốc được hưởng **quyền sử dụng đất với giá thấp hơn mức**

hợp lý trên thị trường (LTAR), và điều này cấu thành **một khoản trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng**, theo Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

Để chứng minh rằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cấu thành **một khoản đóng góp tài chính từ cơ quan nhà nước nước ngoài** (theo Quy định 20(1)(c) và 20(1)(e)), TRA xác định rằng toàn bộ đất đai tại Trung Quốc thuộc sở hữu nhà nước, và quyền sử dụng đất chỉ có thể được mua lại từ cơ quan nhà nước hoặc thông qua cơ chế chuyển nhượng theo quy trình do Chính phủ Trung Quốc (GOC) quy định.

TRA xác định rằng **lợi ích kinh tế** phát sinh từ việc được chuyển nhượng quyền sử dụng đất với LTAR (theo Quy định 21(8)). Cụ thể, GOC yêu cầu các mục tiêu công nghiệp phải được phản ánh trong giá đất, bên cạnh yếu tố định giá thông thường. Ngoài ra, TRA phát hiện rằng mặc dù pháp luật cấm chính quyền địa phương hạ thấp giá đất để thu hút đầu tư, nhưng

việc thực thi lại thiếu đồng bộ. Đặc biệt, tại Thâm Quyển, giá đất công nghiệp được hạ thấp có chủ đích thông qua việc áp dụng một **“hệ số điều chỉnh”** nhằm giảm chi phí, và cách làm này phù hợp với chính sách chung của toàn quốc.

Cuối cùng, TRA nhận định rằng các khoản trợ cấp về quyền sử dụng đất được cấp cho các nhà sản xuất OFC mang tính **cụ thể** (theo Quy định 22(2)(a)(i)). Bởi lẽ, quyền tham gia đấu giá các lô đất bị giới hạn theo ngành nghề, giá khởi điểm cho các cuộc đấu giá được điều chỉnh tùy thuộc lĩnh vực hoạt động, và các đối tượng được hưởng lợi chủ yếu là các ngành công nghệ cao. Việc các nhà sản xuất OFC được công nhận là **doanh nghiệp công nghệ cao (HNTE)** đồng nghĩa họ thuộc nhóm được phép tiếp cận đất với giá ưu đãi. Điều này cho thấy khoản trợ cấp đã được cấp **gián tiếp** cho hoạt động sản xuất hàng hóa liên quan, phù hợp với yêu cầu tại Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

+ Biên độ trợ cấp: 0,6726%

- Nguyên liệu thô:

+ TRA xác định rằng có sự đóng góp tài chính từ một cơ quan nước ngoài thông qua việc **cung cấp năng lượng cho các nhà sản xuất cáp quang (OFC) tại Trung Quốc**, và điều này mang lại lợi ích cho người thụ hưởng. Do đó, TRA kết luận rằng việc cung cấp năng lượng theo cơ chế **LTAR (giá thấp hơn mức hợp lý trên thị trường)** cấu thành **một khoản trợ cấp** theo Điều 3(3), Phụ lục 4 của Đạo luật.

+ TRA cũng nhận thấy rằng khoản trợ cấp này mang tính **cụ thể**, bởi lợi ích từ việc cung cấp năng lượng theo LTAR hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thường nhật của các nhà sản xuất OFC, và được cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc sản xuất, chế tạo, xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, việc cung cấp năng lượng theo LTAR được xác định là **một khoản trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng**, theo Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

+ Tương tự như tiêu chuẩn áp dụng cho các lĩnh vực khác trong cuộc điều tra này, TRA lựa chọn **Thổ Nhĩ Kỳ** làm quốc gia tham chiếu phù hợp để so sánh giá năng lượng. TRA đã so sánh giá điện mà một nhóm mẫu các nhà sản xuất OFC tại Thổ Nhĩ Kỳ phải trả với mức giá do các nhà xuất khẩu tham gia điều tra ở Trung Quốc chi trả. Kết quả so sánh cho thấy **Nhóm SDG không nhận được lợi ích nào** từ việc mua điện trong trường hợp này. Do đó, TRA không thực hiện thêm bất kỳ tính toán nào liên quan đến khoản trợ cấp này.

- Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu:

+ TRA xác định rằng có sự đóng góp tài chính từ một cơ quan nước ngoài thông qua việc **cung cấp bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo cơ chế LTAR (giá thấp hơn mức hợp lý trên thị trường)** cho các nhà sản xuất cáp quang (OFC) tại Trung Quốc, và điều này mang lại lợi ích cho người thụ hưởng. Do đó, TRA kết luận rằng **bất kỳ hình thức cung cấp bảo hiểm tín dụng xuất khẩu nào theo LTAR đều cấu thành một khoản trợ cấp**, theo Điều 3(3), Phụ lục 4 của Đạo luật.

TRA cũng nhận thấy rằng khoản trợ cấp này mang tính **cụ thể**, bởi lợi ích từ việc cung cấp bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo LTAR hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất – kinh doanh thường nhật của các nhà sản xuất OFC, và được cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho việc sản xuất, chế biến, xuất khẩu hoặc vận chuyển hàng hóa. Vì vậy, **mọi hình thức cung cấp bảo hiểm tín dụng xuất khẩu theo LTAR** được xác định là **một khoản trợ cấp có thể bị áp dụng biện pháp đối kháng**, theo Điều 3(2), Phụ lục 4 của Đạo luật.

+ Theo Quy định 24(1), tổng giá trị **khoản trợ cấp có thể bị đối kháng liên quan đến bảo hiểm tín dụng xuất khẩu đã mua** được tính toán dựa trên **chênh lệch giữa mức phí bảo hiểm mà Tập đoàn SDG chi trả và mức phí bảo hiểm chuẩn**, đối với từng hợp đồng bảo hiểm tín dụng xuất khẩu trong giai đoạn điều tra (POI). TRA đã xác định một quốc gia tham chiếu phù hợp để đánh giá các điều khoản và điều kiện hiện hành trên thị trường, theo Quy định 21(11)(b).

Theo nguyên tắc áp dụng ở các lĩnh vực khác trong cuộc

điều tra này, TRA lựa chọn **Thổ Nhĩ Kỳ** là quốc gia chuẩn thích hợp. Tuy nhiên, do Ngân hàng Tín dụng Xuất khẩu Thổ Nhĩ Kỳ không tham gia vào quá trình điều tra, TRA không thể lấy dữ liệu trực tiếp từ nguồn này. Thay vào đó, TRA sử dụng **mức phí bảo hiểm chuẩn do Văn phòng Tín dụng Xuất khẩu New Zealand cung cấp**, dựa trên các điều khoản của hợp đồng bảo hiểm tín dụng xuất khẩu mà SDG đã ký kết trong POI.

Khi so sánh mức phí bảo hiểm mà SDG thực tế chi trả với mức phí chuẩn, TRA nhận thấy rằng **SDG không thu được lợi ích nào từ bảo hiểm tín dụng xuất khẩu trong POI**. Do đó, không tiến hành thêm bất kỳ tính toán nào liên quan đến khoản trợ cấp này.

- Cuối cùng, tính tổng cộng, mức biên độ trợ cấp dành cho SDG là 10,62%. Và mức dành cho tất cả các nhà xuất khẩu nước ngoài khác là 11,79%.

2.2. Vụ việc điều tra CTC với máy xúc (Certain Excavators)

(i) Thông tin chung vụ việc

- Mã vụ việc: AS0046

- Sản phẩm bị điều tra: Certain Excavators

- Mã HS: 8429521000

- Ngày khởi xướng: 15/11/2023

- Giai đoạn điều tra trợ cấp: 01/07/2022 – 30/06/2023

- Giai đoạn điều tra thiệt hại: 01/07/2019 – 31/07/2023.

- Nguyên đơn: JCB Heavy Products Ltd

- Tham vấn với Chính phủ Trung Quốc: Ngày 07/01/2025,

Chính phủ Trung Quốc đã đề nghị tham vấn. Buổi tham vấn đã diễn ra online vào ngày 06/02/2025.

(ii) Kết luận điều tra

Ngày ban hành:

Các chương trình trợ cấp bị điều tra gồm có:

- Chương trình chuyển vốn hoặc nợ trực tiếp hoặc gián tiếp
- + Chương trình cấp vốn
- + Chương trình cho vay, tín dụng xuất khẩu, hạn mức tín dụng
- + Tăng vốn chủ sở hữu
- Chương trình bỏ qua hoặc không thu các khoản thu của Chính phủ:

phủ:

- + Giảm thuế thu nhập
 - + Giảm thuế sử dụng đất
 - + Hoàn thuế VAT
 - + Miễn thuế VAT với thiết bị và công nghệ nhập khẩu
 - + Miễn thuế cho việc di dời theo chính sách
 - Cung cấp hàng hóa và dịch vụ thấp hơn giá thông thường:
 - + Cung cấp thép thấp hơn giá thông thường
 - + Cung cấp quyền sử dụng đất thấp hơn giá thông thường
 - + Cung cấp năng lượng thấp hơn giá thông thường
 - + Cung cấp bảo hiểm tín dụng xuất khẩu thấp hơn giá thông thường
 - + Cung cấp dịch vụ giao nhân và kho vận thấp hơn giá thông thường
 - Các hình thức trợ cấp khác liên quan tới khu kinh tế đặc biệt.
- Kết luận về các chương trình trợ cấp bị điều tra:
- Biên độ trợ cấp với các công ty được chọn mẫu điều tra riêng

Nhà xuất khẩu	Sany Group	Liugong Group	Caterpillar Group
Cấp vốn	1,0001%	0,0590%	0,0101%
Tài chính ưu đãi – vay	0,7175%	0,0197%	0,0000%
Tài chính ưu đãi – BADs	0,4561%	0,5865%	0,0000%
Giảm thuế thu nhập	0,1401%	0,0731%	0,0000%
Các khoản giảm và miễn thuế khác	0,0456%	0,1017%	0,0000%
Cấp quyền sử dụng đất thấp hơn giá trị thông thường	0,0862%	0,3936%	0,0167%
Tổng	2,44%	1,23%	0,02%

Tuy nhiên, do biên độ của Liugong và Caterpillar đều ở mức dưới 2%, là mức biên độ tối thiểu nên hai công ty này không phải chịu thuế trợ cấp,

- Biên độ trợ cấp với các công ty không được chọn mẫu điều tra riêng, nhưng có hợp tác trong quá trình điều tra là 2,44%

- Biên độ trợ cấp cho tất cả các công ty còn lại là 2,98%.

3. Đánh giá chung

Có trợ cấp, nhưng không phải chương trình nào cũng tạo lợi ích đáng kể: Một số chính sách lớn (tài trợ trực tiếp, ưu đãi thuế HNTE, tín dụng vay vốn, quyền sử dụng đất) được xác nhận là trợ cấp có thể đối kháng. Trong khi đó, năng lượng và bảo hiểm tín dụng xuất khẩu dù được xếp loại là trợ cấp nhưng thực tế không mang lại lợi ích tính toán được.

Mức trợ cấp nhìn chung ở mức trung bình: biên độ tổng cộng cho SDG (OFC) khoảng 10,62%, cho thấy không quá cao nhưng vẫn đủ để tạo ra lợi thế cạnh tranh bất bình đẳng.

Áp dụng “Economic Interest Test (EIT)”: Đây là điểm khác biệt so với EU. Anh sẵn sàng dỡ bỏ biện pháp (như vụ xe đạp điện) nếu không đáp ứng tiêu chí lợi ích kinh tế chung, cho thấy cách tiếp cận thực dụng.

Thông điệp chính sách: UK không “nhẹ tay” với Trung Quốc, nhưng cũng không áp dụng cứng nhắc. Anh điều chỉnh mức thuế, phân biệt theo mức độ hợp tác, và cân nhắc ảnh hưởng đến ngành hạ nguồn.



**Hướng dẫn doanh nghiệp Việt Nam
cần làm gì khi đối mặt với vụ việc
điều tra chống trợ cấp (CTC) của
Vương Quốc Anh**

1. Doanh nghiệp cần chuẩn bị gì trước khi có vụ việc

1.1. Theo dõi cảnh báo sớm

Các vụ việc CVD không xảy ra đột ngột, mà thường bắt đầu từ khi ngành sản xuất trong nước (tại UK hoặc EU) **nộp đơn khiếu nại**. Doanh nghiệp Việt Nam có thể nhận diện nguy cơ qua:

Danh mục sản phẩm nhạy cảm: thép, vật liệu xây dựng, phân bón, pin, tấm lớp, xe đạp điện, cáp quang... là các sản phẩm Trung Quốc đã từng bị điều tra; nếu Việt Nam có cơ cấu xuất khẩu tương tự, rủi ro bị điều tra cao.

Thông tin cảnh báo từ:

Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương) – cơ quan đầu mối theo dõi, đưa cảnh báo sớm.

TRA (Trade Remedies Authority, UK): tất cả quyết định, thông báo, lời kêu gọi cung cấp thông tin đều được công bố tại: <https://www.gov.uk/government/collections/trade-remedies-notice>

Hiệp hội ngành hàng: thường có kênh liên hệ trực tiếp với doanh nghiệp nhập khẩu tại UK để phản ánh tình hình.

Khuyến nghị: Doanh nghiệp nên cử **một đầu mối phụ trách pháp lý – thương mại quốc tế** để định kỳ theo dõi cảnh báo từ các nguồn trên.

1.2. Chuẩn hóa và lưu trữ dữ liệu trợ cấp

Khác với điều tra chống bán phá giá (chủ yếu xoay quanh **giá thành, chi phí sản xuất**), điều tra CVD tập trung vào **các hình thức hỗ trợ của Chính phủ nước xuất khẩu**. Các khoản thường bị xem xét gồm:

Ưu đãi thuế: miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, ưu đãi

cho “doanh nghiệp công nghệ cao” (HNTE), khấu hao nhanh, hoàn thuế VAT.

Tín dụng và bảo lãnh: khoản vay ưu đãi từ ngân hàng nhà nước, bảo lãnh vay vốn.

Hỗ trợ đất đai: quyền sử dụng đất được mua thấp hơn giá thị trường (LTAR).

Hỗ trợ năng lượng và nguyên liệu: cung cấp điện, than, khí, nguyên liệu thô dưới giá thị trường.

Tài trợ trực tiếp: trợ cấp nghiên cứu – phát triển (R&D), quỹ hỗ trợ đổi mới công nghệ.

Bảo hiểm tín dụng xuất khẩu: cung cấp dịch vụ bảo hiểm với phí thấp hơn chuẩn quốc tế.

Khuyến nghị:

Doanh nghiệp phải **lập hồ sơ lưu trữ** tất cả chứng từ liên quan: hợp đồng tín dụng, giấy chứng nhận ưu đãi, quyết định miễn giảm thuế, hợp đồng thuê đất, hóa đơn điện năng, chứng từ R&D...

Tài liệu nên được quản lý theo **chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS)** để tránh bị TRA cho là “thiếu minh bạch”.

1.3. Xây dựng đội ngũ pháp lý – thương mại

Điều tra chống trợ cấp (CVD) có tính chất phức tạp hơn nhiều so với điều tra chống bán phá giá, vì không chỉ liên quan đến **chi phí – giá bán** của doanh nghiệp, mà còn chạm đến **chính sách hỗ trợ, quy định pháp luật, và quan hệ giữa chính phủ – doanh nghiệp**. Do vậy, doanh nghiệp không thể ứng phó một cách đơn lẻ hoặc thiếu chuyên môn, mà cần chuẩn bị **đội ngũ chuyên trách** kết hợp giữa pháp lý và thương mại quốc tế.

Thành phần đội ngũ:

Luật sư quốc tế: Có kinh nghiệm làm việc với cơ quan điều tra phòng vệ thương mại của Anh (TRA) và EU, am hiểu luật WTO và các hiệp định liên quan đến trợ cấp. Đây là lực lượng nòng cốt trong việc xây dựng hồ sơ pháp lý, phản biện lập luận của bên nguyên đơn, và trực tiếp làm việc với TRA.

Luật sư trong nước: Hiểu rõ bối cảnh pháp lý, quy định về chính sách hỗ trợ của Việt Nam (ưu đãi thuế, tín dụng, đất đai, R&D...). Vai trò chính là cung cấp phân tích pháp lý nội địa và phối hợp với cơ quan nhà nước khi cần.

Bộ phận tài chính – kế toán và thương mại của doanh nghiệp: Chuẩn bị số liệu, chứng từ, báo cáo theo chuẩn quốc tế (IFRS) để nộp cho TRA. Họ là người trực tiếp giải trình các khoản hỗ trợ mà doanh nghiệp đã nhận.

Nhiệm vụ chính của đội ngũ:

Trả lời bảng câu hỏi (Questionnaire) của TRA

Đây là giai đoạn quan trọng nhất. TRA sẽ yêu cầu doanh nghiệp cung cấp thông tin chi tiết về tất cả chương trình hỗ trợ mà doanh nghiệp có thể được hưởng (thuế, tín dụng, đất đai, năng lượng, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu...).

Đội ngũ pháp lý phải đảm bảo câu trả lời **đầy đủ, chính xác, nộp đúng hạn**. Trả lời thiếu hoặc sai lệch sẽ bị coi là không hợp tác và dẫn tới việc TRA áp mức thuế suất bất lợi cao nhất.

Phân tích và lập luận pháp lý

Xác định những khoản hỗ trợ nào **không cấu thành trợ cấp có thể đối kháng** theo định nghĩa của WTO và Đạo luật Phòng vệ thương mại của Anh.

Lập luận rằng trợ cấp **không mang tính đặc thù** (ví dụ: ưu đãi thuế áp dụng cho tất cả doanh nghiệp, không chỉ ngành bị điều tra).

Chứng minh rằng lợi ích thực tế từ trợ cấp là không đáng kể, hoặc không tạo ra cạnh tranh bất bình đẳng.

Đại diện trong các buổi điều trần, tham vấn công khai

TRA thường tổ chức các buổi điều trần để lắng nghe quan điểm từ các bên liên quan. Đội ngũ pháp lý – thương mại sẽ thay mặt doanh nghiệp phát biểu, bảo vệ lập luận, và cung cấp bằng chứng bổ sung.

Đây cũng là cơ hội để vận động chính sách, chứng minh rằng áp thuế CVD sẽ gây thiệt hại cho chuỗi cung ứng, ngành hạ nguồn và người tiêu dùng tại UK.

1.4. Hợp tác trong hiệp hội ngành hàng

Trong các vụ việc chống trợ cấp (CVD), **sức mạnh tập thể** đóng vai trò đặc biệt quan trọng. Một doanh nghiệp đơn lẻ khó có đủ nguồn lực pháp lý, dữ liệu và sức ảnh hưởng để phản biện lại cáo buộc từ nguyên đơn hoặc để thuyết phục TRA. Vì vậy, việc **tham gia và hợp tác trong hiệp hội ngành hàng** là một trong những biện pháp then chốt giúp doanh nghiệp Việt Nam nâng cao khả năng ứng phó.

Vai trò của hiệp hội ngành hàng

Tập hợp và điều phối thông tin:

Hiệp hội thường có kênh kết nối với nhiều doanh nghiệp cùng ngành, từ đó tổng hợp được bức tranh toàn diện về sản xuất – xuất khẩu.

Việc chia sẻ dữ liệu tập thể giúp TRA hiểu đúng quy mô ngành, tránh trường hợp dựa vào dữ liệu một vài doanh nghiệp để đưa ra kết luận phiến diện.

Đại diện tiếng nói chung của ngành:

Khi TRA tổ chức **tham vấn công khai (public consultation)** hoặc **điều trần (hearing)**, hiệp hội có thể thay mặt toàn ngành phát biểu quan điểm.

Quan điểm thống nhất của ngành có sức nặng hơn nhiều so với ý kiến rời rạc của từng doanh nghiệp.

Huy động nguồn lực pháp lý – tư vấn quốc tế:

Thuê **luật sư hoặc công ty tư vấn quốc tế** rất tốn kém nếu chỉ một doanh nghiệp đơn lẻ thực hiện.

Hiệp hội có thể đứng ra tổ chức thuê luật sư/tư vấn chung, chia sẻ chi phí giữa các hội viên, đảm bảo hiệu quả và giảm gánh nặng tài chính.

Vận động chính sách với UK:

Hiệp hội thường phối hợp với **Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương)** để gửi văn bản chính thức tới TRA hoặc Bộ Thương mại Quốc tế Anh.

Nội dung tập trung vào lập luận rằng áp thuế CVD sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực tới chuỗi cung ứng, tăng giá cho ngành hạ nguồn (xây dựng, cơ khí, tiêu dùng) và không mang lại lợi ích ròng cho nền kinh tế UK.

Cách doanh nghiệp nên tham gia

Chủ động tham gia hiệp hội ngành hàng trong nước (ví dụ: Hiệp hội Thép Việt Nam, Hiệp hội Da giày, Hiệp hội Xe đạp – Xe máy...).

Để xuất thành lập **“Tổ công tác phòng vệ thương mại”** trong hiệp hội để chuyên trách hỗ trợ hội viên.

Cử đầu mối liên lạc thường xuyên với hiệp hội để cập nhật tình hình vụ việc, kịp thời chia sẻ thông tin và tài liệu cần thiết.

Đóng góp kinh phí cho hoạt động pháp lý – tư vấn chung của hiệp hội, thay vì chỉ trông chờ vào Nhà nước.

Hợp tác trong hiệp hội ngành hàng không chỉ giúp doanh nghiệp **giảm chi phí, tăng hiệu quả** trong ứng phó với điều tra CVD, mà còn tạo tiếng nói thống nhất, nâng cao sức ảnh hưởng của ngành hàng Việt Nam trên bàn đàm phán quốc tế. Đây là một chiến lược dài hạn mà doanh nghiệp cần coi là bắt buộc, không chỉ khi có vụ việc mà ngay từ giai đoạn chuẩn bị.

2. Ứng xử khi bị điều tra CVD

Khi Vương quốc Anh khởi xướng một vụ việc chống trợ cấp (CVD), doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam sẽ chính thức trở thành “bị đơn” trong quá trình điều tra. Đây là giai đoạn **cực kỳ quan trọng**, vì những bước đi ban đầu sẽ quyết định việc doanh nghiệp có bị áp thuế cao hay được hưởng mức thuế ưu đãi.

Cơ quan điều tra (TRA – Trade Remedies Authority) sẽ yêu cầu doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng và chính phủ Việt Nam **cung cấp thông tin chi tiết** để xác minh xem hàng hóa xuất khẩu có được hưởng trợ cấp và trợ cấp đó có gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước Anh hay không.

Do đó, ngay khi nhận được thông báo khởi xướng, doanh nghiệp cần:

Xác định rõ vai trò của mình trong vụ việc (có nằm trong danh sách bị đơn bắt buộc hay tự nguyện tham gia).

Chủ động hợp tác với TRA và Cục Phòng vệ Thương mại Việt Nam.

Tham gia đầy đủ các giai đoạn: trả lời bảng câu hỏi, cung cấp hồ sơ bổ sung, điều trần, kiểm tra tại chỗ (verification).

2.1. Trả lời bảng câu hỏi (Questionnaire) của TRA

Bảng câu hỏi (questionnaire) là công cụ quan trọng nhất để TRA thu thập thông tin từ doanh nghiệp. Đây cũng là “**bài kiểm tra**” **đầu tiên**, phản ánh mức độ hợp tác của doanh nghiệp trong toàn bộ vụ việc.

Đặc điểm của bảng câu hỏi CVD:

Dung lượng lớn, nhiều phụ lục: thường dài hàng trăm trang, yêu cầu chi tiết về doanh thu, chi phí, sản lượng, xuất khẩu, cũng như tất cả các chương trình trợ cấp mà doanh nghiệp có thể đã được hưởng.

Thời hạn trả lời ngắn: thường trong vòng 30–37 ngày kể từ ngày phát hành.

Ngôn ngữ bắt buộc bằng tiếng Anh, theo định dạng của TRA.

Những thông tin quan trọng doanh nghiệp phải cung cấp:

Thông tin chung: cơ cấu tổ chức, hoạt động sản xuất – kinh doanh, danh sách công ty con/công ty liên kết.

Sản phẩm xuất khẩu: mô tả chi tiết, mã HS, sản lượng, kim

ngạch xuất khẩu vào UK, thị trường khác.

Chương trình trợ cấp đã nhận: ưu đãi thuế, khoản vay, bảo lãnh, hỗ trợ đất đai, trợ cấp năng lượng, R&D, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu...

Chứng từ liên quan: hợp đồng, giấy phép, quyết định, báo cáo tài chính, hóa đơn.

Lưu ý quan trọng khi trả lời:

Trả lời đầy đủ và chính xác: nếu bỏ sót thông tin hoặc cung cấp thiếu chứng từ, TRA có thể coi doanh nghiệp là “không hợp tác” và áp mức thuế bất lợi cao nhất (adverse facts available).

Đồng bộ dữ liệu: số liệu trong bảng câu hỏi phải thống nhất với báo cáo kiểm toán, báo cáo thuế và chứng từ kế toán.

Đúng hạn tuyệt đối: quá hạn sẽ bị loại khỏi danh sách các bên hợp tác. Trong trường hợp bất khả kháng, phải yêu cầu gia hạn chính thức bằng văn bản.

Nên có luật sư/tư vấn quốc tế hỗ trợ: đảm bảo cách diễn giải đúng với thuật ngữ pháp lý, tránh hiểu nhầm hoặc gây bất lợi.

Kinh nghiệm: Các doanh nghiệp Trung Quốc trong vụ Optical Fibre Cables (TS0009) từng bị áp thuế cao do **không trả lời đầy đủ questionnaire** hoặc trả lời muộn. Trong khi đó, các doanh nghiệp hợp tác chặt chẽ thường được áp mức thuế thấp hơn nhiều.

2.2. Minh bạch số liệu – cung cấp chứng từ kịp thời

Sau khi doanh nghiệp nộp bảng câu hỏi (questionnaire), TRA sẽ tiến hành **đối chiếu và xác minh số liệu**. Đây là bước quan trọng để xác định doanh nghiệp có thực sự được hưởng trợ cấp và mức lợi ích cụ thể. Nếu phát hiện số liệu không chính

xác hoặc thiếu minh bạch, TRA có quyền bác bỏ toàn bộ thông tin của doanh nghiệp và thay thế bằng dữ liệu “sẵn có” (adverse facts), thường dẫn đến mức thuế **cao hơn rất nhiều**.

Yêu cầu về minh bạch số liệu

Nhất quán: tất cả số liệu trong questionnaire phải trùng khớp với báo cáo tài chính kiểm toán, báo cáo thuế, hóa đơn, hợp đồng và chứng từ ngân hàng.

Đầy đủ: không bỏ sót các chương trình hỗ trợ đã từng hợp nhận, kể cả giá trị nhỏ hoặc không thường xuyên (ví dụ: hoàn thuế R&D, miễn tiền thuê đất trong 1 năm, trợ cấp đổi mới công nghệ).

Chi tiết theo từng kỳ: TRA thường yêu cầu dữ liệu theo tháng hoặc quý trong suốt thời kỳ điều tra (POI – period of investigation).

Các loại chứng từ thường phải nộp

Thuế và tài chính: báo cáo kiểm toán, tờ khai thuế TNDN, giấy chứng nhận ưu đãi thuế.

Tín dụng và bảo lãnh: hợp đồng vay vốn, thỏa thuận lãi suất, thư bảo lãnh từ ngân hàng.

Đất đai và bất động sản: hợp đồng thuê đất, quyết định giao đất, bảng giá đất địa phương.

Năng lượng và nguyên liệu: hóa đơn điện/nhiên liệu, hợp đồng cung cấp năng lượng.

Trợ cấp khác: giấy xác nhận nhận tài trợ, biên lai chuyển khoản, quyết định phân bổ ngân sách.

Lưu ý khi cung cấp chứng từ

Cung cấp kịp thời: TRA thường yêu cầu bổ sung chứng từ trong vòng 7–10 ngày. Trễ hạn có thể bị coi là không hợp tác.

Bản dịch tiếng Anh: tất cả chúng từ bằng tiếng Việt phải được dịch sang tiếng Anh. Tốt nhất là **dịch công chứng** để đảm bảo độ tin cậy.

Giải thích rõ ràng: với các chính sách đặc thù (ví dụ: miễn giảm thuế cho doanh nghiệp công nghệ cao – HNTE), cần kèm theo bản giải trình pháp lý để TRA hiểu rõ quy định trong bối cảnh Việt Nam.

Đồng bộ dữ liệu giữa các doanh nghiệp cùng ngành: nếu một công ty khai có ưu đãi nhưng công ty khác không nhắc tới, TRA có thể nghi ngờ và mở rộng điều tra.

Kinh nghiệm thực tiễn:
Trong vụ Optical Fibre Cables (TS0009), một số doanh nghiệp bị áp thuế cao do **không chứng minh được hợp đồng tín dụng ưu đãi hoặc không nộp đầy đủ chứng từ thuê đất**. Ngược lại, doanh nghiệp hợp tác và nộp đủ hồ sơ được hưởng mức thuế thấp hơn.

2.3. Lập luận pháp lý: không phải mọi hỗ trợ đều là “trợ cấp đối kháng”

Một điểm đặc thù trong các vụ việc CVD là **không phải bất kỳ khoản hỗ trợ nào từ Chính phủ cũng tự động bị coi là “trợ cấp có thể đối kháng” (countervailable subsidies)**. Doanh nghiệp cần phối hợp với luật sư và chuyên gia pháp lý để **xây dựng lập luận phản biện**, nhằm loại trừ hoặc giảm thiểu mức thuế CVD.

Căn cứ pháp lý quốc tế

Theo Hiệp định Trợ cấp và Các biện pháp đối kháng (SCM Agreement – WTO) và Đạo luật Phòng vệ thương mại của Anh:

Một khoản hỗ trợ chỉ bị coi là trợ cấp đối kháng nếu thỏa mãn đồng thời ba yếu tố:

Có sự đóng góp tài chính từ Chính phủ hoặc cơ quan nhà nước (financial contribution).

Mang lại lợi ích cho doanh nghiệp thụ hưởng (benefit).

Mang tính đặc thù cho một ngành, một nhóm doanh nghiệp, hoặc gắn với xuất khẩu (specificity).

Điều này có nghĩa là **không phải mọi hỗ trợ đều đáp ứng cả ba tiêu chí trên**.

Các hướng lập luận chính

Hỗ trợ không mang tính đặc thù

Ví dụ: ưu đãi thuế TNDN chung cho tất cả doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam → không đặc thù, không bị coi là trợ cấp đối kháng.

Doanh nghiệp cần chứng minh rằng chính sách áp dụng rộng rãi, không nhắm riêng vào ngành hàng bị điều tra.

Không tạo lợi ích thực tế

Một số chính sách dù tồn tại nhưng **không mang lại lợi ích cụ thể trong giai đoạn điều tra (POI)**.

Ví dụ: doanh nghiệp được quyền hưởng miễn giảm thuế R&D nhưng thực tế **không sử dụng** hoặc giá trị quá nhỏ → không tạo lợi ích.

Hỗ trợ mang tính khuyến khích chung, không gây cạnh tranh bất bình đẳng

Ví dụ: trợ cấp đào tạo lao động, hỗ trợ đổi mới công nghệ áp dụng cho mọi ngành → đây là chính sách phát triển chung, không nhằm tạo lợi thế xuất khẩu.

Hỗ trợ không liên quan trực tiếp đến sản phẩm bị điều tra

Nếu trợ cấp được nhận cho hoạt động sản xuất khác (ví dụ: nhà máy A sản xuất sản phẩm không xuất khẩu sang UK) → có thể lập luận rằng không liên quan, không tính vào biên độ.

2.4. Theo sát tiến trình điều tra – tham gia tham vấn

Điều tra chống trợ cấp (CVD) tại Vương quốc Anh thường kéo dài từ **12 đến 18 tháng**, gồm nhiều giai đoạn quan trọng: khởi xướng, gửi bảng câu hỏi, xác minh số liệu, tham vấn công khai, kết luận sơ bộ, kết luận cuối cùng. Doanh nghiệp cần **theo dõi sát từng mốc thời gian** và chủ động tham gia, thay vì chỉ chờ đợi kết quả từ TRA.

Các hoạt động chính cần tham gia

Tham vấn công khai (Public Consultation)

Sau khi khởi xướng, TRA thường mở một giai đoạn tham vấn công khai, mời các bên liên quan (doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu, hiệp hội, người tiêu dùng, cơ quan nhà nước) nộp ý kiến bằng văn bản.

Đây là cơ hội để doanh nghiệp và hiệp hội:

Trình bày lập luận phản biện cáo buộc trợ cấp.

Chứng minh rằng áp thuế CVD sẽ gây **tăng chi phí cho ngành hạ nguồn** (xây dựng, sản xuất cơ khí, năng lượng, tiêu dùng).

Đưa ra bằng chứng rằng **không tồn tại lợi ích thực tế** từ các chính sách bị điều tra.

Điều trần (Hearing)

TRA có thể tổ chức các buổi điều trần để lắng nghe trực tiếp quan điểm từ doanh nghiệp và các bên liên quan.

Doanh nghiệp cần chuẩn bị:



Bài phát biểu ngắn gọn, chặt chẽ, bằng tiếng Anh, tập trung vào tác động kinh tế – xã hội.

Chứng cứ minh họa: số liệu sản lượng, việc làm, tác động đến giá bán lẻ, ảnh hưởng đến người tiêu dùng Anh.

Đại diện phát biểu thường là **luật sư quốc tế hoặc lãnh đạo doanh nghiệp**, kèm theo sự hỗ trợ của hiệp hội ngành hàng.

Xác minh tại chỗ (On-site Verification)

TRA có thể cử đoàn sang Việt Nam để kiểm tra trực tiếp hồ sơ, chứng từ.

Doanh nghiệp phải chuẩn bị sẵn sàng tiếp đoàn, đảm bảo dữ liệu trùng khớp với báo cáo đã nộp.

Nếu từ chối xác minh hoặc cung cấp thiếu minh chứng, doanh nghiệp có thể bị coi là **không hợp tác**.

Tại sao phải tham gia tích cực?

Nếu doanh nghiệp **im lặng hoặc không tham gia**, TRA sẽ dựa vào dữ liệu do nguyên đơn (các nhà sản xuất UK) cung cấp, vốn thường bất lợi cho doanh nghiệp Việt Nam.

Ngược lại, nếu tham gia tích cực, doanh nghiệp có thể:

Góp phần **giảm biên độ thuế** nhờ cung cấp bằng chứng phản biện.

Tạo **ấn tượng hợp tác** với TRA, thường dẫn đến mức thuế thấp hơn so với các bên không hợp tác.

Bảo vệ hình ảnh và uy tín doanh nghiệp trên thị trường quốc tế.

2.5. Tận dụng cơ chế rà soát (Review)

Một khi biện pháp chống trợ cấp (CVD) đã được áp dụng,

doanh nghiệp không có nghĩa là “chấp nhận chịu thuế” trong suốt nhiều năm. Pháp luật của Vương quốc Anh và thông lệ quốc tế cho phép các bên liên quan **yêu cầu rà soát (review)** để điều chỉnh, giảm hoặc bãi bỏ thuế. Đây là cơ hội quan trọng để doanh nghiệp Việt Nam **giảm thiểu tác động lâu dài** của biện pháp CVD.

Các loại rà soát chính

Rà soát giữa kỳ (Interim Review)

Được yêu cầu khi có bằng chứng rằng **mức trợ cấp hoặc điều kiện thị trường đã thay đổi đáng kể** so với thời điểm điều tra ban đầu.

Ví dụ: doanh nghiệp không còn được hưởng ưu đãi thuế, hoặc khoản vay ưu đãi đã hết hiệu lực.

Nếu chứng minh thành công, TRA có thể giảm mức thuế hoặc bãi bỏ biện pháp.

Rà soát hết hạn (Expiry Review / Sunset Review)

Theo quy định, biện pháp CVD chỉ có hiệu lực tối đa **5 năm**.

Trước khi hết hạn, TRA sẽ tiến hành rà soát để xem liệu việc chấm dứt biện pháp có dẫn đến **tiếp tục hoặc tái diễn trợ cấp gây hại** hay không.

Doanh nghiệp có thể tham gia, cung cấp bằng chứng rằng không còn nguy cơ, từ đó tạo cơ hội chấm dứt biện pháp.

Rà soát doanh nghiệp mới (New Shipper / New Exporter Review)

Áp dụng cho doanh nghiệp **chưa xuất khẩu vào UK trong giai đoạn điều tra ban đầu**, nên bị áp mức thuế toàn ngành (thường cao).

Doanh nghiệp có thể yêu cầu TRA tiến hành rà soát riêng để áp mức thuế phù hợp hơn với tình hình thực tế.

Rà soát phạm vi sản phẩm (Scope Review)

Dùng để xác định một sản phẩm cụ thể có nằm trong phạm vi áp dụng biện pháp CVD hay không.

Giúp doanh nghiệp tránh trường hợp bị áp thuế nhằm cho những sản phẩm không liên quan.

Cách tận dụng cơ chế rà soát hiệu quả

Theo dõi thời hạn biện pháp: nắm rõ ngày có hiệu lực và ngày hết hạn của biện pháp CVD để kịp thời chuẩn bị hồ sơ rà soát.

Thu thập bằng chứng thay đổi: lưu trữ tài liệu chứng minh doanh nghiệp không còn nhận trợ cấp, hoặc trợ cấp đã không mang lại lợi ích đáng kể.

Phối hợp với hiệp hội ngành hàng và Cục Phòng vệ Thương mại để tăng sức thuyết phục khi đề nghị rà soát.

Sử dụng luật sư quốc tế để xây dựng hồ sơ lập luận pháp lý chặt chẽ.

2.6. Phối hợp với Cục Phòng vệ Thương mại – Bộ Công Thương

Trong mọi vụ việc chống trợ cấp (CVD), ngoài việc trực tiếp làm việc với TRA, doanh nghiệp Việt Nam cần **phối hợp chặt chẽ với Cục Phòng vệ Thương mại (TRAV – Trade Remedies Authority of Vietnam, Bộ Công Thương)**. Đây là cơ quan đại diện chính thức của Việt Nam trong trao đổi với cơ quan điều tra Anh.

Vai trò của Cục Phòng vệ Thương mại (TRAV)

Đầu mối liên lạc chính thức giữa Chính phủ Việt Nam và TRA.

Bảo vệ lợi ích quốc gia: tham gia trả lời bảng câu hỏi chính phủ (GOC questionnaire), trong đó giải trình về chính sách thuế, tín dụng, đất đai, năng lượng, nhằm giảm nguy cơ TRA kết luận bất lợi.

Hỗ trợ doanh nghiệp: cung cấp thông tin, hướng dẫn về thủ tục, dịch vụ tư vấn pháp lý, và tổ chức tập huấn cho các doanh nghiệp liên quan.

Vận động chính sách: phối hợp với Bộ Ngoại giao, Thương vụ Việt Nam tại UK và các hiệp định song phương (UKVFTA) để tác động ở cấp chính phủ.

Cách doanh nghiệp nên phối hợp

Thông tin kịp thời:

Doanh nghiệp cần báo cáo sớm cho TRAV khi nhận được thông báo khởi xướng hoặc bảng câu hỏi từ TRA.

Cung cấp dữ liệu đầy đủ để TRAV tổng hợp, gửi phản hồi thống nhất tới TRA.

Tham gia trả lời chung với chính phủ:

Ngoài bảng câu hỏi doanh nghiệp, TRA còn gửi **bảng câu hỏi chính phủ** (Government questionnaire) cho Việt Nam.

Doanh nghiệp cần hỗ trợ TRAV trong việc cung cấp tài liệu về chính sách ưu đãi mà mình nhận được, để đảm bảo câu trả lời của chính phủ **khớp với hồ sơ doanh nghiệp**.

Tham vấn và điều trần:

TRAV thường đứng ra điều phối việc tham gia điều trần công khai với TRA. Doanh nghiệp nên

đăng ký tham dự cùng TRAV để tạo **tiếng nói tập thể** và tăng sức thuyết phục.

Hỗ trợ pháp lý và đàm phán:

TRAV có thể giới thiệu luật sư quốc tế có kinh nghiệm hoặc phối hợp với hiệp hội ngành hàng để thuê luật sư/tư vấn chung.

Doanh nghiệp nên chủ động tham gia, chia sẻ chi phí thay vì đứng ngoài.

Lợi ích của việc phối hợp

Đảm bảo **tính nhất quán** giữa hồ sơ doanh nghiệp và hồ sơ chính phủ, tránh mâu thuẫn gây bất lợi.

Tăng khả năng vận động để TRA cân nhắc yếu tố **Economic Interest Test (EIT)** – tức lợi ích chung cho nền kinh tế UK.

Giúp doanh nghiệp không bị “đơn độc” trong tiến trình pháp lý quốc tế phức tạp.

3. Khuyến nghị chiến lược dài hạn

Việc ứng phó trong một vụ điều tra CVD chỉ là giải pháp ngắn hạn. Về lâu dài, để giảm thiểu rủi ro và duy trì bền vững thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp Việt Nam cần xây dựng **chiến lược chủ động** ở cả cấp độ doanh nghiệp và ngành hàng.

3.1. Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu

Tránh phụ thuộc quá lớn vào một thị trường (như Anh hoặc EU). Nếu một thị trường áp dụng CVD, doanh nghiệp vẫn có các kênh tiêu thụ khác.

Chủ động tìm kiếm thị trường mới thông qua các FTA mà Việt Nam tham gia như: CPTPP, RCEP, UKVFTA.

Tham gia hội chợ, triển lãm quốc tế để mở rộng mạng lưới khách hàng.

3.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh nội tại

Đầu tư công nghệ và quản trị chi phí: thay vì dựa nhiều vào trợ cấp hoặc giá rẻ, doanh nghiệp cần chú trọng chất lượng sản phẩm và đổi mới công nghệ.

Phát triển thương hiệu: xây dựng hình ảnh sản phẩm Việt Nam chất lượng, an toàn, bền vững.

Tuân thủ chuẩn quốc tế (ISO, CE, RoHS...): giúp sản phẩm dễ dàng tiếp cận thị trường cao cấp, hạn chế nguy cơ bị điều tra.

3.3. Minh bạch và tuân thủ chuẩn mực quốc tế

Áp dụng **chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS)** để đảm bảo số liệu minh bạch, dễ đối chiếu trong điều tra.

Lưu trữ dữ liệu trợ cấp, ưu đãi chính sách một cách có hệ thống, sẵn sàng cung cấp khi cần.

Xây dựng văn hóa tuân thủ trong doanh nghiệp, coi minh bạch là lợi thế cạnh tranh.

3.4. Tăng cường hợp tác ngành và quốc gia

Tham gia sâu vào **hiệp hội ngành hàng**, cùng xây dựng cơ chế cảnh báo sớm, chia sẻ thông tin rủi ro CVD.

Phối hợp với **Cục Phòng vệ Thương mại** để nâng cao năng lực ứng phó tập thể.

Vận động chính sách ở cấp chính phủ thông qua **UKVFTA** hoặc cơ chế đối thoại song phương để bảo vệ quyền lợi chính đáng.

3.5. Định hướng phát triển bền vững

Đáp ứng các yêu cầu về **ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị)**, vì đây là tiêu chuẩn ngày càng phổ biến tại UK và EU.

Xây dựng chuỗi cung ứng xanh, minh bạch nguồn gốc nguyên liệu.

Doanh nghiệp đáp ứng tốt tiêu chuẩn ESG thường ít bị nhắm tới trong các vụ điều tra CVD vì được xem là **đóng góp tích cực cho thị trường nhập khẩu**.



Một số khuyến nghị chính sách và định hướng hỗ trợ doanh nghiệp từ góc nhìn hiệp hội và cơ quan nhà nước

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng, các biện pháp phòng vệ thương mại (PVTM) đã và đang trở thành công cụ quan trọng mà nhiều quốc gia sử dụng để bảo vệ ngành sản xuất trong nước. Bên cạnh các vụ việc **chống bán phá giá (CBPG)** vốn quen thuộc với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, những năm gần đây, các vụ việc **chống trợ cấp (CTC)** cũng ngày càng gia tăng và phức tạp hơn.

Khác với CBPG – vốn tập trung vào hành vi định giá và chiến lược xuất khẩu của doanh nghiệp, **CTC hướng sự chú ý trực tiếp đến các chính sách hỗ trợ từ phía Chính phủ nước xuất khẩu.** Điều này khiến doanh nghiệp Việt Nam đối diện với những thách thức mới: không chỉ phải minh bạch về chi phí, giá bán, mà còn phải giải trình về các ưu đãi thuế, đất đai, tín dụng, năng lượng, nghiên cứu – phát triển (R&D)... mà họ được hưởng.

Đặc biệt, sau khi rời Liên minh châu Âu, **Vương quốc Anh (UK)** đã thiết lập hệ thống PVTM độc lập với cơ quan thực thi là **Trade Remedies Authority (TRA)**. Trong chiến lược này, CTC được xác định là một công cụ trọng yếu, phản ánh xu hướng bảo hộ có chọn lọc, hướng vào các ngành công nghiệp nền tảng như thép, hóa chất, vật liệu và sản phẩm công nghệ cao. Các vụ việc gần đây với Trung Quốc cho thấy UK sẵn sàng áp dụng CTC quyết liệt để ngăn chặn nguy cơ hàng hóa giá rẻ được trợ cấp tràn vào thị trường.

Đối với Việt Nam, nguy cơ bị điều tra CTC trong tương lai là hiện hữu, nhất là với những

ngành sản xuất công nghiệp có tốc độ tăng trưởng nhanh, được Nhà nước khuyến khích phát triển bằng nhiều công cụ chính sách. Nếu không có sự chuẩn bị kịp thời, doanh nghiệp có thể đối diện với **thuế suất cao**, mất lợi thế cạnh tranh và ảnh hưởng trực tiếp đến uy tín quốc gia.

Trong bối cảnh đó, việc **xây dựng khung khuyến nghị chính sách dành cho Nhà nước và Hiệp hội ngành hàng** là hết sức cần thiết. Tài liệu này nhằm:

Làm rõ vai trò, trách nhiệm của từng chủ thể (Nhà nước – Hiệp hội – Doanh nghiệp).

Đề xuất các giải pháp thiết thực để giảm thiểu rủi ro bị điều tra CTC.

Góp phần hình thành cơ chế phối hợp chặt chẽ, chủ động và bền vững trong bảo vệ lợi ích xuất khẩu của Việt Nam tại thị trường UK nói riêng và toàn cầu nói chung.

2. Vai trò và khuyến nghị đối với Hiệp hội ngành hàng

Trong các vụ việc chống trợ cấp (CTC), hiệp hội ngành hàng không chỉ là cầu nối giữa doanh nghiệp và cơ quan quản lý Nhà nước, mà còn là lực lượng nòng cốt trong việc điều phối, đại diện và bảo vệ lợi ích tập thể. Khác với CBPG – nơi doanh nghiệp có thể tự chứng minh hành vi thương mại của mình, ở CTC, **doanh nghiệp thường khó tự phản biện vì liên quan trực tiếp đến chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.** Do đó, vai trò của hiệp hội càng trở nên quan trọng trong việc tập hợp tiếng nói chung và đảm bảo sự phối hợp hiệu quả.

2.1. Cảnh báo sớm và chia sẻ thông tin

Trong các vụ việc chống trợ cấp (CTC), **yếu tố bắt ngờ và**

thời gian chuẩn bị ngắn thường khiến doanh nghiệp lúng túng, dễ mất cơ hội phản biện. Do đó, hiệp hội ngành hàng cần đóng vai trò trung tâm trong việc **thiết lập hệ thống cảnh báo sớm** và **chia sẻ thông tin kịp thời** đến hội viên.

1. Thiết lập hệ thống giám sát và cảnh báo sớm

Hiệp hội cần xây dựng **bộ phận chuyên trách hoặc tiểu ban PVTM**, có nhiệm vụ theo dõi thường xuyên:

Các thông báo khởi xướng điều tra từ **TRA (Trade Remedies Authority – UK)**.

Tin tức từ **Ủy ban châu Âu, WTO, và các thị trường lớn khác** vì nhiều vụ việc có xu hướng “lan tỏa” từ EU sang UK và ngược lại.

Động thái pháp lý, thương mại liên quan đến các ngành có nguy cơ cao.

Sử dụng **công nghệ thông tin** (hệ thống email alert, dashboard dữ liệu) để giám sát và tự động cảnh báo ngay khi có dấu hiệu điều tra.

2. Cập nhật thường xuyên cho hội viên

Tổ chức **bản tin điện tử định kỳ (ví dụ: hàng tháng)**, cung cấp thông tin ngắn gọn, dễ hiểu về:

Danh mục sản phẩm đang nằm trong diện cảnh báo của UK.

Xu hướng chính sách của TRA và ngành sản xuất nội địa Anh.

Phân tích rủi ro cụ thể cho từng nhóm sản phẩm.

Khi phát hiện có dấu hiệu khởi xướng điều tra, hiệp hội phải **thông báo ngay lập tức** cho hội viên qua email, hotline hoặc nhóm trao đổi trực tuyến.

3. Phối hợp với Cục PVTM

Làm việc chặt chẽ với **Cục Phòng vệ Thương mại (Bộ Công Thương)** để nhận thông tin sớm từ kênh chính thức của Chính phủ.

Đồng tổ chức **hội thảo chuyên đề, tập huấn kỹ thuật** cho doanh nghiệp: cách nhận biết rủi ro, đọc thông báo điều tra, chuẩn bị dữ liệu cần thiết.

Phát triển **cẩm nang cảnh báo sớm CTC** cho ngành, giúp doanh nghiệp chủ động chuẩn bị trước thay vì chờ đến khi có thông báo khởi xướng.

4. Lợi ích của hệ thống cảnh báo sớm

Giúp doanh nghiệp **không bị động** khi thời gian trả lời bằng câu hỏi của TRA chỉ khoảng 30–37 ngày.

Cho phép hội viên **chuẩn bị dữ liệu và hồ sơ** trước, giảm nguy cơ sai sót hoặc bị coi là “không hợp tác”.

Tăng khả năng hiệp hội và doanh nghiệp **tham gia sớm vào tham vấn công khai**, tác động đến nhận định ban đầu của TRA.

2.2. Tập hợp và điều phối doanh nghiệp hội viên

Trong điều tra CTC, thách thức lớn nhất không chỉ đến từ yêu cầu pháp lý phức tạp mà còn từ việc **mỗi doanh nghiệp có thể sử dụng chính sách hỗ trợ khác nhau**. Nếu thông tin cung cấp cho TRA bị rời rạc, mâu thuẫn hoặc thiếu thống nhất, nguy cơ **toàn ngành bị áp mức thuế cao chung** là rất lớn. Vì vậy, hiệp hội ngành hàng cần đóng vai trò điều phối để tập hợp và chuẩn hóa thông tin của các hội viên.

1. Thu thập dữ liệu từ hội viên

Hiệp hội cần lập kế hoạch **khảo sát định kỳ** về tình hình

sử dụng các chính sách hỗ trợ trong ngành:

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, miễn giảm thuế nhập khẩu.

Chính sách thuê đất, giao đất với giá ưu đãi.

Hỗ trợ tín dụng (lãi suất ưu đãi, bảo lãnh vay vốn).

Trợ cấp năng lượng, R&D, đổi mới công nghệ.

Dữ liệu này phải được **thu thập, phân loại, ẩn danh khi cần** để vừa đảm bảo tính bảo mật của doanh nghiệp, vừa có cơ sở xây dựng lập luận tập thể.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung

Phát triển một **data room chung** của hiệp hội, nơi các doanh nghiệp có thể chia sẻ và cập nhật thông tin.

Cơ sở dữ liệu này nên được **mã hóa, phân quyền truy cập**, để vừa bảo vệ bí mật kinh doanh, vừa tạo điều kiện cho luật sư/tư vấn quốc tế khai thác khi cần.

Đồng bộ dữ liệu này với Cục PVTM để Nhà nước có thể hỗ trợ và xác minh khi TRA yêu cầu.

3. Điều phối tiếng nói thống nhất

Trước khi phản hồi các yêu cầu của TRA, hiệp hội cần tổ chức **các buổi tham vấn nội bộ** giữa hội viên để:

Thống nhất cách giải thích về chính sách hỗ trợ.

Tránh việc doanh nghiệp A khai rằng “được ưu đãi thuế”, trong khi doanh nghiệp B lại nói “không liên quan”.

Lựa chọn **đại diện chung** để làm việc trực tiếp với TRA, tránh phân tán tiếng nói.

Trường hợp có sự khác biệt giữa các nhóm doanh nghiệp, hiệp hội phải **xây dựng lập luận**

khung để dung hòa, tránh mâu thuẫn công khai gây bất lợi.

4. Tạo cơ chế chia sẻ chi phí

Do thuê luật sư quốc tế và dịch vụ tư vấn pháp lý CTC rất tốn kém, hiệp hội có thể thiết lập **quỹ hỗ trợ tập thể**, kêu gọi hội viên đóng góp theo tỷ lệ xuất khẩu.

Nhờ đó, ngay cả doanh nghiệp vừa và nhỏ cũng được bảo vệ và hưởng lợi từ lập luận chung của ngành.

5. Lợi ích của việc điều phối tập thể

Tăng độ tin cậy: TRA sẽ có xu hướng đánh giá cao khi thông tin từ doanh nghiệp thống nhất và được hiệp hội đại diện.

Giảm rủi ro áp thuế toàn ngành: khi có sự hợp tác và minh bạch, TRA thường phân biệt mức thuế cho doanh nghiệp hợp tác và không hợp tác.

Tiết kiệm chi phí: thay vì từng doanh nghiệp thuê luật sư riêng, cơ chế tập thể giúp tối ưu hóa nguồn lực.

2.3. Đại diện tập thể trong vụ việc

Trong các cuộc điều tra CTC, việc mỗi doanh nghiệp tự mình đối phó gần như **không khả thi**, bởi khối lượng hồ sơ lớn, chi phí pháp lý cao, và đặc biệt là nhiều nội dung liên quan đến **chính sách Nhà nước** – điều mà doanh nghiệp khó có thể tự giải thích. Vì vậy, hiệp hội ngành hàng cần đứng ra đóng vai trò **đại diện tập thể**, trở thành tiếng nói chung của toàn ngành trong suốt quá trình điều tra.

1. Làm đầu mối liên hệ với TRA

Hiệp hội có thể được công nhận là **bên liên quan (interested party)** trong vụ việc,

từ đó có quyền gửi ý kiến chính thức cho TRA.

Trực tiếp làm việc với TRA để:

Đăng ký tham gia tham vấn công khai.

Gửi bản đệ trình bằng văn bản (submissions).

Đề nghị tiếp cận tài liệu công khai của vụ việc (public file).

2. Tham gia tham vấn và điều trần

Hiệp hội đại diện cho lợi ích tập thể khi tham dự **các buổi tham vấn công khai** do TRA tổ chức.

Chuẩn bị **bài phát biểu tập thể**, nhấn mạnh các luận điểm:

Chính sách hỗ trợ của Việt Nam mang tính phổ quát, không đặc thù.

Duy trì biện pháp CTC sẽ làm tăng giá thành sản xuất ở UK, gây bất lợi cho ngành hạ nguồn và người tiêu dùng.

Trường hợp có điều trần riêng (hearing), hiệp hội có thể cử đại diện lãnh đạo cùng với **luật sư quốc tế** để thuyết phục TRA.

3. Thuê luật sư và chuyên gia quốc tế

Do đặc thù CTC liên quan đến WTO SCM Agreement và luật PVTM UK, hiệp hội cần đứng ra thuê **luật sư quốc tế có kinh nghiệm**.

Kinh phí được chia sẻ giữa các doanh nghiệp hội viên theo tỷ lệ xuất khẩu, giúp giảm gánh nặng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Luật sư quốc tế thường phối hợp cùng hiệp hội và Cục PVTM để xây dựng **hồ sơ pháp lý tập thể**.

4. Đưa ra lập luận lợi ích công cộng

Ngoài việc bảo vệ doanh nghiệp, hiệp hội còn có thể đưa ra lập luận về **lợi ích kinh tế – xã hội của UK**, theo tiêu chí **Economic Interest Test (EIT)** mà TRA luôn phải đánh giá.

Các luận điểm có thể bao gồm:

Áp thuế CTC sẽ làm tăng chi phí cho ngành xây dựng, cơ khí, năng lượng tại UK.

Người tiêu dùng UK sẽ phải trả giá cao hơn cho sản phẩm, trong khi lợi ích bảo hộ cho nhà sản xuất nội địa lại hạn chế.

Lập luận này thường có sức nặng hơn khi được phát biểu bởi một hiệp hội ngành hàng thay vì từng doanh nghiệp riêng lẻ.

5. Lợi ích của việc đại diện tập thể

Tạo thế đàm phán mạnh hơn: TRA thường đánh giá cao tiếng nói tập thể vì phản ánh lợi ích ngành, thay vì quan điểm riêng lẻ.

Giảm rủi ro chia rẽ: tránh tình trạng mỗi doanh nghiệp khai báo một kiểu, gây mâu thuẫn và bất lợi.

Tiết kiệm chi phí và nâng cao chuyên môn: cùng chia sẻ chi phí luật sư, chuyên gia; có đội ngũ chuyên trách thay vì mỗi doanh nghiệp tự lo.

2.4. Hỗ trợ nâng cao năng lực hội viên

Để doanh nghiệp có thể ứng phó hiệu quả với các vụ điều tra chống trợ cấp (CTC), việc nâng cao năng lực của hội viên là nhiệm vụ then chốt của hiệp hội ngành hàng. Nếu không được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng, doanh nghiệp sẽ gặp khó khăn trong việc cung cấp dữ liệu, trả lời bảng câu hỏi, và bảo vệ quan điểm trước TRA.

1. Tổ chức đào tạo, tập huấn

Hội thảo chuyên đề định kỳ: Giới thiệu quy trình điều tra CTC, quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp, cũng như các tiêu chuẩn về “trợ cấp đặc thù” theo WTO và luật PVTM của Anh.

Khóa tập huấn thực hành: Hướng dẫn chi tiết cách trả lời bảng câu hỏi của TRA, cách thu thập dữ liệu kế toán – tài chính, và phương pháp phân tích chi phí theo yêu cầu.

Mời chuyên gia quốc tế: Các luật sư thương mại quốc tế, chuyên gia từ Cục PVTM hoặc tổ chức tư vấn quốc tế có thể tham gia để truyền đạt kinh nghiệm thực tiễn.

2. Cung cấp tài liệu hướng dẫn

Biên soạn **sổ tay hướng dẫn doanh nghiệp ứng phó CTC** (theo từng ngành hàng cụ thể như thép, hóa chất, vật liệu công nghiệp).

Cập nhật thường xuyên **cơ sở dữ liệu về các vụ việc CTC trước đây**, bao gồm mức thuế, lập luận pháp lý, và bài học kinh nghiệm.

Dịch và phổ biến các văn bản pháp lý quan trọng (quy định TRA, hướng dẫn của WTO, án lệ quốc tế).

3. Xây dựng nhóm chuyên gia nội bộ

Hiệp hội có thể thành lập **nhóm tư vấn pháp lý – kỹ thuật**, bao gồm:

Luật sư trong nước am hiểu quy định nội luật.

Chuyên gia tài chính – kế toán để hỗ trợ doanh nghiệp chuẩn bị hồ sơ.

Cán bộ từ Cục PVTM để tham gia tư vấn chuyên sâu.

Nhóm này sẽ đóng vai trò **hỗ trợ trực tiếp cho hội viên** trong từng vụ việc cụ thể.

4. Thúc đẩy liên kết doanh nghiệp

Khuyến khích các hội viên **chia sẻ dữ liệu và kinh nghiệm** trong quá trình điều tra.

Tránh tình trạng doanh nghiệp “đơn thương độc mã” hoặc cung cấp thông tin thiếu nhất quán, gây bất lợi cho toàn ngành.

Xây dựng tinh thần “**cộng đồng ngành hàng**”, trong đó lợi ích tập thể được đặt lên trên lợi ích riêng lẻ.

2.5. Huy động nguồn lực hỗ trợ

Các vụ việc chống trợ cấp (CTC) thường kéo dài nhiều năm, đòi hỏi doanh nghiệp phải cung cấp khối lượng dữ liệu lớn và chịu chi phí pháp lý đáng kể. Vì vậy, hiệp hội ngành hàng cần đóng vai trò trung tâm trong việc huy động và phân bổ nguồn lực để đảm bảo doanh nghiệp hội viên có đủ khả năng theo đuổi vụ việc đến cùng.

1. Vận động chính sách và hỗ trợ từ Nhà nước

Đề xuất quỹ hỗ trợ pháp lý: Hiệp hội có thể kiến nghị Chính phủ hoặc Cục PVTM thành lập quỹ hỗ trợ các vụ kiện PVTM ở nước ngoài, trong đó có CTC.

Hỗ trợ từ cơ quan đại diện ngoại giao: Thông qua Đại sứ quán, Thương vụ Việt Nam tại UK để cập nhật thông tin, kết nối luật sư địa phương và bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.

Ưu tiên chính sách tín dụng và bảo lãnh: Giúp doanh nghiệp nhỏ và vừa có thể tham gia vụ việc mà không lo quá tải tài chính.

2. Huy động từ hội viên

Cơ chế chia sẻ chi phí: Doanh nghiệp hội viên cùng đóng góp chi phí thuê luật sư và chuyên gia quốc tế, theo tỷ lệ xuất khẩu hoặc quy mô doanh nghiệp.

Quỹ tự nguyện của ngành: Một số hiệp hội lớn trên thế giới (như thép, hóa chất) thường lập quỹ riêng do doanh nghiệp đóng góp định kỳ, đảm bảo luôn có sẵn nguồn lực khi xảy ra vụ việc.

3. Kết nối nguồn lực quốc tế

Liên kết với các hiệp hội nước ngoài: Tìm kiếm sự phối hợp, trao đổi dữ liệu và lập luận với các hiệp hội tại châu Âu, Mỹ hay các quốc gia có cùng lợi ích.

Hợp tác với tổ chức tư vấn quốc tế: Các viện nghiên cứu, công ty luật thương mại quốc tế thường có sẵn cơ sở dữ liệu và kinh nghiệm để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam.

4. Huy động chuyên gia và nguồn lực trí tuệ

Thành lập **mạng lưới chuyên gia kinh tế, tài chính, luật thương mại quốc tế** để tham gia phân tích, phản biện và xây dựng hồ sơ.

Hợp tác với **các trường đại học, viện nghiên cứu** trong nước nhằm tận dụng tri thức học thuật, đồng thời tiết kiệm chi phí.

3. Vai trò và khuyến nghị đối với Nhà nước (Cục PVTM, Bộ Công Thương, cơ quan ngoại giao)

So với các vụ việc chống bán phá giá, điều tra chống trợ cấp (CTC) có đặc thù phức tạp hơn rất nhiều, bởi chúng trực tiếp liên quan đến **chính sách công nghiệp, tài khóa, tín dụng và thương mại** của Chính phủ. Vì vậy, sự tham gia chủ động của

Nhà nước là yếu tố then chốt quyết định năng lực thành công trong việc bảo vệ ngành hàng xuất khẩu của Việt Nam.

3.1. Hoàn thiện chính sách và minh bạch hóa thông tin hỗ trợ

Trong các vụ điều tra chống trợ cấp (CTC), cơ quan điều tra nước ngoài – như TRA của Anh – thường tập trung vào việc xác định liệu các **chính sách hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam** có phải là “trợ cấp đặc thù” và có thể bị đối kháng hay không. Vì vậy, việc xây dựng, quản lý và công bố các chương trình hỗ trợ cần được điều chỉnh theo hướng **phù hợp chuẩn mực quốc tế, minh bạch và dễ chứng minh**.

1. Rà soát và điều chỉnh chính sách hỗ trợ

Phân loại chính sách: Tách bạch các chính sách phổ quát (hỗ trợ chung cho mọi doanh nghiệp, mọi ngành) với chính sách đặc thù (chỉ áp dụng cho một số ngành/địa phương).

Điều chỉnh chính sách có nguy cơ cao: Các hình thức ưu đãi về đất đai, tín dụng, năng lượng, thuế suất thấp... cần được rà soát, tránh thiết kế theo hướng chỉ dành cho một nhóm doanh nghiệp cụ thể.

Đồng bộ hóa pháp luật: Đảm bảo chính sách ưu đãi trong các luật, nghị định (đầu tư, thuế, đất đai, tín dụng) hài hòa với cam kết WTO và các FTA thế hệ mới.

2. Minh bạch hóa và công khai thông tin

Công bố rõ phạm vi và tiêu chí áp dụng: Ví dụ, ưu đãi thuế TNDN áp dụng cho mọi doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, thay vì chỉ cho một nhóm ngành nhất định.

Tăng cường báo cáo và lưu trữ dữ liệu: Xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất về tất cả các chương trình hỗ trợ, giúp Nhà nước chủ động giải trình khi có yêu cầu từ cơ quan điều tra nước ngoài.

Bản dịch chính sách sang tiếng Anh: Đảm bảo các văn bản chính sách quan trọng có sẵn bản dịch chính thức để phục vụ quá trình tham vấn, điều trần.

3. Hướng tới hỗ trợ “trung lập” và “phi đặc thù”

Ưu tiên các biện pháp hỗ trợ mang tính **hạ tầng – dịch vụ công** (ví dụ: logistics, đào tạo nhân lực, R&D công) thay vì trợ cấp trực tiếp cho một số doanh nghiệp cụ thể.

Khuyến khích chính sách hỗ trợ theo **cơ chế thị trường**, giảm nguy cơ bị coi là “ưu đãi bất thường” (ví dụ: hỗ trợ lãi suất thông qua quỹ tín dụng chung thay vì chỉ cho một vài tập đoàn).

Đảm bảo mọi ưu đãi đều dựa trên **tiêu chí khách quan, minh bạch** và không phân biệt đối xử.

3.2. Thiết lập cơ chế điều phối liên ngành

Điều tra chống trợ cấp (CTC) có đặc thù khác biệt so với chống bán phá giá (CBPG) ở chỗ: ngoài doanh nghiệp, **cơ quan điều tra nước ngoài thường yêu cầu thông tin trực tiếp từ Chính phủ** về các chính sách tài khóa, tín dụng, đất đai, năng lượng, R&D... Vì vậy, cần có một **cơ chế điều phối liên ngành thống nhất** để phản ứng kịp thời, chính xác và đồng bộ.

1. Thành lập Tổ công tác liên ngành về PVTM

Thành phần: Bộ Công Thương (Cục PVTM) làm đầu mối; phối hợp cùng Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT, Ngân hàng

Nhà nước, Bộ KH&CN, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, cùng các bộ ngành quản lý chuyên ngành.

Chức năng:

Tiếp nhận và phân tích yêu cầu cung cấp thông tin từ cơ quan điều tra nước ngoài.

Phân công rõ trách nhiệm cho từng bộ ngành trong việc chuẩn bị dữ liệu, báo cáo.

Đưa ra **lập trường chung của Chính phủ**, tránh tình trạng trả lời rời rạc, mâu thuẫn.

2. Quy trình phối hợp

Kích hoạt khẩn cấp: Khi TRA (hoặc cơ quan điều tra khác) khởi xướng vụ việc CTC, tổ công tác được kích hoạt ngay lập tức.

Chia sẻ thông tin: Cục PVTM làm đầu mối thu thập dữ liệu từ các bộ ngành, đồng thời chia sẻ kết quả phân tích với hiệp hội và doanh nghiệp.

Phản hồi thống nhất: Mọi tài liệu gửi ra nước ngoài đều được rà soát, thống nhất trong tổ công tác, đảm bảo **tính chính xác và tính pháp lý**.

3. Vai trò của địa phương

Các địa phương (UBND tỉnh, sở ngành) thường nắm thông tin thực tế về chính sách ưu đãi đầu tư, đất đai, năng lượng.

Cần có **cơ chế ràng buộc trách nhiệm:** địa phương phải báo cáo kịp thời, chính xác cho tổ công tác khi có yêu cầu.

Định kỳ, Bộ Công Thương có thể tổ chức tập huấn cho cán bộ địa phương về cách chuẩn bị dữ liệu và tài liệu trong các vụ CTC.

Trong các vụ việc chống trợ cấp (CTC), doanh nghiệp không chỉ phải đối mặt với khối lượng dữ liệu khổng lồ và yêu cầu kỹ thuật cao từ phía cơ quan điều tra nước ngoài, mà còn gặp khó

khăn lớn về **chi phí pháp lý và năng lực chuyên môn**. Vì vậy, Nhà nước cần có các cơ chế hỗ trợ trực tiếp để giúp doanh nghiệp và hiệp hội ứng phó hiệu quả.

1. Hỗ trợ tài chính

Thành lập quỹ hỗ trợ pháp lý cho PVTM: Ngân sách Nhà nước có thể hỗ trợ một phần chi phí thuê luật sư quốc tế, chuyên gia kinh tế, và phiên dịch chuyên ngành.

Cơ chế đồng tài trợ: Nhà nước hỗ trợ một phần, phần còn lại do hiệp hội và doanh nghiệp chia sẻ, giúp giảm gánh nặng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs).

Ưu đãi tín dụng: Các ngân hàng thương mại Nhà nước có thể cung cấp gói tín dụng ưu đãi để doanh nghiệp có thêm nguồn lực duy trì vụ việc kéo dài.

2. Hỗ trợ pháp lý – kỹ thuật

Thuê luật sư quốc tế theo hợp đồng khung: Nhà nước có thể đứng ra ký hợp đồng khung với một số hãng luật quốc tế có kinh nghiệm về CTC, để khi có vụ việc, doanh nghiệp và hiệp hội có thể sử dụng ngay mà không mất thời gian lựa chọn.

Đội ngũ chuyên gia thường trực tại Cục PVTM: Hỗ trợ doanh nghiệp trong việc trả lời bảng câu hỏi, thu thập số liệu kế toán – tài chính, và chuẩn bị lập luận pháp lý.

Dịch và phổ biến các văn bản pháp lý: Cung cấp bản dịch chuẩn xác các quy định liên quan của TRA, WTO SCM Agreement để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận.

3. Hỗ trợ thông tin

Cảnh báo sớm: Bộ Công Thương và Cục PVTM thường xuyên theo dõi thương mại quốc



tế, cảnh báo cho doanh nghiệp và hiệp hội khi có dấu hiệu khởi xướng điều tra CTC từ UK.

Cơ sở dữ liệu mở: Thiết lập hệ thống dữ liệu công khai về các vụ việc CTC trước đây, bao gồm mức thuế, lập luận chính, và bài học kinh nghiệm.

Hướng dẫn chi tiết: Ban hành sổ tay hướng dẫn ứng phó CTC (song ngữ Việt – Anh), giúp doanh nghiệp chủ động chuẩn bị hồ sơ.

3.4. Vai trò ngoại giao và vận động quốc tế

Trong các vụ việc chống trợ cấp (CTC), ngoài yếu tố kỹ thuật pháp lý, **ngoại giao kinh tế** đóng vai trò quan trọng. Lý do là bởi CTC thường liên quan trực tiếp đến **chính sách hỗ trợ của Nhà nước**, và cơ quan điều tra nước ngoài có thể coi đây là “trợ cấp đặc thù” nếu Việt Nam không giải thích rõ ràng. Do đó, việc kết hợp giữa pháp lý – thương

mại và ngoại giao là cần thiết để giảm thiểu rủi ro.

1. Phát huy vai trò của cơ quan đại diện ngoại giao tại UK

Theo dõi và báo cáo sớm: Đại sứ quán, Thương vụ Việt Nam tại London cần chủ động nắm bắt thông tin về các cuộc tham vấn công khai, báo cáo của TRA, cũng như phản ứng từ hiệp hội doanh nghiệp Anh.

Làm cầu nối: Hỗ trợ doanh nghiệp và hiệp hội Việt Nam liên hệ trực tiếp với TRA, các tổ chức luật sư quốc tế, và đối tác trong ngành công nghiệp UK.

Tham dự tham vấn công khai: Cơ quan ngoại giao có thể đăng ký tham dự các buổi tham vấn/điều trần với tư cách quan sát viên, qua đó thể hiện sự quan tâm của Chính phủ Việt Nam.

2. Đối thoại song phương cấp Chính phủ

Trao đổi trực tiếp với UK: Bộ Công Thương, Bộ Ngoại giao

có thể tiến hành đối thoại chính sách với đối tác Anh, nhấn mạnh rằng các chương trình hỗ trợ của Việt Nam mang tính phổ quát, minh bạch và tuân thủ WTO.

Kênh hợp tác thương mại: Tận dụng các cơ chế như Ủy ban hỗn hợp kinh tế - thương mại Việt Nam – UK (JETCO) để nêu vấn đề, tránh để căng thẳng thương mại leo thang.

Vận động linh hoạt: Kết hợp kênh chính thức (ngoại giao nhà nước) và kênh phi chính thức (hiệp hội, think-tank, viện nghiên cứu) để truyền đạt thông điệp đến giới hoạch định chính sách UK.

3. Hợp tác đa phương và quốc tế

Tận dụng WTO: Khi cần thiết, Việt Nam có thể tham vấn trong khuôn khổ WTO để bảo vệ quan điểm rằng các chính sách hỗ trợ không vi phạm Hiệp định SCM.

Phối hợp với các nước đang phát triển: Liên minh cùng những quốc gia cũng thường bị điều tra CTC (Ấn Độ, Thái Lan, Indonesia...) để tạo lập “mặt trận chung” trong các diễn đàn quốc tế.

Học hỏi kinh nghiệm: Hợp tác với các hiệp hội quốc tế, tổ chức tư vấn nước ngoài để cập nhật thông tin và phương thức ứng phó.

3.5. Nâng cao năng lực thể chế trong nước

Các vụ việc chống trợ cấp (CTC) có tính chất **phức tạp, kéo dài và đòi hỏi năng lực kỹ thuật cao**. Nếu không có sự chuẩn bị đầy đủ từ thể chế trong nước, doanh nghiệp sẽ rơi vào thế bị động và dễ bị áp thuế bất lợi. Do đó, việc tăng cường năng lực thể chế là một trong những khâu quan trọng nhất để bảo vệ lợi ích quốc gia.

1. Tăng cường nguồn lực cho Cục Phòng vệ Thương mại (PVTM)

Nhân sự: Bổ sung cán bộ chuyên trách về CTC, có kiến thức sâu về Hiệp định SCM của WTO, luật PVTM của Anh và các án lệ quốc tế.

Ngân sách: Đảm bảo đủ kinh phí để Cục PVTM có thể thuê chuyên gia, luật sư, và tham dự các phiên điều trần quốc tế.

Cơ sở dữ liệu: Xây dựng hệ thống dữ liệu về các chương trình hỗ trợ trong nước, cũng như về các vụ CTC quốc tế đã và đang diễn ra, để phục vụ việc đối chiếu, phân tích.

2. Thiết lập trung tâm nghiên cứu và tư vấn về PVTM

Thành lập **think-tank chuyên sâu** về các biện pháp PVTM, tập trung vào CTC, nhằm hỗ trợ cả Nhà nước và

doanh nghiệp trong việc phân tích xu hướng, đưa ra khuyến nghị chính sách.

Trung tâm này có thể hoạt động theo mô hình hợp tác công – tư, kết nối cơ quan Nhà nước, viện nghiên cứu, trường đại học và hiệp hội ngành hàng.

3. Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chuyên môn

Chương trình đào tạo dài hạn: Gửi cán bộ tham gia các khóa học chuyên sâu về PVTM tại WTO, UNCTAD hoặc các trường luật quốc tế.

Tập huấn trong nước: Mời chuyên gia quốc tế giảng dạy về cách phân tích trợ cấp, cách trả lời bảng câu hỏi của TRA, cách xây dựng hồ sơ pháp lý.

Đào tạo cho doanh nghiệp: Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận kiến thức về CTC để nâng cao khả năng tự bảo vệ.

4. Cơ chế phối hợp và ứng phó nhanh

Thiết lập **đầu mối cảnh báo sớm** trực thuộc Cục PVTM, kết nối với các cơ quan thương vụ ở nước ngoài để phát hiện sớm nguy cơ bị điều tra.

Xây dựng **quy trình ứng phó chuẩn hóa**, từ khi có dấu hiệu bị điều tra đến lúc tham gia tham vấn và điều trần.

Đảm bảo có thể huy động nhanh chóng luật sư và chuyên gia khi cần, tránh tình trạng chậm trễ gây bất lợi.

Kết luận

Ứng phó với các vụ việc **chống trợ cấp (CTC)** là một thách thức lớn đối với doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập sâu rộng và thương mại quốc tế gia tăng tính cạnh tranh. Khác với chống bán phá giá, CTC mang tính chất **chính sách và pháp lý phức tạp hơn,**

bởi cơ quan điều tra nước ngoài thường tập trung vào việc xem xét **các chương trình hỗ trợ của Chính phủ** và mối liên hệ với hoạt động xuất khẩu.

Để bảo vệ lợi ích chính đáng, cần có sự tham gia đồng bộ của cả ba chủ thể:

Doanh nghiệp: Chủ động thu thập, lưu trữ dữ liệu minh bạch, hợp tác đầy đủ với cơ quan điều tra, và sẵn sàng tham gia vào tiến trình trả lời bảng câu hỏi, điều trần.

Hiệp hội ngành hàng: Đóng vai trò hạt nhân trong việc điều phối hội viên, đại diện tập thể trước TRA, tổ chức đào tạo – chia sẻ thông tin, và huy động nguồn lực chung để nâng cao sức mạnh ngành.

Nhà nước: Vừa là đối tượng giải trình, vừa là trụ cột hỗ trợ. Nhà nước cần hoàn thiện chính sách minh bạch, thiết lập cơ chế điều phối liên ngành, hỗ trợ pháp lý – tài chính trực tiếp, phát huy vai trò ngoại giao, và đầu tư cho năng lực thể chế.

Bài học quan trọng rút ra là: **chỉ khi cả ba chủ thể phối hợp chặt chẽ**, Việt Nam mới có thể ứng phó hiệu quả với các vụ việc CTC, giảm thiểu rủi ro bị áp thuế cao, đồng thời củng cố hình ảnh một quốc gia minh bạch, tuân thủ luật chơi quốc tế. Đây không chỉ là bảo vệ một ngành hàng cụ thể, mà còn là **bảo vệ uy tín quốc gia và năng lực cạnh tranh dài hạn của nền kinh tế Việt Nam.**



BỘ CÔNG THƯƠNG
CỤC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI